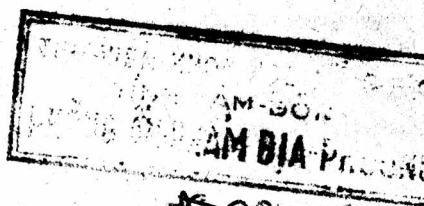


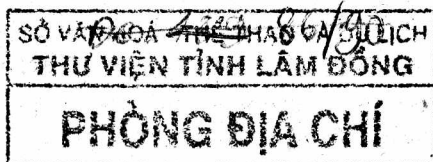
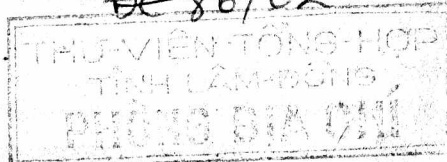
ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM



SƠ THẢO
LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ TỈNH LÂM ĐỒNG

(1945 — 1954)

T. 2



BAN NGHIÊN CỨU LỊCH SỬ ĐẢNG TỈNH LÂM ĐỒNG
XUẤT BẢN NĂM 1984

1 AUG 1941

Lời nói đầu

Nhân dịp kỷ niệm 39 năm cách mạng Tháng 8 và Quốc khánh 2—9, Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng tỉnh Lâm Đồng xuất bản cuốn « Sơ thảo Lịch sử Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng, thời kỳ 1945—1954 ».

Cuốn sách nhằm giới thiệu quá trình đấu tranh cách mạng vẻ vang của cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc tỉnh nhà trong 9 năm kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược. Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ Lâm Đồng, nhân dân các dân tộc trong tỉnh đã cùng nhau đoàn kết, vượt qua mọi khó khăn gian khổ, tiến hành cuộc kháng chiến, góp phần vào thắng lợi chung của cả nước.

Trong quá trình nghiên cứu và biên soạn, Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng đã được sự quan tâm chỉ đạo trực tiếp của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, sự hướng dẫn của Viện Lịch sử Đảng, sự giúp đỡ của các cơ quan Trung ương và địa phương, việc cung cấp tư liệu và đóng góp ý kiến của nhiều cán bộ, đảng viên, nhất là những đồng chí đã tham gia hoạt động ở địa phương.

Theo yêu cầu cuốn Sơ thảo Lịch sử Đảng bộ địa phương, Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng tuy đã có nhiều cố gắng

trong việc sưu tầm tư liệu, nghiên cứu và biên soạn, nhưng do trình độ có hạn, tư liệu còn thiếu nên cuốn sách còn hạn chế. Chúng tôi mong rằng các đồng chí cán bộ, đảng viên, nhân dân trong tỉnh và các bạn đọc tiếp tục cung cấp tư liệu, góp ý kiến để cuốn Sơ thảo được hoàn chỉnh hơn.

Đà Lạt, ngày 2 tháng 9 năm 1984

BAN NGHIÊN CỨU LỊCH SỬ ĐẢNG TỈNH LÂM ĐỒNG

PHẦN THỨ NHẤT

LÂM VIÊN VÀ ĐỒNG NAI THƯỢNG TRƯỚC KHI BƯỚC VÀO CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP

Cách mạng tháng Tám thắng lợi đánh dấu một bước ngoặt vĩ đại, mở ra một kỷ nguyên mới trong lịch sử dân tộc ta — kỷ nguyên độc lập tự do và chủ nghĩa xã hội. Nhân dân ta từ người nô lệ trở thành người chủ đất nước, đó là «Một cuộc đổi đời chưa từng có đối với người Việt Nam»⁽¹⁾. Đảng ta từ một Đảng không hợp pháp trở thành một Đảng lãnh đạo chính quyền trong cả nước. Nước ta từ một nước thuộc địa, nửa phong kiến đã trở thành một nước độc lập, tự do, một nước dân chủ nhân dân đầu tiên ở Đông Nam Á.

Nước Việt Nam dân chủ cộng hòa vừa mới ra đời, chính quyền nhân dân còn non trẻ đã phải đương đầu với nhiều khó khăn phức tạp. Chưa bao giờ trên đất nước ta lại có nhiều kẻ thù như vậy, bọn phản động trong nước đang tìm cách ngóc đầu dậy chống phá cách mạng, âm mưu lật đổ chính quyền. Chế độ phong kiến mấy nghìn năm, chính sách cai trị, xâm lược của thực dân Pháp, phát xít Nhật còn để lại hậu quả rất

(1) Lê Duẩn — Tiến lên dưới ngọn cờ vẻ vang của Đảng. NXB Sự Thật 1989, trang 13.

nặng nề, nền kinh tế đang gặp những khó khăn thiếu thốn nghiêm trọng.

Nhưng dưới sự lãnh đạo tài tình, sáng suốt của Đảng, ngay sau khi giành được chính quyền nhân dân ta đã nhanh chóng khắc phục và vượt qua mọi khó khăn từng bước ổn định đời sống, giữ vững chính quyền, chuẩn bị bước vào cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

Hòa nhịp với thắng lợi chung của cả nước, nhân dân các dân tộc anh em ở Lâm Viên và Đồng Nai Thượng dưới sự lãnh đạo của Đảng đã đứng lên giành chính quyền và tập trung mọi sức lực để xây dựng chế độ mới. Từ đây người Kinh và người Thượng là những người làm chủ thật sự đất nước, không khí tự hào, phấn khởi bao trùm mọi tầng lớp nhân dân.

Sau khởi nghĩa, Mặt trận Việt Minh và chính quyền cách mạng ở Lâm Viên và Đồng Nai Thượng đã nỗ lực rất cao, thực hiện từng bước chương trình Việt Minh nhằm phục vụ nhân dân, củng cố chính quyền cách mạng. Những chủ trương và công tác đã thực hiện:

1) Giải tán toàn bộ chính quyền tay sai của địch, thành lập chính quyền cách mạng từ Tỉnh đến cơ sở, sử dụng một số công chức, trí thức tình nguyện tham gia cách mạng. Thực hiện chính sách đoàn kết dân tộc của Đảng, trong Ủy ban và Mặt trận Việt Minh Tỉnh, có một số đại biểu dân tộc ít người và nhân sĩ trí thức. Ông Ta-tion-Đôn⁽¹⁾ là ủy viên Ủy ban nhân dân cách

(1) Người dân tộc Chu Ru, nguyên thừa phái ở dinh Quân Đạo Tỉnh Lâm Viên tại Đà Lạt, năm 1968 là phó chủ tịch Ủy ban nhân dân Cách mạng lâm thời tỉnh Tuyên Đức. Chết năm 1977 tại Đà Lạt

mạng làm thời tỉnh Lâm Viên. Ủy ban nhân dân cách mạng làm thời tỉnh Đồng Nai Thượng cũng có một đại biểu dân tộc ít người. Nhiều buôn làng tự động thành lập Ủy ban nhân dân cách mạng. Tỉnh Lâm Viên mở cuộc họp bao gồm các giới tại rạp Lang-biang (nay là rạp Giải Phóng — đường Phan Đình Phùng — Đà Lạt) để thành lập Ủy ban Việt Minh Tỉnh; sau đó các tổ chức công nhân, phụ nữ, thanh niên, hội phụ lão cứu quốc được thành lập. Ở Đà Lạt, công nhân các ngành nghề đặt trụ sở tại nhà Mỹ Nga, đường Lò Gạch (nay là nhà số 3 — đường Hoàng Diệu) và coi đây là trụ sở « Tổng công hội ». Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Viên quyết định bắt giam và giải ra Trung bộ để xét xử tên Trần Văn Lý (nguyên Tổng đốc⁽¹⁾ Ninh Thuận — Bình Thuận — Lâm Viên và Đồng Nai Thượng), Ung An (nguyên Quản đạo⁽²⁾ Lâm Viên) và một số tên tay sai đắc lực của Pháp, Nhật như Cò Nồng, mặt thám Kê, một số tên cha cố đội lốt tôn giáo chống phá cách mạng.

Trong thời gian này ở Đồng Nai Thượng cũng thành lập Mặt trận Việt Minh Tỉnh và các đoàn thể cứu quốc. Ủy ban nhân dân Tỉnh đồng ý cho Cao Minh Hiệu (nguyên Quản đạo Đồng Nai Thượng) về quê.

Ở hai tỉnh các đoàn thể cứu quốc tích cực tham gia các hoạt động xã hội như: Ban Hồng thập tự, tuần lễ vàng, tuần lễ đồng, tuyên truyền các chủ trương, chính sách của chính phủ trong các tầng lớp nhân dân.

2) Giải tán các đội bảo an, tổ chức các đơn vị vệ quốc đoàn và dân quân, tự vệ; thu nhận những sĩ quan,

(1) Tổng đốc là chức vụ cao nhất về hành chính của một tỉnh lớn hay kiêm nhiều tỉnh.

(2) Là chức vụ đề phụ trách hành chính ở một địa phương được xem như một tỉnh nhỏ.

binh lính, bảo an tình nguyện theo Cách mạng. Tỉnh Lâm Viên sử dụng Đội (1) bảo an theo Cách mạng làm cán bộ chỉ huy cấp trung đội. Trong số 200 súng trường, 4 súng máy thu được, Lâm Viên đã chi viện cho tỉnh Đồng Nai Thượng và tỉnh Ninh Thuận 100 súng trường. Tỉnh Đồng Nai Thượng dùng Quân (2), Đội theo cách mạng làm huấn luyện viên. Giải tán các tổ chức cảnh sát, mật thám của Pháp, Nhật, thành lập cơ quan công an và cảnh sát nhân dân. Đưa một số cán bộ đi học trường quân chính do Trung ương mở ở Hà Nội để đào tạo cán bộ quân sự, chuẩn bị phát triển lực lượng quân đội. Hoan nghênh và thu nhận một số hạ sĩ quan và binh lính quân đội Nhật tình nguyện tham gia lực lượng vũ trang cách mạng và sử dụng làm huấn luyện viên quân sự. Hầu hết những anh em này đều tham gia quân đội và hoạt động tích cực.

3) Tích thu và sung công tài sản của chính quyền thực dân và chủ tư bản Pháp. Thành lập các Ban tự quản của công nhân để quản lý các xí nghiệp, đồn điền này và tiếp tục sản xuất. Phát động phong trào tăng gia sản xuất lương thực. Những công tác trên đã được thực hiện tốt.

Đồng bào các dân tộc ở hai tỉnh đã tích cực hưởng ứng phong trào tổ chức « Quý độc lập », « Tuần lễ vàng », « Tuần lễ đồng », đã quyên góp được một số lớn vàng, đồng và tiền, riêng Lâm Viên đã thu được 10 kg vàng, có người đã hiến cả những tư trang kỷ niệm của đời mình cho cách mạng.

4) Thi hành sắc lệnh bãi bỏ thuế thân (3), Ủy ban

(1) Đội là cấp trung sĩ.

(2) Quân là cấp thượng sĩ.

(3) Sắc lệnh ký ngày 7-9-1945. Văn kiện Đảng 1945 - 1954, tập II, Ban nghiên cứu lịch sử Đảng Trung ương - Hà Nội 1978, trang 110.

nhân dân cách mạng lâm thời hai tỉnh đã thi hành triệt để, vì đây là một thứ thuế dã man của thực dân Pháp. Tuyên bố ngày làm 8 giờ, đáp ứng nguyện vọng tha thiết của giai cấp công nhân. Thành lập Ban cứu tế và trại cứu tế, nuôi dưỡng người già, người tàn tật không nơi nương tựa. Thực hiện sắc lệnh giảm tức, hoãn nợ cho người nghèo. Ủy ban nhân dân Đồng Nai Thượng tuyên bố xóa nợ người Thượng còn nợ người Kinh.

Tổ chức phong trào lạc quyền và hũ gạo tiết kiệm giúp đỡ đồng bào miền Bắc bị nạn đói. Các tầng lớp nhân dân của hai tỉnh đã nhiệt liệt tham gia với tinh thần «Người trong một nước phải thương nhau cùng», tinh thần «Nhường cơm xẻ áo».

5) Thực hiện sắc lệnh thanh toán nạn mù chữ ⁽¹⁾, mỗi tỉnh đều thành lập cơ quan bình dân học vụ, tổ chức các lớp học ban đêm. Phát động phong trào thể dục, thể thao, văn nghệ. Ở Đồng Nai Thượng đã dịch các bài hát Cách mạng ra tiếng dân tộc để đưa vào các vùng dân tộc ít người. Các trường học tiếp tục mở cửa, số học sinh đi học đông hơn trước. Chương trình Việt Minh được đưa vào nội dung giảng dạy, xóa bỏ những nội dung giáo dục trái với đường lối cách mạng của Đảng.

Tuy chính quyền đã về tay nhân dân, nhưng ở Đà Lạt quân Nhật vẫn còn chiếm giữ những vị trí quan trọng như nhà máy Điện, Ngân hàng, Bưu điện, viện Pát-xơ và đóng quân trong một số đồn. Lúc này chúng vẫn thực hiện những điều quy định của chính quyền cách mạng. Trước ngày 6-9-1945 một số lớn

(1) Sắc lệnh ký ngày 8-9-1945. Văn kiện Đảng 1945 - 1954, tập II, Ban NCLSD Trung ương - Hà Nội 1978, trang 114 - 115.

quân Nhật đã rút, số còn lại tập trung ở cư xá Bơ-
noa (tức Chi Lăng hiện nay), một số gác ở cư xá
Đờ-cu (hiện nay ở Trường Trần Hưng Đạo) và cư xá
Ben-lơ-vuy (hiện nay ở Đôn Dương). Tại Đà Lạt chỉ
còn một số ít lính Nhật canh gác. Ở Đồng Nai Thượng
một số ít quân Nhật đóng tại xưởng Đuy-vi-nhô
(Duvignaud). Quân Nhật chuẩn bị rút khỏi hai tỉnh và
định giao trại giam người Pháp cho ta. Thay vì để
làm việc đó, quân Nhật bị thực dân Pháp dựa vào thế
lực quân Anh, buộc Nhật giao các vùng đất ở miền
Nam Việt Nam đồng thời với việc giải giáp. Nhật đã
rút khỏi vùng nào, phải quay lại chiếm giữ để bàn giao
cho Pháp. Vì vậy, quân Nhật ở Lâm Viên và Đồng Nai
Thượng chẳng những không rút, mà còn đưa số quân
đã đi quay lại Đà Lạt, chiếm đóng thêm nhiều đồn
bót, trạm gác.

Ngày 24-9-1945 quân Nhật ở Đà Lạt mời đại biểu
Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Viên đến, buộc phải
chấp nhận hai điều kiện: một là, dán khắp nơi trong
tỉnh bản thông cáo của Gra-zây (Gracey)⁽¹⁾ Tổng chỉ huy
quân đội Anh ở Nam Đông Dương; hai là, giải tán
các lực lượng vũ trang của ta, nộp vũ khí cho Nhật.
Đoàn đại biểu ta bị Nhật giữ lại hai ngày đêm uy hiếp
tinh thần, ta đã nhượng bộ và chấp nhận hai điều
kiện, nhưng có sửa đổi là ta được giữ 200 súng để
thanh niên canh gác. Đoàn đại biểu ta về báo cáo, Ủy

(1) Nội dung chủ yếu của bản thông cáo là: 1— không được phép tổ
chức những cuộc bãi tình; 2— Không được hội họp bất cứ chỗ
nào; 3— Không được mang vũ khí bất cứ thứ gì, dù là gậy, dao,
tăm vông vót nhọn...; 4— Không được ra đường từ 21h30 đến 5h
sáng. Theo sách: Cuộc kháng chiến thần thánh của nhân dân VN, Tập 1
XB lần 2, NXBST, trang 13.

ban nhân dân tỉnh Lâm Viên không đồng ý với sự thỏa thuận ấy, gửi thư cho Nhật bác bỏ các yêu sách. Tuy vậy, ta cũng phải giao cho Nhật một số súng để tình hình bớt căng thẳng.

Ở Đồng Nai Thượng, quân Nhật cũng yêu sách những điều tương tự với Ủy ban nhân dân Tỉnh. Nhưng ta đã tranh thủ và thuyết phục được quân Nhật ở Đồng Nai Thượng nên chỉ giao súng hồng có tính chất lấy lệ. Trong lúc giao vũ khí, lực lượng vũ trang ta phải rút khỏi đồn nhưng sau đó vẫn trở về ở lại trong đồn và không mang súng công khai đi ngoài đường.

Tình hình chính trị ở Lâm Viên và Đồng Nai Thượng trở nên căng thẳng, quân Nhật thường xuyên kiểm chuyện gây rắc rối. Mặt khác, để thực hiện ý đồ đánh chiếm các tỉnh Nam Trung bộ, thực dân Pháp đã dùng quân Nhật từ Sài Gòn lên đánh chiếm Blao, Di Linh, Đà Lạt (11-1945) và chúng thả tất cả những người Pháp bị giam giữ.

Phát hiện cao nguyên Lang-Biang và cao nguyên Djalinh (1893), nhất là từ sau chiến tranh thế giới lần thứ nhất thực dân Pháp ra sức xây dựng, khai thác Đà Lạt thành nơi nghỉ dưỡng nổi tiếng ở Đông Dương. Giai cấp tư sản thực dân Pháp độc quyền kinh doanh hầu hết các ngành kinh tế: Công nghiệp, xây dựng, thương nghiệp, khách sạn và đồn điền... Đến năm 1945 các đường giao thông quan trọng đã hoàn thành như đường 8 nối liền từ Phan Thiết lên Di Linh, đường 11 từ Tháp Chàm đến Đà Lạt, đường 20 nối liền Sài Gòn với Đà Lạt, đường sắt Tháp Chàm — Đà Lạt, sân bay dân dụng Liên Kháng; xây dựng xong đập và nhà máy thủy điện Ankroét với công suất 3.500 KWA, một số

nhà máy cưa, ga ra sửa chữa ô tô, xưởng sửa chữa xe lửa, một số cơ sở khí tượng thủy văn, nhà máy nước, xây dựng hàng ngàn biệt thự, ba cư xá lớn: Đờ-cu, Bờ-noa, Đa-vít và khách sạn Palace nổi tiếng, đã có trên 70 đồn điền trà, cà phê và nhiều cơ sở trồng rau, hoa, có đồn điền lớn như Trà Cầu Đất diện tích hơn 900 ha, có lúc công nhân lên tới trên 1.600 người; về giáo dục đã có nhiều trường trung, tiểu học.

Nằm trên độ cao khổng lồ và địa hình rừng núi, Lâm-Viên và Đồng Nai Thượng có vị trí chiến lược quan trọng đối với Cục Nam Trung bộ, Tây Nguyên và Nam Đông Dương. Đà Lạt chẳng những có nhiều cảnh đẹp, là nơi nghỉ dưỡng, có vị trí chiến lược quân sự, mà còn có mối quan hệ chặt chẽ về đời sống và dư luận chính trị, xã hội đối với Sài Gòn, Miền Đông Nam bộ, các tỉnh miền Trung Trung bộ và ngược lại.

Trước khi thực dân Pháp đến, ở Lâm Viên và Đồng Nai Thượng chỉ có đồng bào các dân tộc ít người, trình độ chậm phát triển, sống theo lối du canh, du cư, chưa phân hóa giai cấp. Đi đôi với yêu cầu xây dựng và khai thác, thực dân Pháp đã bắt ép, lựa chọn người Kinh từ miền Bắc, miền Trung và cùng một số người ở các tỉnh đến đây làm ăn sinh sống. Từ đó tình hình dân cư ở Lâm Viên có sự thay đổi, người Kinh sống tập trung ở Đà Lạt, các thị trấn và dọc theo các đường 11, 20. Tỉnh Đồng Nai Thượng dân cư hầu hết là đồng bào dân tộc ít người, phần đông là các dân tộc như Châu Mạ, K'Ho. Do biến đổi về cơ cấu dân cư, tình hình các giai cấp cũng có nhiều biến động. Vùng đồng bào dân tộc ít người ở gần thị xã, thị trấn, trực giao thông hiện tượng bóc lột kinh tế đã xuất hiện, xã hội đã bắt đầu phân hóa giai cấp, có kẻ giàu người nghèo và đã có một số làm

công nhân ở các đồn điền. Vùng người Kinh tại Đà Lạt có giai cấp công nhân, giai cấp tiểu tư sản, giai cấp nông dân là những người làm vườn và một số ít tư sản Việt Nam, không có giai cấp địa chủ. Trước năm 1945 giai cấp công nhân ở Lâm Viên và Đồng Nai Thượng có khoảng 15.000 người, chiếm 1/4 tỷ lệ dân số, không kể những người làm thuê theo thời vụ. Đây là giai cấp chiếm số lượng đông và có mặt ở các ngành xây dựng, đồn điền, thương nghiệp, công nghiệp là lực lượng sản xuất, lực lượng cách mạng chủ yếu ở địa phương. Trước Cách mạng tháng Tám năm 1945 dân số Đà Lạt có khoảng 25.000 người, Đồng Nai Thượng có khoảng 35.000 người, trong đó người Kinh có khoảng 3.000 (1).

Đồng bào các dân tộc ít người có truyền thống đấu tranh chống giặc ngoại xâm. Thực dân Pháp tìm mọi thủ đoạn vừa đàn áp, vừa dụ dỗ, mua chuộc nhưng không khuất phục được những vùng đồng bào Châu Mạ, chúng phải coi đó là « vùng chưa hề biết đến » (2). Phong trào « Mộ Cọ » (3) trong những năm 1937 — 1938 trở thành phong trào quần chúng rộng rãi thu hút hàng vạn người đứng lên chống thực dân Pháp xâm lược. Mặc dù bị đàn áp nhưng phong trào này mãi mãi là bản anh hùng ca bất diệt, là niềm tự hào của đồng bào các

(1) Dân số Lâm Viên chủ yếu ở Đà Lạt, trong đó Pháp kiều có khoảng 5.000, Hoa kiều khoảng 5.000, Việt khoảng 10.000, người Thượng 880. Đến năm 1946 khi Pháp trở lại chiếm đóng người Kinh ở Lâm Viên chỉ còn khoảng 5.200. Ở Đồng Nai Thượng đồng bào Kinh di tản cư khoảng 2.800 người. (Theo tư liệu thống kê của Ban nghiên cứu lịch sử Đảng Lâm Đồng).

(2) Theo báo cáo của Công sứ Đồng Nai Thượng năm 1925 « La Région Inconnue ».

(3) Từ « Mộ Cọ » theo tiếng K'Ho là bà Tráng (vi Bạch tạng), bà là người dân tộc K'Ho, ở buôn Đồng Đò, huyện Di Linh.

dân tộc ít người trong tỉnh. Đồng bào Kinh hầu hết là người lao động, vì bị áp bức bóc lột, không thể sống ở quê nhà, đến đây sinh sống. Tuy ở nhiều địa phương khác nhau hợp lại nhưng đều là những nơi có truyền thống đấu tranh cách mạng. Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, các tầng lớp nhân dân đã cùng nhau đoàn kết đấu tranh chống kẻ thù chung và làm thất bại âm mưu chia rẽ dân tộc Kinh — Thượng, chia rẽ địa phương và vẫn sống chan hòa, đoàn kết cùng nhau làm cách mạng.

Sau khi đảo chính Pháp (9-3-1945), Nhật đã tuyên truyền thuyết « Đại Đông Á » thuyết « Đồng chủng đa vàng » đề cao công ơn của Nhật đã cho Việt Nam « Độc lập ». Tại Lâm Viên có một số người xu thời hoặc nhẹ dạ và một số tay sai đã đứng ra tổ chức điều hành hoan hô Nhật và lập Ban liên lạc với Nhật. Các tổ chức chính trị cơ hội đã xuất hiện như Tân Việt Nam, Đoàn thanh niên tiền tuyến... Lúc đầu có nhiều thanh niên bỗng bột, chưa nhận rõ bản chất chính trị của tổ chức, đã ngây thơ tham gia phong trào thanh niên tiền tuyến ; nhiều công chức, trí thức, một số tư sản gia nhập Tân Việt Nam. Nhưng trước ngày khởi nghĩa, do ảnh hưởng rộng rãi của Mặt trận Việt Minh và sự hoạt động của cán bộ tại chỗ đã làm cho nhiều người thức tỉnh và hiểu rõ tính chất chính trị của các tổ chức này, đã rút ra không tham gia, do đó tổ chức Tân Việt Nam bị tan rã. Lực lượng thanh niên tham gia Đoàn thanh niên tiền tuyến, cán bộ Mặt trận Việt Minh đã tìm cách gia nhập và vận động để chuyển sang hoạt động theo các chủ trương của Việt Minh và tuyển chọn để kết nạp vào đoàn thể thanh niên Cứu quốc. Qua đó huy động được đông đảo thanh niên cũng như các tầng lớp đã tích cực tham gia Tổng

khởi nghĩa, gia nhập vào dân quân tự vệ, bộ đội và chuẩn bị tiến hành cuộc kháng chiến.

Nhìn lại quá trình cách mạng ở Lâm Viên và Đồng Nai Thượng, các tầng lớp nhân dân Kinh — Thượng đã tích cực tham gia các cuộc đấu tranh dân sinh dân chủ và cách mạng tháng 8-1945, chuẩn bị tiến hành kháng chiến, đã thể hiện lòng yêu nước và sức mạnh vĩ đại của các dân tộc anh em tại địa phương. Sau khởi nghĩa thắng lợi, y chính quyền tồn tại không được bao lâu nhưng ảnh hưởng của cách mạng tháng Tám và những ngày sống dưới chế độ mới đã để lại cho các tầng lớp nhân dân nhiều ấn tượng sâu sắc. Mặt khác, do thời gian sống trong độc lập — tự do và hòa bình chưa được bao lâu, việc tuyên truyền giáo dục chưa được nhiều nên nhận thức về Cách mạng, về Đảng, về chế độ mới của nhân dân lao động còn những mặt hạn chế.

DC. 88/15

Tổ chức Đảng ở địa phương ra đời sớm, liền sau khi có Đảng cộng sản Việt Nam, tuy nhiều lần bị đứt quãng nhưng vẫn phát huy vai trò lãnh đạo của Đảng đối với Cách mạng ở Lâm Viên và Đồng Nai Thượng từ năm 1930 đến tháng 9-1945. Trong thời gian khởi nghĩa giành chính quyền ở Đà Lạt tuy có hai chi bộ nhưng vì trình độ nhận thức và năng lực còn hạn chế nên chưa trực tiếp lãnh đạo nhân dân khởi nghĩa. Một số cán bộ, đảng viên được điều từ các nơi khác đến Lâm Viên hoạt động trước khởi nghĩa do chưa thật nhất trí với nhau nên chậm hình thành tổ chức lãnh đạo của Đảng ở địa phương mà chỉ cá nhân đứng ra vận động nhân dân khởi nghĩa. Ở Đồng Nai Thượng, trước và sau cách mạng tháng Tám chưa có đảng viên và tổ chức Đảng tại chỗ để trực tiếp lãnh đạo phong trào.

THƯ VIỆN TỔNG HỢP
PHÒNG SÁCH TẬP ĐÍNH

DC 139/92 17

DC 86/02

DC 89/15

Cách mạng tháng Tám thắng lợi, nhiều đồng chí cán bộ, đảng viên mới cùng nhau đứng ra thành lập chính quyền, tổ chức các đoàn thể và xây dựng lực lượng vũ trang nhưng chủ yếu là ở vùng Kinh. Sự lãnh đạo của Đảng trong thời gian này vẫn do cá nhân cán bộ, đảng viên thông qua tổ chức Việt Minh và chính quyền Tỉnh. Hầu hết cán bộ chủ chốt của Việt Minh và chính quyền là công chức, trí thức, họ có lòng yêu nước, nhiệt tình cách mạng nhưng chưa có kinh nghiệm lãnh đạo, chỉ đạo phong trào cách mạng. Đã thế, Lâm Viên và Đồng Nai Thượng là chiến trường xa Trung ương, xa cấp trên, nằm sâu trong lòng địch, lại phải chiến đấu trước toàn quốc kháng chiến (19-12-1946) nên có nhiều khó khăn, lúng túng, do vậy có lúc chưa đề ra được những chủ trương đúng đắn kịp thời.

Đây là những đặc điểm chủ yếu của tình hình Lâm Viên và Đồng Nai Thượng trước khi bước vào cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, đã chi phối đến thuận lợi, khó khăn trong quá trình lãnh đạo chỉ đạo để tiến hành cuộc kháng chiến giải phóng dân tộc.

PHẦN THỨ HAI

**ĐẢNG BỘ LÂM ĐỒNG LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN
CÁC DÂN, TỘC TIẾN HÀNH KHÁNG CHIẾN
CHỐNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC
(TỪ THÁNG 10 - 1945 ĐẾN THÁNG 7 - 1954)**

CHƯƠNG I

LÂM VIÊN, ĐỒNG NAI THƯỢNG CHUẨN BỊ VÀ TIẾN HÀNH KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP

(Từ 10 — 1945 đến 10 — 1950)

I. BẢO VỆ CHÍNH QUYỀN CÁCH MẠNG, RÚT LUI ĐỀ GIỮ GÌN LỰC LƯỢNG

(Từ 10 — 1945 đến 1 — 1946)

Khàn trương chuẩn bị chiến đấu:

Được quân Anh che chở, ngày 23-9-1945 thực dân Pháp nổ súng đánh chiếm Sài Gòn và mở rộng ra các tỉnh Nam bộ. Chúng đã phoi bày âm mưu xâm lược nước ta một lần nữa.

Ở Lâm Viên và Đồng Nai Thượng thực dân Pháp bắt ép quân Nhật phải chiếm lại những vị trí đã mất để bàn giao lại cho chúng. Trước tình hình đó Ủy ban nhân dân hai tỉnh Lâm Viên và Đồng Nai Thượng chủ trương gấp rút xây dựng lực lượng vũ trang và tự vệ chiến đấu, tích cực chuẩn bị mọi mặt để bảo vệ chính quyền cách mạng, bảo vệ nhân dân.

Ở Lâm Viên, các đơn vị vệ quốc đoàn được thành lập, thành phần chủ yếu là thanh niên, công nhân, có một số hạ sĩ quan, binh lính quân đội Nhật và các đội bảo an tình nguyện tham gia cách mạng. Đại đội tự vệ Đa Thành khoảng 40 người chủ yếu là thanh niên

làm vườn, đội tự vệ Tà Nung hơn 70 người hầu hết là anh em công nhân sở Canh ki na, bộ sữa, các đồn điền của Pháp ở vùng Cam lỵ. Trung đội tự vệ nữ Đà Lạt, các đội viên đều cắt tóc ngắn, mặc đồng phục và được trang bị vũ khí thô sơ.

Ở Đồng Nai thượng một số nơi đã thành lập các đơn vị tự vệ, riêng ở La Ba đại đội tự vệ có trên 100 người được tổ chức thành 4 trung đội, trong đó có 1 trung đội nữ. Các đơn vị vệ quốc đoàn, tự vệ chiến đấu với một số súng thu được trong thời gian khởi nghĩa giành chính quyền và vũ khí thô sơ đã tích cực luyện tập quân sự, tuần tra canh gác để bảo vệ thành quả cách mạng.

Tại Di Linh ban đêm lực lượng tự vệ vào ngủ trong đồn với tinh thần sẵn sàng chiến đấu. Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Viên tổ chức xưởng để sản xuất lựu đạn.

Theo sự thúc ép của thực dân Pháp, quân Nhật ở Lâm Viên và Đồng Nai Thượng đã vi phạm độc lập chủ quyền của ta và có những hành động khiêu khích. Trước tình hình đó Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Viên chủ trương dùng lực lượng quần chúng nhân dân đấu tranh đòi quân Nhật trả lại những công sở mà chúng đang chiếm giữ.

Sáng ngày 3-10-1945, nhân dân từ các nơi trong thị xã Đà Lạt tập trung tại khu chợ Đà Lạt mít tinh hưởng ứng lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh ủng hộ Nam bộ kháng chiến chống thực dân Pháp. Đoàn biểu tình từ Trại Mát lên Đà Lạt để dự lễ mít tinh, khi đến Ga ra Mạc-ti-nét (nay là xưởng sửa chữa ô tô ở Đường Trần Hưng Đạo) bị quân Nhật bắn bị thương một người. Đồng chí chủ trì cuộc mít tinh báo tin cho nhân

dân biết. Như lửa đổ thêm dầu, hàng ngàn cánh tay giơ lên hô to khẩu hiệu: «Đả đảo phát xít Nhật, trả thù cho đồng bào». Với vũ khí thô sơ, nhân dân chia thành các đoàn đến bao vây các công sở, đòi quân Nhật giao lại chủ quyền cho ta.

Đoàn thứ nhất kéo đến bao vây Viện Pát-Xtơ (nay ở đường Lê Hồng Phong). Đoàn thứ hai kéo đến khách sạn Palace, ngân hàng, bưu điện. Đoàn thứ ba kéo xuống nhà ga xe lửa, khi đến cuối sân vận động gặp quân Nhật trên đồi bắn xuống, ta tổ chức chiến đấu cho đến ngày hôm sau.

Tại nhà máy Điện (nay ở đường 3-2 Đà Lạt), theo chủ trương của Ủy ban nhân dân Tỉnh, lực lượng tự vệ nhà máy đã nổi dậy chiếm giữ và kéo ra bao vây bót ở ngã ba nhà máy điện. Quân Nhật ở bên trong bắn ra, một số đồng bào và tự vệ hy sinh, trong đó có đồng chí Nguyễn Iượng (tức Tư Phi). Tuy vũ khí thô sơ, nhưng với tinh thần chiến đấu dũng cảm, lực lượng tự vệ nhà máy điện đã tiêu diệt một số quân Nhật.

Tại khách sạn Palace, dinh toàn quyền Đông Dương (nay là dinh 2 ở đường Trần Hưng Đạo), ngân hàng, bưu điện và Viện Pát-Xtơ, ta đã xiết chặt vòng vây, cuộc chiến đấu diễn ra vô cùng ác liệt. Mặc dù anh Vũ Hòa Hốt công nhân nhà máy điện hy sinh, bị thương vong nhiều, trời mưa tầm tã nhưng không một ai rời vị trí chiến đấu. Khí thế đánh Nhật lan ra khắp nơi, ở các ngã đường nhân dân truy lùng, vây bắt và tước súng quân Nhật, có nơi đã bắt gọn một tiểu đội Nhật, có chị cầm giao đảm chết một tên Nhật trên đường phố. Nhân dân tự động nấu cơm, quàng xe tiếp tế đến các vị trí chiến đấu, các hội viên trong Ban Hồng thập tự ngày đêm tận tình chăm sóc những người bị thương.

Sáng ngày thứ hai, ở Viện Pát-xơ nhân dân đã bao vây bắt gọn toàn lính Nhật trong đó có một sĩ quan. Thông qua tên này, ta và Nhật đồng ý đình chiến và trao trả những người bị thương, bị bắt, quy định những vùng đóng quân của Nhật.

Qua hai ngày chiến đấu ta đã tiêu diệt 28 tên Nhật, bắn bị thương nhiều tên khác, thu nhiều súng. Lực lượng của ta có 40 người đã anh dũng hy sinh, 80 người bị thương. Với tinh thần yêu nước và lòng căm thù giặc sâu sắc, chỉ bằng vũ khí thô sơ, nhân dân Đà Lạt đã anh dũng chiến đấu chống quân Nhật để bảo vệ độc lập chủ quyền. Trận đánh Nhật ngày 3-10-1945 mãi mãi là một tấm gương sáng ngời, một bản anh hùng ca bất diệt. Ngày 11-10-1945, Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Viên tổ chức lễ truy điệu những đồng bào và chiến sĩ đã anh dũng hy sinh. Hàng ngàn người đến dự lễ vô cùng xúc động tỏ lòng thương tiếc và biết ơn những người đã hy sinh, nguyện noi gương chiến đấu để bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ thành quả cách mạng.

Cuối tháng 10-1945 thực dân Pháp tiếp tục mở rộng đánh chiếm các tỉnh Nam bộ và chuẩn bị tiến công ra các tỉnh Cực Nam Trung bộ. Trước tình hình khẩn cấp đó, Chính phủ lâm thời chỉ thị cho các tỉnh tích cực xây dựng lực lượng và tổ chức chiến đấu. Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Viên quyết định đưa các cơ quan, đoàn thể, người già, phụ nữ, trẻ em tản cư xuống Cầu Đất. Ở Đà Lạt chỉ còn một bộ phận thường trực do một đồng chí ủy viên Ủy ban nhân dân Tỉnh phụ trách. Lực lượng thanh niên, tự vệ thường xuyên tuần tra canh gác, sẵn sàng chiến đấu. Công nhân nhà máy điện đã tháo gỡ những thiết bị quan trọng mang theo, do đó nhà máy ngừng hoạt động.

Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai Thượng chủ trương cho nhân dân và các đoàn thể tản cư xuống Bình Thuận. Tại Blao, Ủy ban nhân dân huyện quyết định mở kho lấy vải, trà, thuốc chữa bệnh phân phát cho nhân dân. Một bộ phận theo đường phía Nam rút xuống Xa Lón, Bầu NƯỚC, một bộ phận theo sông La Ngà xuống Tánh Linh. Ở Di Linh, các cơ quan của tỉnh và đồng bào theo đường số 8 rút xuống cây số 31 và Phan Thiết, Tỉnh chỉ để lại một bộ phận trinh sát nắm tình hình và bí mật chuyển tài liệu, hàng hóa xuống nơi tản cư.

Do yêu cầu của sự chỉ đạo, cuối tháng 10-1945 Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Viên cử đồng chí Trần Xuân Biền làm Chủ tịch, các đồng chí Trương Văn Hoàn, Chung Văn Năm, Nghiêm Nghi sang công tác bên quân đội. Ủy ban nhân dân Đồng Nai Thượng cử đồng chí Nguyễn An làm Chủ tịch Tỉnh và bổ sung thêm một số ủy viên.

Chiến đấu và rút lui giữ gìn lực lượng:

Đầu tháng 11-1945, sau khi đánh chiếm các tỉnh Nam bộ, thực dân Pháp dùng lực lượng quân Nhật để chiếm đóng Nam Trung bộ nhưng không thực hiện được, lại gặp nhiều tổn thất và khó khăn. Trung tuần tháng 11-1945 theo lệnh của Pháp, quân Nhật cố chiếm giữ Phan Thiết, Phan Rang nhưng bị lực lượng vũ trang ta đánh bật. Ở Nha Trang quân Pháp đưa 6 tàu chiến đến bắn phá và đổ bộ để phối hợp với lực lượng quân Pháp đóng ở Nha Trang nhưng bị quân ta đánh trả quyết liệt và ta đã giữ vững trận tuyến được một tuần, không cho địch bung ra khỏi Nha Trang. Ngày 29-11-1945 các chiến hạm của Pháp phải rút đi. Tại Quy Nhơn lực lượng vũ trang ta bao vây quân Nhật, đến ngày 12-12-1945 chúng đầu hàng.

Ở mặt trận Rừng Lá (Biên Hòa) ta cũng đẩy lùi nhiều đợt tấn công, gây cho chúng nhiều thất bại nặng nề.

Không thực hiện được chủ trương đánh nhanh, thắng nhanh đối với Nam Trung bộ quân Pháp tiến quân đánh chiếm Cao Miên (Cam-pu-chia), Hạ Lào và từ đường ba ranh giới Việt-Miên-Lào đánh chiếm Ban Mê Thuột để tiến quân xuống Nha Trang. Mặt khác, chúng dùng lực lượng quân đội Nhật từ Sài Gòn theo đường 20 đánh chiếm Đồng Nai Thượng và Lâm Viên.

Như vậy, Lâm Viên và Đồng Nai Thượng là mục tiêu chiến lược quân sự đối với quân Pháp và cuộc kháng chiến cục bộ của quân dân Nam Trung bộ bắt đầu. Được quân Nhật che chở, những tên mật thám Pháp như Sô-li-nông (Solignon), Đuy-vi-nhô (Duvignaud), Lút-xê (Loussert), Mô-ri-dông (Môrizon)... đã lên lút hoạt động điều tra nắm tình hình hai tỉnh để báo cáo cho Xê-đin (Xédile) chỉ huy quân Pháp ở Sài Gòn.

Nhận rõ âm mưu và hành động của địch, Ủy ban nhân dân hai tỉnh Lâm Viên và Đồng Nai Thượng đã chủ trương gấp rút xây dựng các phòng tuyến đánh địch ở đèo Blao, đèo Prenn, Liên Kháng, Phi Nôm, Dran, Trại Mát. Đồng chí Trương Văn Hoàn chịu trách nhiệm tổ chức chỉ huy phòng thủ từ đèo Blao đến Prenn, đồng chí Nghiêm Nghị chịu trách nhiệm tổ chức chỉ huy tuyến phòng thủ từ Trại Mát đến Dran. Nhân dân các địa phương cùng với thanh niên, tự vệ, công nhân hăng hái tham gia xây dựng phòng tuyến và làm chương ngại vật trên đường 20, đường 11.

Ngày 18-10-1945, Bộ chỉ huy mặt trận Nam Trung bộ tăng cường cho Lâm Viên một trung đội Vệ quốc

quân Nam tiến, trung đội này được đưa xuống phòng tuyến đèo Blao. Từ miền Đông Nam Bộ, một trung đội Vệ quốc quân ra cùng phối hợp với trung đội Nam tiến. Hai trung đội Vệ quốc quân với trên 100 cán bộ, chiến sĩ, cùng với nhân dân Kinh, Thượng, công nhân các đồn điền khẩn trương xây dựng phòng tuyến phía Đông đèo Blao. Ở tuyến sau, một đơn vị phần lớn là phụ nữ lo tiếp tế, tải thương. Các đồng chí Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai Thượng, Chủ tịch huyện Blao và đại biểu các đoàn thể thường xuyên đến phòng tuyến thăm hỏi, cổ vũ động viên bộ đội, dân quân tự vệ.

Ngày 9 và 10 tháng 11 năm 1945 quân Nhật tiến theo đường 20 để thăm dò lực lượng ta, nhưng chúng đều bị đánh lui ở chân đèo Blao. 15 giờ ngày 11 tháng 11 năm 1945 một đoàn xe quân sự Nhật hơn 40 chiếc chở gần 300 lính tiến từ Sài Gòn lên. Khi đoàn xe lọt vào vị trí phục kích tại đèo Chuối, quân ta đồng loạt nổ súng, đoàn xe dừng lại, quân Nhật bắn trả dữ dội. Cuộc chiến đấu kéo dài đến gần tối nhưng quân Nhật vẫn không tiến lên được, nhiều tên chết và bị thương, chúng phải quay về ngủ đêm tại đồn Đi-đi-ê (Didier). Trong trận chiến đấu này đồng chí trung đội trưởng và một số tự vệ hy sinh. Sáng ngày hôm sau, quân Nhật lại tổ chức tấn công cuộc chiến đấu diễn ra ác liệt, địch tổ chức một mũi đánh vu hồi sau lưng trận địa ta. Vì lực lượng quá chênh lệch, bộ đội và lực lượng tự vệ phải rút khỏi phòng tuyến.

Cuộc chiến đấu ở đèo Blao tuy không cân sức nhưng bộ đội và lực lượng tự vệ đã chiến đấu rất dũng cảm, đánh lui nhiều đợt tấn công của địch, tiêu diệt và làm bị thương gần 30 tên, phá hủy 1 xe quân sự. Nhân

**dân Lâm Viên và Đồng Nai Thượng rất tự hào và ghi
nhớ công ơn của gần 20 cán bộ, chiến sĩ đã anh
dũng hy sinh trong những cuộc chiến đấu này.**

Dọc đường từ đèo Blao đến Đà Lạt, vì nhân dân ta
làm nhiều chuồng trại, vật nên đến ngày 15 tháng 11
năm 1945 quân Nhật mới lên đến Đà Lạt. Được tăng
cường thêm lực lượng, ngày 16 tháng 11 năm 1945 quân
Nhật chiếm lại hầu hết các công sở, nhà máy, đóng thêm
nhiều đồn bót, bắt giam một số đồng chí trong Ủy ban
nhân dân tỉnh Lâm Viên và hàng trăm cán bộ, đồng bào
ta. Tại Di Linh quân Nhật chiếm tất cả công sở, nhưng
người và tài sản chúng ta đã di chuyển. Ngày 17 tháng
11 năm 1945, quân Nhật xuống chiếm đóng Blao và bắt
các đồng chí trong Ủy ban về giam ở Di Linh. Chiếm
được Đà Lạt, Di Linh chúng thả hết những người Pháp
đang bị giam giữ, bọn này như bầy thú sỏ chuồng, chúng
đã điên cuồng chống phá cách mạng.

Khi lực lượng vũ trang rút lui, Ủy ban nhân dân Đồng
Nai Thượng bố trí một bộ phận trinh sát gồm 20 đồng
chí ở lại hoạt động quanh thị xã Di Linh, nhưng sau đó
các đồng chí đã hy sinh, chỉ còn một em liên lạc.

Trước tình hình và nhiệm vụ của cách mạng trong giai
đoạn mới, ngày 25 tháng 11 năm 1945 Trung ương Đảng
ra chỉ thị « Kháng chiến, kiến quốc ». Sau khi phân tích
tình hình thế giới và trong nước, bản chỉ thị nêu rõ :
Cuộc cách mạng nước ta lúc này vẫn là cách mạng giải
phóng dân tộc ; kẻ thù chính của nhân dân ta lúc này là
thực dân Pháp xâm lược. Khẩu hiệu vẫn là : « Dân tộc
trên hết », « Tổ quốc trên hết ». Nhiệm vụ chủ yếu của
chúng ta là kháng chiến. Nhiệm vụ trước mắt của nhân
dân ta lúc này là củng cố chính quyền, chống thực dân

Pháp xâm lược, bài trừ nội phản, cải thiện đời sống cho nhân dân.

Quản trịet chỉ thị « Kháng chiến, kiến quốc » của Trung ương Đảng, Lâm Viên và Đồng Nai Thượng đã tự thành lập Ủy ban kháng chiến (1) gồm có đại biểu Ủy ban nhân dân, Việt Minh, quân đội đề động viên, tổ chức nhân dân chuẩn bị kháng chiến chống thực dân Pháp, bảo vệ chính quyền cách mạng. Đơn vị Vệ quốc đoàn ở Đà Lạt xuống tăng cường cho phòng tuyến Trại Mát. Lực lượng tự vệ Đa Thành tổ chức một bộ phận bí mật chuyên lương thực, thực phẩm, vũ khí vào núi Bà dự định lập chiến khu, một bộ phận khác tiếp tục canh gác, theo dõi quân Nhật ở khu vực Xi-tê-dờ-cu (Citèdecoux). Lực lượng tự vệ vùng Cam Ly tăng cường một bộ phận vào bảo vệ kho tàng ở Tà Nung, số còn lại hoạt động ngăn chặn quân Nhật đi cướp phá.

Sau khi được tăng cường lực lượng, quân Nhật ở Đà Lạt đóng thêm nhiều đồn-bốt, hoạt động ráo riết. Đầu tháng 12 năm 1945, lực lượng tự vệ Đa Thành, Cam Ly nhận lệnh rút vào Tà Nung để bảo vệ hệ thống kho tàng. Được bọn tay sai dẫn đường, quân Nhật nhiều lần tổ chức tấn công vào hệ thống kho tàng ở Tà Nung nhưng đều bị đánh lui. Cuối tháng 12 năm 1945, lực lượng tự vệ ở Tà Nung lại được lệnh rút vào La Ba để thành lập một đơn vị tự vệ chiến đấu. Nhiệm vụ của đơn vị này là lập phòng tuyến ở khu vực cây số 42 trên đường 21 Bis (thuộc liên tỉnh lộ 18) để ngăn chặn quân địch từ Liên Kháng vào và từ Ban Mê Thuột xuống, đồng thời vận chuyển lương thực, thực phẩm từ kho Tà Nung vào. Bộ phận trinh sát hoạt động tích cực, nắm chắc tình hình

(1) Toàn quốc kháng chiến (19-12-1946), chính phủ mới ra sắc lệnh thành lập Ủy ban kháng chiến Tỉnh, Huyện

địch và thường xuyên báo cáo về cơ quan chỉ huy quân sự đóng ở Dran. Quân Nhật cho bọn tay sai bí mật thăm dò lực lượng ta và tổ chức hành quân vào La Ba. Để ngăn chặn địch tiến quân các chiến sĩ ta đã phá cầu Đa Đôn và kịp thời báo động để đồng bào lánh vào rừng. Sau hai giờ cướp phá tài sản của đồng bào nhưng không phát hiện được lực lượng ta chúng đã phải rút lui.

Ủy ban kháng chiến tỉnh Lâm Viên tiếp tục chỉ đạo việc đưa nhân dân tản cư khỏi Đà Lạt, tổ chức lực lượng trinh sát ở lại hoạt động để nắm tình hình địch, diệt tế trừ gian. Đồng bào tản cư gặp nhiều khó khăn, nhưng tinh thần vẫn tin tưởng và lạc quan cách mạng, hăng hái phục vụ chiến đấu. Những nơi địch chưa chiếm đóng ta đẩy mạnh luyện tập quân sự, mở những lớp đào tạo cấp tốc cán bộ trung đội. Một số tri thức, phụ nữ được học tập chính trị và công tác tuyên truyền trong vùng địch để trở về Đà Lạt hoạt động.

Ở những thị xã, thị trấn quân Nhật chiếm đóng phố xá vắng người, nhiều nhà hàng đóng cửa, chợ họp thưa thớt, công nhân các nhà máy, công sở, đồn điền thiếu việc làm, nhiều người bỏ về quê. Lực lượng trinh sát ở Đà Lạt tích cực hoạt động, tháng 12 năm 1945 tên Vũ Đình Hải cùng với hai tên thân cận đã bị trừng trị.

Từ tháng 12 năm 1945, Vệ quốc đoàn được tổ chức theo ngành dọc, các đơn vị trước đây thuộc Tỉnh nay thuộc hệ chỉ huy quân đội. Ủy ban kháng chiến Tỉnh tổ chức đơn vị cảnh vệ có nhiệm vụ bảo vệ cơ quan và nắm tình hình địch.

Để đối phó với âm mưu và hành động lấn chiếm của thực dân Pháp, Bộ Tổng tư lệnh tăng cường chỉ đạo các tỉnh Nam Trung bộ. Khu 6 được thành lập

gồm bảy tỉnh từ Phú Yên trở vào. Lực lượng vũ trang ba tỉnh Lâm Viên, Đồng Nai Thượng và Ninh Thuận thống nhất thành một chi đội (tương đương 1 trung đoàn). Đồng chí Cao Thanh Trà làm chi đội trưởng, đồng chí Chung Văn Năm chi đội phó, đồng chí Lê Tự Nhiên chính trị viên, Ban chỉ huy chi đội đóng ở Phan Rang. Chi đội tổ chức thành 3 đại đội (đại đội tương đương với tiểu đoàn) và phụ trách các nơi: Cam Ranh, Đà Lạt và Phi Nôm.

Đầu tháng 12 năm 1945, số cán bộ Lâm Viên học ở trường quân chính Hà Nội về được tăng cường cho các phòng tuyến Trại Mát, Phi Nôm, Liên Kháng. Phòng tuyến Trại Mát được bố trí từ cây số 6 đến cây số 8 trên đường 11 để ngăn chặn quân địch từ Đà Lạt xuống, bảo vệ vùng đất còn lại của tỉnh Lâm Viên, bảo vệ các cơ quan, đoàn thể và đồng bào tản cư ở Cầu Đất. Lực lượng bảo vệ phòng tuyến bao gồm 1 đại đội của chi đội, trong đó có một phân đội (tương đương trung đội) Nam Tiến, lực lượng tự vệ, thanh niên địa phương (có một số thanh niên dân tộc ít người) và công nhân nhà máy Trà Cầu Đất, công nhân xe lửa. Phòng tuyến bố trí thành nhiều tuyến khác nhau có hầm hào, công sự chiến đấu và vật chướng ngại trên đường. Các cơ quan đoàn thể, Ban Hồng thập tự thường xuyên đến động viên thăm hỏi, tặng quà cho các chiến sĩ.

Trong thời gian này, phái đoàn của Chính phủ lâm thời do Bộ trưởng Lê Văn Hiến dẫn đầu và phái đoàn Bộ Tổng tư lệnh do đồng chí Đàm Minh Viên lãnh đạo đến kiểm tra và động viên cán bộ, chiến sĩ và nhân dân ở phòng tuyến Trại Mát.

Ở Đồng Nai Thượng, Ủy ban kháng chiến Tỉnh chỉ đạo lập phòng tuyến ở cây số 42 trên đường số 8, bố

trí trên địa và đặt chướng ngại vật trên tuyến đường
Liên Kháng — Phi Nôm — Dran.

Sau khi chiếm đóng các thị xã, thị trấn quân Nhật tăng cường khủng bố, bắt bớ những người chúng cho là Việt Minh hòng uy hiếp tinh thần nhân dân. Nhưng quần chúng nhân dân vẫn một lòng tin tưởng và hướng về cách mạng, lực lượng tự vệ bí mật hoạt động. Đêm ngày 2 rạng ngày 3 tháng 1 năm 1946, tự vệ Đà Lạt đã ném hai quả lựu đạn vào trạm phát điện Ấng-Krô-Oét phá hỏng một số thiết bị làm cho trạm phải ngừng hoạt động mấy ngày. Đêm ngày 3 tháng 1 có 39 tù nhân ở nhà tù Đà Lạt bí mật vượt ngục.

Tại Cống Hinh (nay là Blao) đồng bào các dân tộc vô cùng khâm phục tinh thần bất khuất, anh dũng hy sinh của ông K'Kiu. Sinh ra và lớn lên trong một gia đình nghèo thuộc dân tộc K'Ho ở buôn Kon-Tê Sơ rea (ở xã Lộc Sơn), ông sớm có tinh thần chống áp bức bóc lột, không đi xâu, đi lính cho Pháp. Hai lần bị bắt giam, thực dân Pháp tìm mọi cách để dụ dỗ, mua chuộc nhưng không khuất phục được ông. Mãn hạn tù trở về buôn làng, ông tiếp tục vận động đồng bào đấu tranh chống địch. Cách mạng tháng Tám thắng lợi, ông tích cực tuyên truyền, vận động đồng bào tham gia xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng, tổ chức lực lượng thanh niên tham gia xây dựng và chiến đấu tại phòng tuyến đèo Blao. Quân Nhật chiếm lại Đồng Nai Thượng, ông cùng một số cán bộ ở lại vùng địch để tuyên truyền, tổ chức nhân dân tham gia kháng chiến. Ông và một số cán bộ huyện Blao bị bắt. Biết không khuất phục được ông và để uy hiếp tinh thần đồng bào, ngày 5-1-1946 địch đưa ông đi bắn. Trước mũi súng quân thù ông vẫn hiên ngang và nói

những lời danh thép cuối cùng làm quân địch khiếp sợ: « Tao không sợ chết, tao chết vì nhân dân tao, vì núi rừng của tao... Tao chết nhưng nhân dân tao vẫn tiếp tục đánh mày, tao chết trước, mày chết sau, oái chết của bọn mày mang theo tội lỗi... ».

Ông K'Kiu không còn nữa, nhưng đồng bào các dân tộc vẫn nhắc đến ông, noi gương ông cùng nhau đoàn kết giữ vững buôn làng. Đó là nguồn sức mạnh tinh thần to lớn cổ vũ lòng yêu nước và quyết tâm kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược của đồng bào các dân tộc trong Tỉnh.

Để thực hiện quyền làm chủ thật sự của nhân dân, ngày 6 tháng 1 năm 1946 nhân dân cả nước từ 18 tuổi trở lên đã tham gia Tổng tuyển cử bầu Quốc hội và lập chính phủ chính thức. Ở Lâm Viên và Đồng Nai Thượng tuy hoàn cảnh hết sức khó khăn nhưng cuộc bầu cử được tổ chức, tiến hành khẩn trương và đảm bảo nguyên tắc, trong những vùng địch kiểm soát ta tổ chức những hòm phiếu bí mật mang đến từng nhà để cử tri bỏ phiếu. Mặc dù địch tìm mọi cách tuyên truyền, xuyên tạc, khủng bố nhưng cuộc bầu cử đã thành công tốt đẹp. Nhân dân phấn khởi, tự hào lần đầu tiên được thực hiện quyền làm chủ của mình trong một nước độc lập, thể hiện sự đoàn kết nhất trí, tin tưởng ở cách mạng. Kết quả bầu cử: ở Lâm Viên đồng chí Ngô Huy Diễn và ở Đồng Nai Thượng đồng chí Hồ Nhã Tránh (tức Hồng Nhật) trúng cử đại biểu Quốc hội.

Cao nguyên Lâm Viên và Đồng Nai Thượng có vị trí quan trọng về quân sự, có đường giao thông thuận tiện, Đà Lạt là nơi thực dân Pháp có nhiều cơ sở chính trị, kinh tế và xã hội. Do đó, quyết tâm đánh chiếm cao



Một đoạn trên phòng tuyến đèo B' Lao, nơi diễn ra những trận chiến đấu đẫm máu quân Nhật trong hai ngày 11 và 12 tháng 11 năm 1945.

nguyên này chẳng những là mục tiêu chiến lược của quân Pháp, mà thực dân Pháp còn có âm mưu xây dựng Lâm Viên và Đồng Nai Thượng trong ý đồ xây dựng Tây nguyên và dùng lực lượng đồng bào dân tộc ít người ở đây để tiếp tục cuộc chiến tranh xâm lược. Trong những tháng cuối năm 1945, quân Nhật theo lệnh quân Pháp đã nhiều lần tấn công vào phòng tuyến Trại Mát đều bị đẩy lui. Trên đường 8 địch bắn phá phòng tuyến tại cây số 42 và các khu vực tản cư.

Thực hiện kế hoạch đánh chiếm các tỉnh Cực Nam Trung bộ, ngày 27 tháng 1 năm 1946, từ Sài Gòn thực dân Pháp đưa một lực lượng khoảng 140 xe chở quân lên Đồng Nai Thượng và Lâm Viên. Phối hợp với quân Nhật tại chỗ, ngày 28-1 chúng chia làm 3 hướng tấn công vào các phòng tuyến của ta.

Hướng Trại Mát, từ sáng sớm địch cho pháo binh bắn dọn đường cho bộ binh tiến lên. Với hệ thống phòng ngự trận địa và vật chướng ngại quân địch đã nhiều lần bị đẩy lui. Sau khi củng cố lực lượng và tăng cường hỏa lực, địch tiếp tục mở nhiều đợt tấn công vào phòng tuyến. Cán bộ chiến sĩ quân đội và lực lượng tự vệ đã chiến đấu dũng cảm, gây cho địch nhiều thiệt hại nặng. Chiều hôm đó lực lượng ta rút khỏi phòng tuyến Trại Mát và đưa đồng bào tản cư xuống Đá Trắng (Ninh Thuận).

Hướng Phi Nôm — Dran, sau một ngày chiến đấu ác liệt, lực lượng ta cũng tạm thời rút xuống Ninh Thuận.

Sau khi phá vỡ được phòng tuyến trên đường 11 và đường 21 kéo dài, hai cánh quân của địch theo đường 11 xuống đánh chiếm Tháp Chàm, Phan Rang. Trong ngày hôm đó đồng chí Ngô Huy Diễn và đồng chí Chung

Văn Năm xuống hợp ban chỉ huy chỉ đội ở Phan Rang. lúc trở về đến đèo Krông Pha gặp quân địch từ trên xuống, chúng bắn hai đồng chí hy sinh.

Ở hướng đường số 8, sau một ngày chiến đấu ác liệt ở phòng tuyến cây số 42 đã diệt được nhiều tên địch trong đó có tên linh mục Sô-ven (Chauvel). Sau đó lực lượng vũ trang và đồng bào rút xuống vùng Suối Hẹ, Suối Nha Đam (Bình Thuận).

Như vậy, đến ngày 28 tháng 1 năm 1946 thực dân Pháp đã hoàn toàn chiếm hai tỉnh Lâm Viên và Đồng Nai Thượng. Các cơ quan của tỉnh, lực lượng vũ trang và một số đồng bào đã rút xuống Ninh Thuận và Bình Thuận để xây dựng căn cứ, chuẩn bị lực lượng trở về hoạt động ở tỉnh nhà. Từ đây lực lượng ở La Ba mất liên lạc với cấp trên, một số cán bộ, chiến sĩ hoang mang bỏ đơn vị. Số còn lại gần 60 đồng chí rút vào căn cứ đóng ở Pro-teng tiếp tục hoạt động và tìm cách liên lạc với cấp trên.

Từ khi khởi nghĩa giành được chính quyền đến khi thực dân Pháp trở lại chiếm đóng, với khoảng thời gian hơn 5 tháng vừa củng cố, xây dựng, vừa tổ chức chiến đấu để bảo vệ chính quyền, nhân dân hai tỉnh Lâm Viên và Đồng Nai Thượng đã vượt qua biết bao khó khăn, thử thách. Ủy ban nhân dân và các đoàn thể hai tỉnh đã có nhiều cố gắng nhằm nhanh chóng ổn định đời sống nhân dân, giữ gìn trật tự trị an, bảo vệ thành quả cách mạng. Khi thực dân Pháp có âm mưu và hành động trở lại xâm lược, đồng bào các dân tộc và lực lượng vũ trang hai tỉnh đã cùng nhau đoàn kết, xây dựng các phòng tuyến chiến đấu, nhiều cán bộ, chiến sĩ và đồng bào đã anh dũng hy sinh để bảo vệ nền độc lập, tự do vừa mới giành được.

Khoảng thời gian hơn 5 tháng ấy đã để lại trong ký ức nhân dân các dân tộc hai tỉnh niềm phấn khởi, tự hào, một lòng tin tưởng vào sự lãnh đạo của đảng, của cách mạng. Tuy nhiên, do thời gian gấp rút nên việc xây dựng chính quyền cách mạng và tổ chức các đoàn thể cứu quốc ở cấp cơ sở chưa đều khắp, nhất là chưa kịp mở rộng đến các vùng dân tộc xa xôi, lại phải lo đối phó với tình hình địch hết sức căng thẳng và khản trương, đồng thời cũng do chưa nhận thức hết tình hình nên việc chuẩn bị kháng chiến lâu dài ở địa phương chưa có kế hoạch đầy đủ và kịp thời để chủ động đối phó với địch. Do đó khi quân Pháp trở lại xâm lược, các cơ quan, đoàn thể và lực lượng vũ trang hai tỉnh đều rút lui quá xa ra hết khỏi tỉnh mà chưa chủ ý lập căn cứ, xây dựng bàn đạp, chỗ đứng chân ở trong tỉnh để các cơ quan lãnh đạo và lực lượng vũ trang bám lại tiếp tục kháng chiến.

❦

II. CÙNG CỐ LỰC LƯỢNG, XÂY DỰNG CĂN CỨ, LÃNH ĐẠO CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP (2-1946 — 4-1946)

Đấu tranh giành cơ quyết liệt ở Lâm Viên :

Chủ trương tản cư, thực hiện «vườn không, nhà trống», không hợp tác với địch, được nhân dân Đà Lạt và các cơ quan của tỉnh thi hành triệt để. Mặc dù gặp nhiều khó khăn, thiếu thốn, đau ốm, bệnh tật..., nhưng không một ai nản chí, chỉ có một số người khi đến Trà Kho (Ninh Thuận) vì cuộc sống quá khó khăn buộc phải trở về Lâm Viên nhưng cũng chỉ bám trụ trên trục đường 11, ở ngoại ô Đà Lạt để tiện việc làm ăn sinh sống.

Chiếm được Lâm Viên, thực dân Pháp thừa nhận Đà Lạt là « Thành phố hieu quanh » (1). Để các hoạt động kinh tế, xã hội trở lại bình thường, chúng kêu gọi nhân dân, công nhân hồi cư, nhất là công nhân nhà máy điện. Đồng thời chúng thẳng tay đàn áp những người chống tinh nghi là cán bộ hoặc có những hành động phá hoại. Bộ máy nguy quyền tay sai được xây dựng củng cố, chúng thành lập « Hội đồng kỳ mục » ở các phường xã. Trong thời gian này, Ủy ban kháng chiến Tỉnh chủ trương đưa một số cán bộ, công nhân cùng nhân dân trở về Đà Lạt để xây dựng và phát triển cơ sở cách mạng trong vùng địch kiểm soát. Đầu năm 1946, người kinh ở Đà Lạt có 5.000 người.

Ở Ninh Thuận, địch thường xuyên cần quét, đánh phá vào các vùng cơ quan và đồng bào Đà Lạt tản cư làm cho đời sống đồng bào tản cư gặp rất nhiều khó khăn. Trước tình hình đó, Ủy ban kháng chiến tỉnh Lâm Viên cử cán bộ đi sát đồng bào tản cư để động viên, ổn định chỗ ăn ở. Lực lượng vũ trang Lâm Viên được củng cố và đã phục kích đánh địch nhiều trận trên tuyến đường 11. Do địch thường xuyên đánh phá ác liệt, cuối tháng 3-1946 cơ quan Ủy ban kháng chiến Lâm Viên phải dời về Ma Nương (Ninh Thuận) sau đó xuống Phương Cạn. Tri Thủy, Mỹ Trường (Ninh Thuận).

Các đội trinh sát và cán bộ được cử lên hoạt động ở Đà Lạt, Cầu Đất, Trạm Hành và Dran (trên đường 11 thường xuyên bám sát đồng bào để tuyên truyền, vận động chống mọi luận điệu tuyên truyền xuyên tạc của địch. Đội công tác của đồng chí Hoàng Phi Hồ có 7 đồng

(1) Theo báo cáo của tên phó cảnh sát Đà Lạt gửi cảnh sát Trung kỳ ngày 25-2-1946. Tài liệu lưu trữ tại Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng tỉnh Lâm Đồng.

chỉ đã xây dựng mật khu ở Trại Mát và quanh thị xã Đà Lạt, chuẩn bị mọi điều kiện để đón cán bộ lên hoạt động. Ủy ban kháng chiến và Mặt trận Việt Minh tỉnh chỉ đạo việc tổ chức các đường dây liên lạc theo đường hợp pháp để đưa tài liệu, truyền đơn và cán bộ lên công tác ở Đà Lạt. Hoạt động của các đội công tác đã có ảnh hưởng rất lớn trong nhân dân, do đó bọn địch tìm mọi cách ngăn chặn. Chính tên Công sứ Pháp đã phải thừa nhận: «Hoạt động của Việt Minh làm cho tình hình trở nên trầm trọng. Cán bộ Việt Minh đêm đêm đến các làng để tuyên truyền giáo dục và tổ chức Ủy ban Việt Minh» (1).

Tình hình đất nước lúc bấy giờ đang diễn ra vô cùng khó khăn phức tạp. Bọn Tưởng Giới Thạch và tay sai ở miền Bắc tìm mọi cách để chống phá cách mạng, lật đổ chính quyền. Ở miền Nam thực dân Pháp đã chiếm Nam Bộ và Cực Nam Trung Bộ. Ngày 28-2-1946, Hiệp ước Hoa-Pháp lại được ký kết tại Trùng Khánh. Đó là sự cầu kết hết sức trắng trợn giữa Pháp và Trung Quốc hòng ngăn chặn phong trào giải phóng dân tộc, hạn chế sự phát triển của chủ nghĩa xã hội ở Đông Nam Châu Á và cứu vãn quyền lợi của chủ nghĩa đế quốc. Hành động này làm cho nhân dân ta vô cùng căm phẫn, trước tình hình đó, ngày 3-3-1946, Ban Thường vụ Trung ương Đảng ra chỉ thị: «Tình hình và chủ trương». Chỉ thị đã phân tích tình hình trong và ngoài nước, so sánh lực lượng giữa ta và địch, từ đó đề ra chủ trương đúng đắn nhằm phân hóa và cô lập kẻ thù. Ngày 6-3-1946 chính phủ ta và chính phủ Pháp ký hiệp định sơ bộ, nước Pháp phải thừa

(1) Theo báo cáo tình hình chung của Đảng Nai Thượng từ ngày 3-5-1946 đến 31-7-1947 của tên Công sứ Doustan (Doustin), tài liệu lưu tại Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng Lâm Đồng

nhận Việt Nam là một nước độc lập, có chủ quyền, có Nghị viện, quân đội và tài chính riêng.

Nhằm làm cho cán bộ, đảng viên và nhân dân nhận thức đúng đắn và quán triệt chủ trương ký hiệp định sơ bộ, ngày 9-3-1946 Ban Thường vụ Trung ương Đảng ra chỉ thị « Hòa để tiến ». Chỉ thị nhấn mạnh việc không ngừng cảnh giác, đề phòng khả năng thực dân Pháp bội ước, vì vậy nhân dân ta vẫn phải chuẩn bị kháng chiến lâu dài.

Tại các tỉnh Cực Nam Trung bộ sau khi ký hiệp định sơ bộ thực dân Pháp ra sức tuyên truyền, xuyên tạc hiệp định đòi ký hiệp định sơ bộ ở địa phương. Do chưa quán triệt đầy đủ các chủ trương của Ban Thường vụ Trung ương Đảng và nội dung hiệp định sơ bộ ngày 6-3 nên ban chỉ huy chi đội 2 lúc bấy giờ đóng căn cứ tại Ninh Thuận đã ký hiệp định địa phương, mất cảnh giác nghiêm trọng nên bị quân Pháp lợi dụng đánh úp một số nơi đóng quân của lực lượng vũ trang tỉnh Ninh Thuận và tỉnh Lâm Viên đóng tại Ninh Thuận. Riêng đại đội 2 do đồng chí Trương Văn Hoàn chỉ huy đóng ở Trà Dum không cho quân địch vào khu vực đóng quân và tuyên bố: « Nếu quân Pháp vào thì kiên quyết đánh trả ». Tháng 6-1946, sau khi chiến khu Đá Trắng (Ninh Thuận) bị quân Pháp bội ước tấn công đánh phá, chi đội 2 được lệnh giải tán, đại đội 2 rút về Phương Cự (Ninh Thuận) tạm thời chôn súng, phân tán lực lượng để hoạt động bí mật.

Trong thời gian này lực lượng vũ trang bị kẹt lại ở La Ba cũng đang gặp nhiều khó khăn, thiếu thốn. Sau khi các phòng tuyến bị vỡ, lực lượng quân đội và các cơ quan của tỉnh Lâm Viên rút xuống tỉnh Ninh Thuận thì đơn vị này hoàn toàn mất liên lạc, nhiều cán bộ

được cử về Đà Lạt để bắt liên lạc với cơ sở nhưng đều bị địch bắt, đơn vị thiếu người lãnh đạo. Mặt khác, địch thường xuyên lùng sục để ngăn chặn các đường tiếp tế do đó đơn vị phải tự giải tán, mỗi người tìm cách về địa phương làm ăn sinh sống.

Tuy thời gian hoạt động không được bao lâu nhưng cán độ chiến sĩ lực lượng vũ trang ở La Ba đã thể hiện tinh thần yêu nước, cùng nhau đoàn kết để bảo vệ quê hương, bảo vệ thành quả cách mạng. Trong thời gian đứt liên lạc với cấp trên, đơn vị vẫn tiếp tục tự động công tác, tìm cách bắt liên lạc. Sau khi đơn vị giải tán, nhiều cán bộ, chiến sĩ vẫn tiếp tục móc nối với các cơ sở cách mạng và hoạt động tích cực.

Để tuyên truyền rộng rãi cho nhân dân về nội dung hiệp định sơ bộ, ngày 3-4-1946 một số cán bộ hoạt động ở Dran đã tranh thủ được bọn Pháp ở địa phương tổ chức cuộc mít tinh quần chúng công khai. Hơn 600 người tham gia cuộc mít tinh trong đó có một số người Pháp đã mang cờ đỏ sao vàng diễu hành qua thị trấn. Đại biểu ta đọc diễn văn tại cuộc mít tinh tố cáo thực dân Pháp là xâm lược, là kẻ thù của nhân dân Việt Nam và nhấn mạnh Việt Nam là một nước độc lập có chủ quyền... Cuộc mít tinh đã gây ấn tượng tốt đẹp và làm cho nhân dân vùng Dran càng phấn khởi tin tưởng ở cách mạng. Bọn Pháp hết sức tức tối và bức dọc, chúng phải thừa nhận là « Diễn biến buổi lễ có ý đề củng cố địa vị của chúng (tức Việt Minh), đã không có lợi cho chính sách của chúng ta (tức Pháp) »⁽¹⁾. Sau đó chúng đã bắt nhiều cán bộ, đồng bào tham gia cuộc mít tinh.

(1) Theo báo cáo của tên công an Kuy-giê (Ruget) ở Đồng Nai Thượng ngày 9-4-1946 gửi Ủy viên Cộng hòa miền Nam Trung kỳ tại Nha Trang. Tài liệu lưu tại Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng Lâm Đồng.

Quản triệt các chỉ thị của Ban Thường vụ Trung ương Đảng, ngày 12-4-1946, Ban chấp hành Việt Minh tỉnh Lâm Viên đã họp tại Đà Trắng (Ninh Thuận) để kiểm điểm tình hình, đề ra những chủ trương và kế hoạch hoạt động, củng cố cơ quan lãnh đạo của Tỉnh. Hội nghị đã quyết định tăng cường cán bộ lên hoạt động ở các địa bàn trong Tỉnh, quyên góp và trích 2.000 đồng tiền quỹ để cứu tế cho đồng bào tản cư. Ủy ban kháng chiến Tỉnh được củng cố gồm 13 đồng chí, đồng chí Nguyễn Thế Tính được bầu làm chủ tịch.

Thi hành quyết định của hội nghị, nhiều cán bộ đã được đưa lên các địa bàn của tỉnh Lâm Viên để xây dựng cơ sở và chỉ đạo phong trào. Hoạt động ở các nơi, nhất là Đà Lạt được đẩy mạnh. Đêm ngày 9 rạng ngày 10-5-1946, hàng loạt truyền đơn xuất hiện ở nhiều nơi trong thị xã Đà Lạt. Các loại truyền đơn đều mang nội dung: « Phản đối mọi thủ đoạn bí mật nhằm tách Nam bộ ra khỏi Việt Nam », « Phản đối những biện pháp khủng bố thực dân », « Phản đối việc phục hồi chủ quyền của Pháp trên đất Lâm Viên », « Nước Việt Nam dân chủ cộng hòa muôn năm ». Ngoài ra, truyền đơn còn kêu gọi nhân dân tuyệt đối không được sử dụng và tàng trữ loại giấy bạc do Ngân hàng Đông Dương phát hành sau ngày 6-3-1946. Truyền đơn cũng giải thích hình dạng, khuôn khổ loại giấy bạc cấm lưu hành (1).

Chuẩn bị cho cuộc đàm phán ở Phông-ten-bờ-lô (Fontainebleau), chính phủ ta và chính phủ Pháp đã tổ chức hội nghị trù bị tại Đà Lạt. Phái đoàn chính phủ ta do đồng chí Võ Nguyên Giáp lãnh đạo. Hội nghị họp từ ngày 17-4 đến 12-5-1946 nhưng thực dân Pháp

(1) Sau ngày 6-3-1946 Ngân hàng Đông Dương của thực dân Pháp phát hành loại giấy bạc này không có kim bản vi bảo đảm.

vẫn không từ bỏ âm mưu xâm lược nước ta, tách Nam bộ ra khỏi Việt Nam... nên hội nghị đã không đạt được một thỏa thuận nào. Trong những ngày đó, thực dân Pháp đã tìm mọi cách ngăn cản nhưng phái đoàn ta vẫn gấp gả cán bộ, nhân dân để nói rõ tình hình đất nước, chủ trương và đường lối của đảng, động viên nhân dân tích cực tham gia kháng chiến.

Tiếp tục tăng cường chỉ đạo và đẩy mạnh phong trào cách mạng ở thị xã Đà Lạt. Ủy ban kháng chiến tỉnh Lâm Viên cử đồng chí Trương Văn Hoàn về hoạt động bí mật tại Phan Rang (Ninh Thuận) để tổ chức đường dây liên lạc theo đường hợp pháp để đưa truyền đơn tài liệu, bố trí cán bộ, cơ sở lên hoạt động tại Đà Lạt. Nhiều đồng chí đã tìm cách vào làm việc ở nhà máy điện, Nha địa dư, khách sạn Palace... Ngoài ra còn bố trí một số cơ sở nắm bộ máy tề ở phường xã. Từ đây hoạt động của công nhân, phụ nữ thanh niên khá sôi nổi. Đêm 19-10-1946 nhiều truyền đơn xuất hiện tại Đà Lạt, Cầu Đất, Dran và M'Lon. Đêm 25-10 nhiều truyền đơn rải trong các làng và trường học ở Dran. Hoạt động của công nhân nhà máy điện và các tổ công tác có sự phối hợp rất chặt chẽ, những nơi nào cần rải truyền đơn thì nơi đó sẽ cắt điện từ 20 đến 30 phút. Hoạt động diệt tề trừ gian được đẩy mạnh, nhiều tên mật thám chỉ điểm đã bị trừng trị.

Ở các tỉnh Cực Nam Trung bộ, lúc đầu lực lượng vũ trang tập hợp lại còn hoạt động phân tán, chưa có sự chỉ đạo tập trung. Do đó, cuối năm 1946 đại diện Bộ chỉ huy khu 6 vào Ninh Thuận thành lập Trung đoàn 81, lực lượng chủ yếu là những cán bộ, chiến sĩ thuộc chi đội 2 trước đây. Trung đoàn có 2 tiểu đoàn, tiểu đoàn 1 đóng ở chiến khu 19, tiểu đoàn 2 đóng ở chiến

khu 7. Ngoài ra còn có một đại đội trực thuộc Trung đoàn gồm những cán bộ, chiến sĩ đã hoạt động ở Lâm Viên trong những ngày đầu cuộc kháng chiến.

Những hành động khiêu khích, lấn chiếm ở Hải Phòng, Hà Nội và một số nơi khác, chứng tỏ thực dân Pháp đã hoàn toàn xé bỏ hiệp định sơ bộ 6-3-1946, tạm ước 14-9 và thực tế chúng đang mở rộng chiến tranh xâm lược ra cả nước ta. Trước tình hình đó, ngày 18 và 19-12-1946 Ban Thường vụ Trung ương Đảng đã họp Hội nghị mở rộng và quyết định phát động nhân dân cả nước tiến hành cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp trên quy mô cả nước. Hội nghị khẳng định : Cuộc kháng chiến của ta là cuộc kháng chiến trường kỳ, gian khổ nhưng nhất định thắng lợi...Đường lối chung chỉ đạo toàn cuộc kháng chiến là : « Toàn dân, toàn diện, trường kỳ, tự lực cánh sinh ».

Đêm 19-12-1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến. Nhân dân cả nước lại đứng lên với tinh thần « Thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ ».

Để tăng cường chỉ đạo cuộc kháng chiến ở các tỉnh miền Nam Trung bộ, Trung ương Đảng và chính phủ cử đồng chí Phạm Văn Đồng làm đại diện. Các mặt công tác để chuẩn bị kháng chiến được tiến hành tích cực, nhất là sắp xếp về tổ chức, về chỉ đạo cho phù hợp với đặc điểm tình hình và nhiệm vụ mới. Tháng 1-1947, Ủy Ban Kháng chiến miền Nam Việt Nam cải tổ đại đoàn 27 thành khu 6, phạm vi phụ trách từ đèo Cù Mông đến Phan Thiết; xứ ủy Trung bộ thành lập Phân ban cán sự Cực Nam do đồng chí Nguyễn Côn làm bí thư, có sự lãnh đạo trực tiếp của đảng ở Cực Nam, mọi mặt công tác được xúc tiến mạnh. Nhiều cán bộ, chiến sĩ được

lắng cường vào hoạt động ở Lâm Viên và Đồng Nai Thượng. Phong trào cách mạng ở địa phương bắt đầu có chuyển biến mới.

Chiếm lại Lâm Viên và Đồng Nai Thượng thực dân Pháp đẩy mạnh các hoạt động quân sự, tăng cường lực lượng cảnh sát, thám báo, ráo riết khủng bố, bắt giết, bắt nhiều cán bộ và cơ sở cách mạng. Mặt khác, chúng lợi dụng sự mê tín, phong tục tập quán của đồng bào dân tộc ít người để dụ dỗ mua chuộc, gây hấn thù giữa các dân tộc, chia rẽ người Kinh với người Thượng. Trong các ngành kinh tế, giáo dục và y tế chúng đào tạo cán bộ dân tộc để thay thế người Kinh, nhằm thực hiện âm mưu « Biến cao nguyên thành một vùng hoàn toàn thuộc quyền cai trị của Pháp... chấm dứt sự du nhập của người Việt » (1). Bộ máy quyền được tổ chức lại, thay thế và tăng cường một số tên cầm đầu trong các tổ chức. Ở Đà Lạt địch bổ nhiệm chức Đốc Lý (2) để cai quản thị xã Đà Lạt và kiêm chức đại diện cao ủy Pháp ở Tây nguyên, dưới phurong, xã có bốn Lý hương, tri huyện Cam Ly là người Thượng. Ngoài ra còn có cơ quan mật thám (trực tiếp dưới quyền mật thám Nha Trang), cảnh sát, tòa án đệ nhị cấp và các cơ quan chuyên môn của Cao ủy phủ.

Sau khi củng cố tổ chức và tăng cường thêm cán bộ, tháng 1 năm 1947 đồng chí Nguyễn Thế Tính cùng một số cán bộ và một tiểu đội vũ trang lên Lâm Viên hoạt động. Ở mỗi địa bàn ngai số cơ sở tại chỗ còn được

(1) Thông tri Công sứ Đồng Nai Thượng, ngày 8-7-1947. Tài liệu lưu tại Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng Lâm Đồng.

(2) Đốc Lý là chức vụ phụ trách hành chính ở thành phố, thị xã, do người Pháp đảm nhận.

tăng cường từ một đến hai cán bộ, sự liên lạc giữa thị xã Đà Lạt với các vùng xung quanh được duy trì thường xuyên.

Cuối tháng 1 năm 1947, do có tên phản bội, đồng chí Nguyễn Thế Tinh cùng một số cán bộ, cơ sở bị bắt, địch đưa về giam tại bót nhà thờ Đà Lạt (nay là trụ sở phòng cảnh sát bảo vệ thuộc Sở Công an Lâm Đồng ở đường Trần Phú Đà Lạt). Sau 15 ngày bị địch tra tấn dã man, các đồng chí cán bộ, đảng viên vẫn giữ vững khí tiết cách mạng, chúng định đem xử bắn để uy hiếp tinh thần nhân dân. Nhưng với tinh thần dũng cảm và thông minh, được sự phối hợp chặt chẽ với lực lượng bên ngoài, hầu hết các đồng chí trong nhà lao đã vượt ngục an toàn, tiếp tục hoạt động.

Với sự phát triển của phong trào, giữa năm 1947 Phân ban cán sự Cục Nam tiếp tục tăng cường đồng chí Phan Như Thạch cán bộ từ Phú Yên vào, đồng chí Trương Văn Hoàn và 3 cán bộ Thị ủy Phan Rang lên Lâm Viên. Tuy chưa có cấp ủy hay Ban cán sự Đảng ở địa phương nhưng các đồng chí chủ chốt đều là đảng viên. Ủy ban kháng chiến và Mặt trận Việt Minh tỉnh Lâm Viên là cơ quan trực tiếp lãnh đạo phong trào. Các địa bàn hoạt động được chia làm 3 khu: khu 1 từ Đà Lạt đến đèo Dục La, khu 2 từ đèo Dục La đến Trạm Hành, khu 3 thuộc vùng Dran. Ủy ban kháng chiến Tỉnh đóng ở chiến khu Danh thuộc khu 2, cách Cầu Đất 10 cây số về phía Đông Bắc.

Tuy sự liên lạc với Phân ban cán sự Cục Nam và xứ ủy Trung bộ gặp nhiều khó khăn, nhưng Ủy ban kháng chiến Tỉnh vẫn thường xuyên quán triệt và vận dụng các chủ trương, đường lối kháng chiến của Đảng vào tình hình thực tế ở địa phương. Do đó, phong trào cách

mạng trong những năm 1947—1948 đạt được những kết quả đáng kể.

Tại thị xã Đà Lạt, các tổ chức quần chúng và hội biến tướng được củng cố và phát triển đều khắp ở các phường, xã. Tổ chức công đoàn ở nhà máy điện được thành lập với khoảng 20 đoàn viên do đồng chí Đinh Văn Hội phụ trách. Nhiệm vụ của công đoàn là tuyên truyền, vận động công nhân nhà máy tham gia và ủng hộ kháng chiến, phối hợp cắt điện để các lực lượng bên ngoài vào Đà Lạt rải truyền đơn, treo cờ, lấy tin qua máy thu thanh để tuyên truyền, giáo dục quần chúng. Hoạt động của công đoàn nhà máy đã có ảnh hưởng rất lớn, kết nạp thêm được nhiều đoàn viên. Tháng 10 năm 1947 trong buổi lễ kết nạp đoàn viên tại nhà số 36 đường Lò Gạch (nay là đường Hoàng Diệu), địch phát hiện và vây bắt, một cán bộ đã kịp thời đem lá cờ Đảng và cờ Tổ quốc dán trên trần nhà (1), sau đó bị địch bắt cùng một số đồng chí khác. Trước tình hình đó một số cán bộ đến hoạt động vùng cây số 4,6, tổ chức công đoàn chia ra từng bộ phận nhỏ và hoạt động phân tán.

Hoạt động của công nhân Nha địa dư được tổ chức theo từng nhóm, từng phân xưởng. Tuy địch kiểm soát, theo dõi chặt chẽ, nhưng các đồng chí cán bộ vẫn tìm cách gặp gỡ anh em công nhân để tuyên truyền kháng chiến. Tại phòng mạ kẽm cứ mỗi buổi sáng trước giờ làm việc đều tổ chức bí mật chào cờ Tổ quốc, mỗi lần có từ 7 đến 10 người dự, hình thức tuy còn đơn giản nhưng có ý nghĩa rất lớn và được duy trì trong nhiều năm.

(1) Đồng chí cán bộ đó là Trần Ngũ (Giám đốc chi nhánh điện Bảo Lộc — Di Linh, chết năm 1984). Sau khi miền Nam hoàn toàn giải phóng đồng chí trở lại ngôi nhà đó lấy hai lá cờ và tặng cho phòng Bảo tàng tỉnh Lâm Đồng.

Những cơ sở bí mật thường xuyên cung cấp bản đồ, tài liệu và tin tức có ý nghĩa quan trọng về chiến lược cho các chiến trường toàn quốc, góp phần làm thất bại Âm mưu và hoạt động quân sự của quân Pháp. Ngoài ra anh em công nhân còn lấy thuốc chữa bệnh, giấy, mực gửi ra chiến khu. Đêm 13 tháng 3 năm 1947, hai cơ sở đã lấy súng và 1 số đồ dùng trong kho của Nha địa dư đem ra thoát ly kháng chiến. Một số cơ sở khác làm ở khách sạn Xec (Hotel-Cercle, nay là nhà số 2 đường Nguyễn Du — Đà Lạt) lấy 10 khẩu súng và 2 kg thuốc chữa bệnh đem về chiến khu.

Công nhân xe lửa trên tuyến đường Tháp Chàm — Đà Lạt thường xuyên giữ vững đường dây liên lạc, bảo đảm an toàn việc chuyển lương thực, tài liệu và đưa đón cán bộ lên hoạt động tại Lâm Viên. Giữa năm 1947 địch phát hiện và bắt 6 đồng chí giam tại lao Đà Lạt, sau đó trục xuất về Sài Gòn, các đồng chí còn lại vẫn tiếp tục bí mật hoạt động.

Vận dụng hình thức công khai hợp pháp, Tỉnh công bố chủ trương củng cố hội « Phổ hiếu ». Đây là một tổ chức từ thiện được thành lập từ năm 1930 để lo việc mai táng, chôn cất và giúp đỡ những người không gia đình khi qua đời. Với hình thức hoạt động công khai của Hội, mỗi con đường trong thị xã được bố trí hai người có nhiệm vụ theo dõi, nắm tình hình địch và che dấu cán bộ, do đó hoạt động của cán bộ được dễ dàng. Hầu hết những người tham gia hội là công nhân thợ nỏ, thợ mộc và người nghèo. Phương thức hoạt động của Hội có kết quả tốt, qua đó nâng cao thêm trình độ hiểu biết về kháng chiến cho hội viên, nhiều người đã trở thành cơ sở cách mạng.

Trước sự chuyển biến mạnh mẽ của phong trào cách

mạng. Phân ban cán sự Cục Nam cử đồng chí Hồ Ngọc Nam (tức Nam Hán) từ Ninh Thuận lên trực tiếp chỉ đạo phong trào công nhân Đà Lạt. Tháng 7 năm 1947, nhân ngày khai mạc hội chợ, đồng chí đã gặp gỡ một số cán bộ, cơ sở cách mạng tại một gian hàng do cơ sở phụ trách để phổ biến tình hình và một số chủ trương công tác của Tỉnh. Tháng 9 năm 1947 đồng chí Hồ Ngọc Nam hy sinh trong khi làm nhiệm vụ. Ngày 10 tháng 10 năm 1947 các đồng chí Trương Văn Hoàn, Lê Trục là những cán bộ lãnh đạo của Tỉnh bị địch phục kích bắn bị thương và sau đó chúng đem thủ tiêu. Ngày 16 tháng 11 năm 1947 trong khi làm nhiệm vụ trên đường Cầu Quẹo (nay là đường Phan Đình Phùng) đồng chí Đinh Văn Hội bị tên Sáu Thom, mật thám khét tiếng gian ác bắn bị thương, chúng đưa vào bệnh viện nhưng không khai thác được tin tức, đồng chí đã anh dũng hy sinh.

Ở La Ba, Gia Thạnh tuy xa sự chỉ đạo của Tỉnh, nhưng cơ sở cách mạng vẫn phát triển mạnh, kể cả trong vùng đồng bào dân tộc ít người. Tháng 10 năm 1947 đồng chí Nguyễn Thế Tính cùng một số cán bộ vào đây để xây dựng và chỉ đạo phong trào.

Cuộc phản công Thu — Đông năm 1947 thắng lợi ở Việt Bắc, cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược đã chuyển sang giai đoạn mới phong trào luyện quân, lập công khá rầm rộ trong cả nước, lực lượng vũ trang trưởng thành và có nhiều tiến bộ, phong trào ở vùng tạm bị chiếm được củng cố. Ở miền Nam chiến thắng La Ngà của quân khu 7 (ngày 1 tháng 3 năm 1948) chặn đánh đoàn xe quân sự Pháp từ Sài Gòn lên Đà Lạt, diệt 150 tên, trong đó có tên đại tá Pa-Ruyt Tổng tham mưu phó quân đội viễn chinh Pháp và bắt sống tên đại tá Xê-ri-nhê (Sérigné). Những chiến thắng

này đã tác động và ảnh hưởng nhiều đến tinh thần binh lính và người Pháp ở Đà Lạt hoảng mang lo sợ, quân dân Lâm Viên và Đồng Nai Thượng càng thêm tin tưởng và phấn khởi.

Không thực hiện được chủ trương đánh nhanh, thắng nhanh, thực dân Pháp lui về thế phòng ngự, lo củng cố cứ điểm và các vùng đã chiếm được. Ở Cực Nam Trung bộ, chúng thi hành chính sách đồn dân, vây làng, mở những cuộc hành quân, càn quét nhằm ngăn chặn mọi hoạt động của ta.

Tại Lâm Viên, địch tăng cường hoạt động ở Đà Lạt và khu vực huyện Chiến Thắng⁽¹⁾ nhằm cắt đường dây liên lạc từ tỉnh Ninh Thuận lên. Chúng mở nhiều cuộc hành quân vào đánh phá các chiến khu, phát triển mạng lưới gián điệp ở nội ngoại ô thị xã Đà Lạt. Tháng 3 năm 1948, địch tổ chức càn quét vào La Ba; đánh chiến khu, bắt nhiều cán bộ, cơ sở cách mạng. Trong cuộc chiến đấu chống địch càn quét vào chiến khu, một đồng chí cán bộ tuy bị thương nhưng vẫn dũng cảm đánh ngăn chặn địch để đồng đội rút lui. Tháng 8 và tháng 9 năm 1948, địch thường đánh phá chiến khu và các vùng bàn đạp vào thị xã Đà Lạt. Ngày 25 tháng 9 năm 1948, chúng lại đánh úp chiến khu của Tỉnh, một số đồng chí hy sinh, một số bị bắt, trong đó có đồng chí Phan Như Thạch phó chủ tịch Ủy ban kháng chiến Tỉnh. Đồng chí Nguyễn Thế Tính và một tiểu đội vũ trang rút xuống Ninh Thuận. Từ đây sự liên lạc của cán bộ còn lại đang hoạt động ở Lâm Viên với Phân ban cán sự Cực Nam và tỉnh Ninh Thuận bị gián đoạn, phong trào cách mạng tỉnh Lâm Viên đang gặp những khó khăn và tổn thất.

(1) Khu vực từ Trại Mát đến Chu Đát được ta gọi là huyện Chiến Thắng.



Một đoạn trên phòng tuyến Trại Mát, nơi diễn ra những trận chiến đấu đánh quân Nhật — Pháp tháng 1 năm 1946.

Ngày 23 tháng 8 năm 1948, Bộ Tổng tư lệnh ra huấn lệnh về nhiệm vụ chiến lược của miền Nam Trung bộ, bản huấn lệnh nhấn mạnh sự quan trọng về chiến lược của miền Nam Trung bộ, của Tây nguyên, của các thành phố, hải cảng và các đường giao thông quan trọng trong miền. Về nhiệm vụ cụ thể, bản huấn lệnh chỉ rõ: « Phải xây dựng căn cứ địa vùng sau lưng địch ở Buôn Mê Thuột, Đà Lạt, mở rộng hoạt động sang Đông Miên, Hạ Lào. Phương thức hoạt động là: thành lập các Ban Xung phong bí mật đi sâu vào hoạt động trong lòng địch, phát triển lực lượng trong đồng bào dân tộc ít người, phá vỡ cơ sở nguy binh, Liên trung đoàn 812 tiến lên hoạt động ở Đà Lạt, Di Linh và vùng sau Đà Lạt ».

Đề thống nhất chỉ đạo và phối hợp hoạt động trên chiến trường miền Nam Trung bộ, tháng 10 năm 1948 khu 5, khu 15 và khu 6 thống nhất thành Liên khu 5.

Tuy địch đánh phá, khủng bố liên tục nhưng phong trào cách mạng ở Lâm Viên vẫn được giữ vững, nhiều cơ sở cách mạng đã chịu đựng gian khổ, hy sinh để bảo vệ cán bộ cách mạng. Hoạt động diệt ác trừ gian đã làm cho địch hoảng sợ, đêm 22 tháng 3 năm 1948 tên Lê Hội chỉ điểm viên bị trừng trị tại làng Đa Thành. Ngày 12 tháng 8 năm 1948 trên đường từ Đà Lạt đi Đăng Kia, tên lý trưởng xã Phước Thành đã bị đèn tội.

Đồn Công an Cầu Đất là nơi địch giam giữ nhiều cán bộ, cơ sở cách mạng, tháng 7 năm 1948 một tiểu đội vũ trang đã bí mật tập kích đốt cháy đồn, hàng chục người được giải thoát và trở về địa phương hoạt động.

Mặc dù đứt liên lạc, không được sự chỉ đạo trực tiếp của cấp trên nhưng cán bộ, cơ sở cách mạng ở Lâm Viên vẫn tích cực công tác, bám sát quần chúng nhân dân

đề tuyên truyền kháng chiến, giữ vững phong trào tìm mọi cách đề nổi lại liên lạc với Nhân ban cán sự Cực Nam. Tại Đà Lạt, huyện Chiến Thắng số cán bộ còn lại rất ít (1) nhưng vẫn vượt qua mọi khó khăn gian khổ, ác liệt, vừa xây dựng mật khu, vừa bám quần chúng, giữ vững phong trào và lòng tin của nhân dân đối với cách mạng. Cán bộ, chiến sĩ, cơ sở cách mạng được rèn luyện thử thách trong đấu tranh nhưng công tác phát triển đảng vẫn chưa được chú ý. Ngoài số đảng viên đã có từ trước và được điều đến, chỉ kết nạp được một đảng viên trong phong trào (2).

Thành lập khu căn cứ, tiến lên xây dựng phong trào cách mạng ở Đồng Nai Thượng:

Sau khi rút khỏi phòng tuyến ở cây số 42, Ủy ban nhân dân và các cơ quan Tỉnh xây dựng chiến khu ở Suối Hộc, suối Nha Đam thuộc tỉnh Bình Thuận. Cuộc sống ở các khu tản cư và các cơ quan trong những ngày đầu của cuộc kháng chiến đã gặp nhiều khó khăn, thiếu thốn, lại chưa chuẩn bị chu đáo nên phần lớn cán bộ chiến sĩ và đồng bào tản cư bị đau ốm, thiếu thuốc chữa bệnh và phương tiện làm việc. Mặt khác, địch tăng cường lùng sục bắt bớ, bắn giết cán bộ và những người tham gia kháng chiến, một số đồng chí cán bộ Ủy ban nhân dân Tỉnh hy sinh (3). Trước tình hình đó, một số cán bộ, nhân dân hoang mang, giao động đã bỏ

(1) Đà Lạt 3, huyện Chiến Thắng 3 và 1 cán bộ hoạt động ở thành phố Sa. Còn bị lộ lên Đà Lạt công tác, tất cả là 7.

(2) Chưa có số liệu đầy đủ về tổ chức Đảng và đảng viên của Tam Viên lúc bấy giờ có khoảng 10 Đảng viên, đã hy sinh 3.

(3) Hai đồng chí trong Ủy ban nhân dân Tỉnh là Trần Thiện Thuận và Nguyễn Bình Đạm bị địch bắt và bắn chết, hai Ủy viên khác bị địch bắt, một Ủy viên quân sự đi công tác ra Bắc không trở về.

đi nơi khác làm ăn sinh sống. Cuộc đấu tranh trong nội bộ các cơ quan Tỉnh gay gắt, có người cho rằng trong điều kiện như vậy không thể tiếp tục hoạt động được. Nhưng nhiều đồng chí đã quyết định phải tiếp tục bám dân, bám địa bàn, củng cố tổ chức, xây dựng lực lượng để tiếp tục hoạt động. Ủy ban Việt Minh và Ủy ban nhân dân Tỉnh quyết định cử đồng chí Nguyễn An, chủ tịch Tỉnh ra Ủy ban kháng chiến miền Nam Trung bộ báo cáo tình hình và xin giúp đỡ. Đồng thời đề ra một số chủ trương:

1) — Kiện toàn tổ chức các cơ quan cấp Tỉnh và các khu tản cư của nhân dân.

2) — Đẩy mạnh sản xuất tự túc để bảo đảm đời sống cho cán bộ, bộ đội và nhân dân.

3) — Chú ý về công tác giáo dục.

Thực hiện chủ trương trên, Ủy ban nhân dân Tỉnh đã kiện toàn tổ chức, bổ sung thêm một số ủy viên, các tổ chức thanh niên, phụ nữ cứu quốc được củng cố. Thành lập Ty Công an trên cơ sở sát nhập lực lượng trình sát và cảnh sát để bảo vệ trật tự trị an.

Đồng bào Kinh ở Đồng Nai Thượng tản cư xuống Định Thuận trên 1.000 người tổ chức thành 3 khu: khu 1 gồm đồng bào ở B' Lao, khu 2 gồm đồng bào ở Di Linh, khu 3 gồm đồng bào ở Đại Ninh, Lang Hanh. Ủy ban nhân dân Tỉnh cử cán bộ xuống các khu để tổ chức và ổn định đời sống đồng bào khắc phục tư tưởng tạm thời. Chỉ sau một thời gian ngắn đồng bào đã làm rẫy, ruộng, chăn nuôi, tổ chức đời sống phù hợp với các khu tản cư, trao đổi hàng hóa với đồng bào dân tộc trong vùng, chỉ một số rất ít người mới trở về Di Linh, L' Lao. Các

khu tản cư đẩy mạnh các mặt hoạt động, những khó khăn từng bước được giải quyết.

Cùng với việc ổn định đời sống, Tỉnh còn chú trọng công tác văn hóa, giáo dục, thành lập Phòng bình dân học vụ, mở hai lớp bồi dưỡng giáo viên bình dân học vụ ở khu 1 và khu 2, hầu hết thanh niên và những người lớn tuổi đều tham gia học bổ túc văn hóa.

Đồng bào ở các khu tản cư đã thật sự yên tâm bám trụ địa bàn vừa tự giải quyết đời sống, vừa cung cấp sức người, sức của cho kháng chiến. Ở một số nơi địch càn quét bắt một số đồng bào, chúng tra tấn dã man để truy tìm căn cứ kháng chiến Tỉnh, nhưng không một ai khai báo.

Sau khi thực dân Pháp chiếm lại Đồng Nai Thượng, Ủy ban nhân dân Tỉnh bố trí một số cán bộ trở về Di Linh hoạt động, đã tập hợp được một số quần chúng có cảm tình với cách mạng, ủng hộ kháng chiến, nhưng sau đó địch đánh phá và mất liên lạc. Mặt khác Tỉnh tích cực tổ chức một số cơ sở bí mật tại Phan Thiết, làm nơi liên lạc theo đường hợp pháp để móc nối cơ sở và mua hàng cho chiến khu. Đường dây liên lạc theo đường hợp pháp được tổ chức chu đáo, các loại hàng hóa, thuốc chữa bệnh, tin tức từ Di Linh, B' Lao được chuyển theo đường hợp pháp về Sài Gòn, rồi ra Phan Thiết và đưa đến chiến khu Tỉnh và các khu tản cư. Ngoài ra, ban liên lạc, tiếp tế của Tỉnh tổ chức một số chi ếm vào vùng địch tạm chiếm để mua hàng móc nối cơ sở, lấy tin tức...

Tháng 5 năm 1947, theo quyết định của Phân ban cán sự Cục Nam, đồng chí Nguyễn An trở về cùng với một số cán bộ được tăng cường cho Đồng Nai Thượng. Tỉnh tổ chức hội nghị cán bộ để quán triệt chủ trương, đường

lối kháng chiến của Đảng và hàn một số công tác của địa phương. Vấn đề cần phải giải quyết là tìm nguyên liệu để làm công cụ sản xuất, vũ khí để đánh giặc. Cuối tháng 5 trung đội tự vệ chiến đấu của Tỉnh được thành lập để bảo vệ cơ quan và hoạt động tuyên truyền trong các khu tản cư.

Cùng với việc củng cố, xây dựng các đoàn thể quần chúng và các khu tản cư, Tỉnh còn chú trọng việc tuyển chọn thanh niên bổ sung vào lực lượng vũ trang Tỉnh, chuẩn bị điều kiện để đưa lực lượng lên nội địa hoạt động. Tháng 11 năm 1947 cơ quan Tỉnh chuyển đến Bàu Nước (Bình Thuận) để trực tiếp chỉ đạo phong trào nội địa và các đội vũ trang tuyên truyền.

Do điều kiện, khó khăn và ác liệt của chiến trường nên cán bộ các cơ quan Tỉnh thường không ổn định, chỉ trong vòng 6 tháng (từ tháng 5 đến tháng 10 năm 1947) đã có 4 lần thay đổi chủ nhiệm Việt Minh Tỉnh⁽¹⁾. Nhưng khó khăn lớn nhất của Tỉnh là chưa có tổ chức Đảng để lãnh đạo, do đó việc quán triệt các chủ trương, đường lối kháng chiến của Đảng và quá trình vận dụng vào địa phương còn nhiều mặt hạn chế. Với một đảng viên tại chỗ, tháng 12 năm 1947 tỉnh Đồng Nai Thượng được tăng cường hai đảng viên, chi bộ Đảng đầu tiên của Tỉnh được thành lập, trực thuộc Tỉnh ủy Bình Thuận. Sự kiện này đánh dấu một bước phát triển về tổ chức chỉ đạo, là tiền đề cho việc xây dựng tổ chức Đảng ở địa phương ngày càng vững mạnh.

Sau gần hai năm củng cố và xây dựng, các khu tản cư đã trở thành các khu căn cứ và là những đơn vị hành

(1) Một đồng chí bị địch bắt, 1 đồng chí bị bệnh chết, 1 đồng chí bị địch bắn bị thương và 1 đồng chí bị hy sinh.

chính, mỗi khu thành lập 1 đội vũ trang tuyên truyền. Cơ quan lãnh đạo Tỉnh, các đội công tác và các đội vũ trang tuyên truyền được kiện toàn. Ủy ban kháng chiến miền Nam Trung bộ và tỉnh Bình Thuận tăng cường lực lượng, giúp đỡ về vật chất để tỉnh Đồng Nai Thượng có đủ điều kiện tổ chức lực lượng lên hoạt động tại Tỉnh nhà. Tháng 1 năm 1948, cơ quan Tỉnh chuyển lên Xa Lôn (đất Đồng Nai Thượng) để trực tiếp chỉ đạo phong trào, đơn vị tự vệ của Tỉnh cùng phối hợp hoạt động với các đội vũ trang tuyên truyền. Các đơn vị vũ trang tuyên truyền tiến lên hoạt động ở ba Huyện, đội ở khu 1 lên hoạt động tại B' Lao, đội ở khu 2 lên huyện Di Linh, đội ở khu 3 lên huyện Đại Ninh.

Nhiệm vụ của các đội vũ trang tuyên truyền là đi sâu vào vùng đồng bào dân tộc ít người để tuyên truyền xây dựng cơ sở cách mạng trong quần chúng, vận động nhân dân chống sưu thuế, không đi lính cho địch. Ở những nơi phong trào phát triển khá sẽ thành lập chính quyền và các đoàn thể quần chúng.

Sau hơn 1 năm hoạt động, đến tháng 4 năm 1949 phong trào cách mạng ở Đồng Nai Thượng có những chuyển biến đáng kể các đội vũ trang tuyên truyền đã xây dựng cơ sở chính trị ở 95 buôn trong vùng đồng bào dân tộc ít người. Huyện Di Linh thành lập được chính quyền cách mạng ở 3 xã Thường sơn, Trung sơn và Lam sơn (1); Huyện Đại Ninh thành lập được chính quyền ở 2 xã Bắc sơn, Đông Thuận (2). Ở huyện B' Lao, đội công tác đã vượt qua đường 20 lên xây dựng cơ sở

(1) Xã Thường sơn có 16 buôn, xã Lam Sơn có 10 buôn, thuộc Tổng Châu Trung, xã Trung Sơn có 10 buôn thuộc tổng K' Dôn.

(2) Xã Bắc Sơn có 12 buôn, nay là xã Bắc Thuận huyện Di Linh; xã Đông Thuận có 8 buôn nay thuộc xã Gia Hiệp huyện Di Linh.

trong đồng bào Mạ. Ở những nơi đã thành lập chính quyền cách mạng, các tổ chức quần chúng như thanh niên, phụ nữ được hình thành và hoạt động tích cực. Qua thực tế rèn luyện, và thử thách, nhiều cán bộ tại chỗ đã trưởng thành nhiều mặt, một đồng chí cán bộ dân tộc được bổ sung làm Phó chủ tịch Ủy ban kháng chiến Tỉnh, hai đồng chí phụ nữ dân tộc được bổ sung làm cán bộ phụ nữ tỉnh.

Cùng với việc xây dựng cơ sở chính trị trong quần chúng, tại Di Linh thành lập đội du kích địa phương với trên 30 đội viên, các em thiếu niên được tuyên truyền giáo dục và đưa vào tổ chức thành lập đội tuyên truyền xung phong Lam-Bri với gần 40 em, hoạt động rất tích cực. Nhiều em sau này được đào tạo và trở thành cán bộ lãnh đạo ở địa phương.

Trong thời gian hoạt động ở nội địa đội tự vệ chiến đấu của Tỉnh đã phục kích một toán địch ở xã Dây do một tên Pháp chỉ huy, diệt một số tên. Thắng lợi này đã làm cho đồng bào các dân tộc trong vùng rất phấn khởi, cán bộ chiến sĩ trong đơn vị đã trưởng thành thêm một bước.

Ở các khu căn cứ, tình hình kinh tế gặp nhiều khó khăn, nhất là về tài chính vì địch bao vây kinh tế, đồng bạc bị mất giá, đồng bạc Đông Dương loại 500 đồng bị cấm lưu hành. Trước tình hình đó, Ủy ban kháng chiến Tỉnh chủ trương phát hành tin phiếu riêng của Tỉnh để mua bán, trao đổi trong các khu tản cư và đồng bào địa phương trong vùng. Do tuyên truyền chu đáo và phát hành, quản lý chặt chẽ nên đồng bào tin tưởng tiêu dùng. Đến giữa năm 1950 Liên khu 5 phát hành tin phiếu thống nhất, loại tin phiếu của Tỉnh mới thu hồi.

Các hoạt động văn hóa, giáo dục được đẩy mạnh và đạt kết quả tốt. Các ngày lễ lớn trong năm như 1 tháng

5 và 2 tháng 9 đều tổ chức mít tinh kỷ niệm. Đầu năm 1948, Tỉnh phát hành báo « Đồng Tiến » (tiến về Đồng Nai Thượng) mỗi tháng xuất bản hai kỳ. Nội dung chủ yếu của tờ báo là tuyên truyền các chủ trương, đường lối kháng chiến của Đảng vận động phong trào thi đua ái quốc, đóng góp sức người, sức của cho kháng chiến.

Thực hiện chính sách dân tộc của Đảng Tỉnh đã thành lập Phòng quốc dân thiểu số do đồng chí Mai Huy Hoang phụ trách. Ngoài việc tuyên truyền chủ trương, chính sách của Đảng trong đồng bào dân tộc ít người, cơ quan còn tổ chức đưa thanh thiếu niên người dân tộc xuống học trường văn hóa của Tỉnh ở Hàm Tân (Bình Thuận), phần lớn các em sau này trở thành cán bộ, đảng viên trong các đội công tác.

Tại thị xã Di Linh, ngoài hệ thống đồn bót và các cơ quan đầu não của tỉnh Đồng Nai Thượng, địch còn xây dựng một nhà tù để giam giữ những cán bộ và cơ sở cách mạng. Chế độ hà khắc của nhà tù đã bắt tù nhân làm việc hết sức nặng nhọc, điều kiện sinh hoạt rất thiếu thốn. Trước tình hình đó, tổ chức bí mật trong nhà lao đã vận động anh em đấu tranh tuyệt thực và đưa 4 yêu sách:

- Tù nhân phải được tắm rửa sau một ngày lao động.
- Thực hiện làm việc mỗi ngày 8 giờ.
- Không được đánh đập tù nhân.
- Phải để cho tù nhân tự lo đời sống của mình.

Ngày đầu giám thị nhà lao không chấp nhận, anh em tiếp tục tuyệt thực và không chịu đi làm, cuối cùng chúng phải chấp nhận 4 yêu sách, cuộc đấu tranh thắng lợi. Từ đó đời sống của anh em bớt phần căng thẳng.

Những ngày lễ lớn anh em trong nhà lao bí mật tổ chức kỷ niệm. Vì thiếu phương tiện và đề tặng thêm ý nghĩa của buổi lễ, có lần anh em tự lấy máu và kỷ niệm vàng để nhuộm vải làm cờ đỏ sao vàng...

Hầu hết tù nhân ở nhà lao Di Linh sau khi mãn hạn tù đều bị địch trục xuất xuống Sài Gòn, nhiều đồng chí đã tìm cách liên lạc với tổ chức, thoát ly ra chiến khu và trở về hoạt động tại các tỉnh Cực Nam.

Những năm đầu của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, nhân dân hai tỉnh Lâm Viên và Đồng Nai Thượng đã vượt qua mọi khó khăn, gian khổ cùng nhau đoàn kết đấu tranh từng bước làm thất bại những âm mưu và hành động của địch. Tuy tổ chức Đảng ở hai địa phương còn yếu và chưa đóng vai trò lãnh đạo trực tiếp, nhưng các đồng chí chủ chốt của Việt Minh và Ủy ban Tỉnh đã tiếp thu được chủ trương, đường lối của Đảng để vận dụng vào tình hình thực tế của địa phương.

Ở Lâm Viên, sau khi các cơ quan Tỉnh và lực lượng vũ trang rút xuống Ninh Thuận, đã sớm bố trí cán bộ, quần chúng tốt trở về hoạt động, từ đó việc xây dựng cơ sở chính trị trong nhân dân được phát triển, nhất là trong công nhân, phụ nữ, thanh niên tạo điều kiện cho Ủy ban và Việt Minh Tỉnh cùng các đội vũ trang lên hoạt động. Mặc dù địch tìm mọi cách đối phó khủng bố phong trào nhưng hầu hết cán bộ, chiến sĩ, cơ sở cách mạng vẫn kiên trì bám địa bàn, tận dụng các hình thức công khai hợp pháp để hoạt động, nhân dân hết lòng ủng hộ và tin tưởng cách mạng, nhưng về mặt chỉ đạo vẫn chưa chú ý vận động, xây dựng cơ sở chính trị trong vùng đồng bào dân tộc ít người và công tác phát triển đảng viên còn chậm.

Ở Đồng Nai Thượng, nhanh chóng củng cố, kiện toàn các cơ quan lãnh đạo của Tỉnh và xây dựng khu căn cứ là vấn đề có ý nghĩa hết sức quan trọng. Hầu hết cán bộ, chiến sĩ đều có quyết tâm trở lại địa bàn Tỉnh hoạt động. Nhân dân ở các khu tản cư đã nêu cao tinh thần đoàn kết cùng nhau khắc phục khó khăn, thiếu thốn, từng bước ổn định đời sống. Quá trình củng cố và xây dựng các khu tản cư trở thành khu căn cứ đã tạo điều kiện thuận lợi để đưa Ủy ban và Việt Minh Tỉnh cùng các đội vũ trang tuyên truyền lên xây dựng cơ sở chính trị trong vùng đồng bào dân tộc ít người, đồng thời chủ ý công tác phát triển đảng viên, xây dựng lực lượng tại chỗ, đưa một số thanh niên dân tộc ít người đi học văn hóa, đào tạo cán bộ... Tuy nhiên việc xây dựng cơ sở chính trị trong các đồn điền, thị xã, thị trấn vẫn chưa được chú trọng và công tác xây dựng Đảng vẫn còn nhiều khuyết nhược điểm nên phong trào cách mạng ở địa phương có những mặt hạn chế.

Do vậy, để đưa phong trào cách mạng hai tỉnh Lâm Viên và Đồng Nai Thượng phát triển theo yêu cầu của nhiệm vụ mới, một vấn đề cơ bản là phải có tổ chức Đảng để trực tiếp lãnh đạo.

III. THÀNH LẬP BAN CÁN SỰ ĐẢNG LÂM VIÊN VÀ BAN CÁN SỰ ĐẢNG ĐỒNG NAI THƯỢNG TRỰC TIẾP LÃNH ĐẠO CUỘC KHÁNG CHIẾN HAI TỈNH LÂM VIÊN VÀ ĐỒNG NAI THƯỢNG. (Từ tháng 4-1949 đến tháng 10-1950):

Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược của nhân dân ta đã giành được nhiều thắng lợi và

đang bước sang giai đoạn mới. Hội nghị cán bộ Trung ương lần thứ 6 đã họp từ ngày 14 đến 18 tháng 1 năm 1949. Hội nghị đánh giá thắng lợi trong ba năm qua là « Ta càng đánh càng mạnh » trong khi đó « Pháp càng đánh càng thua to ». Hội nghị đề ra phương châm chiến lược trong giai đoạn mới là « Đánh mạnh hơn nữa vào hậu phương địch, đánh vào các vị trí chiến lược và kinh tế quan trọng mà địch đang ra sức củng cố, đồng thời mở rộng mặt trận Lào — Miên » ⁽¹⁾ nhằm tiêu diệt, tiêu hao thật nhiều sinh lực địch, bổ sung lực lượng ta về mọi mặt và xây dựng lực lượng kháng chiến trong vùng tạm bị chiếm.

Thực hiện nghị quyết Hội nghị, bộ đội chủ lực trên chiến trường Bắc bộ và Liên khu 5 đã mở nhiều chiến dịch ⁽²⁾ gây cho địch nhiều thiệt hại và làm thay đổi tương quan lực lượng trên chiến trường ngày càng có lợi cho ta.

Trong các vùng địch tạm chiếm, phong trào đấu tranh của công nhân, học sinh, sinh viên ngày càng mạnh mẽ tiêu biểu là phong trào công nhân, học sinh Sài Gòn — Chợ Lớn. Những cuộc đấu tranh đó đã ảnh hưởng tốt đến phong trào cách mạng Lâm Viên và Đồng Nai Thượng.

Không thực hiện được chủ trương đánh nhanh, thắng nhanh, thực dân Pháp chuyển sang chiến lược đánh lâu dài, thực hiện chính sách « Dùng người Việt đánh người Việt, lấy chiến tranh nuôi chiến tranh »

(1) Văn kiện Đảng tập 2, quyển 2 Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng Trung ương xuất bản, Hà Nội, năm 1979 — trang 5.

(2) Đó là chiến dịch Lào Hà (2-1949), chiến dịch Sông Lô (4-1949), chiến dịch Hồ Chí Minh (6-1949) ở Tây nguyên, chiến dịch Nam Khánh Hòa (tháng 11-1949) ở Liên khu 5.

và củng cố các vùng chiếm đóng. Ở Tây nguyên địch tăng cường bắt lính nhất là người dân tộc để bổ sung cho các đồn, đẩy mạnh các cuộc hành quân, càn quét.

Tháng 4 năm 1949, đại hội Đại biểu đảng bộ Liên khu 5 đã kiểm điểm tình hình và thông qua nghị quyết về tình hình và nhiệm vụ quân sự trong giai đoạn mới. Hội nghị đã đề ra 3 nhiệm vụ lớn là: Bảo tồn lực lượng, tiêu hao địch và giữ vững vùng đất tự do rộng lớn. Về nhiệm vụ cụ thể, nghị quyết chỉ rõ: Phối hợp với chiến trường Bắc bộ và chiến trường chính, phá âm mưu củng cố Tây nguyên, cửa biển Đà Nẵng, Cam Ranh, Hạ Lào... Đánh thật mạnh vào khối nguy binh, tập trung lực lượng nhằm hướng chính của Tây nguyên, Đà Lạt, Ban Mê Thuộc, Hà Lào; đánh mạnh và táo bạo vào sau lưng địch giành cho được những thắng lợi quyết định, tích cực bồi dưỡng và tăng cường lực lượng ta về mọi mặt.

Để tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và đẩy mạnh phong trào cách mạng ở các tỉnh Cực Nam, ngày 10 tháng 2 năm 1949 thường vụ Liên khu ủy 5 đã họp để xem xét tình hình và đề ra nhiệm vụ của các tỉnh Cực Nam. Hội nghị thấy rằng « Giữa các tỉnh Cực Nam với nhau không có sự liên lạc mật thiết, không có sự phối hợp hành động, trao đổi kinh nghiệm. Mỗi tỉnh đều do hoàn cảnh địa phương mà định chủ trương riêng cho mình » và « Sự chỉ đạo của Miền Nam, vì liên lạc khó khăn không được sát, phân ban Cực Nam cũng không đủ điều kiện thành một cấp chỉ đạo. Do đó từ công tác đảng đến các mặt kháng chiến hành chính, chuyên môn, các tỉnh đều tùy tiện chủ trương » (1). Trong thời gian trước mắt, nghị quyết nêu rõ: « Lập một ban chỉ đạo chung cho các tỉnh Ninh

(1), Bản bản Hội nghị các Tỉnh Cực Nam ngày 10 tháng 2 năm 1949.
Tài liệu lưu tại Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng Lâm Đồng

Thuận, Bình Thuận, Lâm Viên và Đồng Nai Thượng ». Về chính quyền, thành lập « **Phân ban kháng chiến hành chính Cực Nam** ». Nhiệm vụ chiến lược của các Tỉnh Cực Nam là « **Hoạt động ở Nha Trang, Cam Ranh cắt đường giao thông Nha Trang — Sài Gòn và uy hiếp Đà Lạt** » (1).

Hội nghị quyết định tiếp tục tăng cường cán bộ, lực lượng, giúp đỡ về mọi mặt và đề ra kế hoạch hoạt động của 2 tỉnh Lâm Viên và Đồng Nai Thượng. Phương châm chủ yếu là « **Đưa các đội Vũ trang tuyên truyền lên hoạt động trong vùng đồng bào dân tộc ít người để xây dựng cơ sở cách mạng, phát triển chính quyền, tổ chức dân quân và tiến dần đến thành lập bộ đội địa phương hoạt động theo « Đại đội độc lập** » (2)

Thực hiện tinh thần Nghị quyết, tháng 3 năm 1949 Ban Cán sự Cực Nam thành lập để chỉ đạo các tỉnh Ninh Thuận, Bình Thuận, Lâm Viên và Đồng Nai Thượng. Tháng 4 năm 1949 thành lập Ban Cán sự đảng Lâm viên gồm đồng chí Lê Tự Nhiên, ủy viên Ban Cán sự Cực nam làm bí thư, đồng chí Lê Đình Cường ủy viên. Ngày 24 tháng 4 năm 1949 thành lập Ban cán sự Đảng tỉnh Đồng Nai Thượng gồm đồng chí Thu Lâm (tức Trần Ngọc Trác) bí thư, đồng chí Mai Huy Hoàng phó bí thư và đồng chí Lê Đình Nam ủy viên.

Đây là một sự kiện quan trọng, đánh dấu bước phát triển mới của phong trào Cách mạng hai Tỉnh. Lần đầu tiên Lâm Viên và Đồng Nai Thượng có tổ chức Đảng cao nhất để trực tiếp lãnh đạo phong trào, tiếp thu các chủ trương đường lối của Đảng để vận dụng vào tình hình thực tế ở địa phương.

1) Tăng cường chỉ đạo, khôi phục tổ chức và phong trào Cách mạng ở Lâm Viên:

(1) (2) Như trang 60.

Tháng 9 năm 1918 chiến khu của Tỉnh Lâm Viên bị địch đánh úp, một số đồng chí bị bắt, sự liên lạc giữa Lâm Viên với phân Ban cán sự Cục Nam hoàn toàn bị đứt. Những cán bộ còn lại hoạt động ở Đà Lạt và huyện Chiến Thắng tự động công tác tiếp tục bám sát cơ sở và quần chúng để tuyên truyền giáo dục giữ vững phong trào. Các địa bàn thường xuyên liên lạc trao đổi tình hình và phối hợp hoạt động.

Sau một thời gian bị giam ở nhà lao Di Linh địch đưa đồng chí Phan Như Thạch về Xanh - bờ - noa (Saint - Benoit, tức Chi Lăng) ở đây đồng chí đã bị mật liên lạc với cơ sở bên ngoài để nắm tình hình và có ý kiến chỉ đạo. Trên đường đi khám bệnh lợi dụng sự sơ hở của địch đồng chí đã dùng còng đánh ngã tên lính và chạy xuống Trại Mát bắt liên lạc với cơ sở huyện Chiến Thắng (khoảng tháng 9 năm 1919). Đồng chí đã triệu tập những cán bộ đang hoạt động ở Đà Lạt và huyện Chiến Thắng về họp tại Trại Mát để kiểm điểm tình hình và bàn kế hoạch công tác. Lúc này các địa bàn của Tỉnh chỉ có 8 đồng chí cán bộ hoạt động nhưng chưa liên lạc được với ban cán sự Tỉnh và Ban cán sự Cục Nam. Vì vậy để tiếp tục tuyên truyền và vận động nhân dân tham gia kháng chiến, Hội nghị đã phân công mỗi đồng chí giữ nhiều chức vụ khác nhau và trên danh nghĩa đã thành lập các cơ quan lãnh đạo của Tỉnh, thị xã Đà Lạt và huyện Chiến Thắng như: Ủy Ban kháng chiến hành chính, Ty công an, thông tin.. (1)

(1) Đồng chí Phan Như Thạch giữ chức chủ tịch UBKCHC và ủy viên quân sự tỉnh Lâm Viên kế tên Nỗ Văn Nhân — Đồng chí Hoàng Phi Hòang giữ chức chủ tịch UBKCHC kiêm thị độ trưởng Đà Lạt ký tên Lê Triệu Thanh, đồng chí Hồng Việt là trưởng ty Công an lấy tên là Nguyễn Trung Dũng, trưởng y tá quân sự lấy tên là Hoàng Phi Bằng — Đồng chí Lê Duy Văn chủ tịch UBKCHC huyện Chiến Thắng.

Với tinh thần kiên trì bám địa bàn, bám sát quần chúng và với phương thức hoạt động thích hợp nên phong trào cách mạng ở Lâm Viên nhanh chóng khôi phục, ảnh hưởng của cách mạng ngày càng sâu rộng trong quần chúng.

Ban cán sự Lâm Viên tuy mới được thành lập và chưa liên lạc được với những cán bộ đang hoạt động ở nội địa nhưng đã tích cực chuẩn bị lực lượng, chuẩn bị điều kiện trở về địa phương trực tiếp chỉ đạo phong trào. Tháng 9 năm 1949 Ban cán sự Cục nam quyết định bổ sung đồng chí Trần Oanh vào ban Cán sự tỉnh Lâm Viên. Khoảng tháng 8 năm 1949 trung đoàn 81 thành lập đại đội Như Hồ (1) tại núi Đồng Bò (Ninh Thuận). Với phương thức hoạt động vũ trang tuyên truyền, đơn vị đi sâu vào vùng đồng bào dân tộc ít người dọc theo trục đường xe lửa Tháp Chàm - Krông-Pha và vùng La Bá... để xây dựng cơ sở chính trị vận động nhân dân tham gia kháng chiến. Cuối năm 1949 đơn vị chuyển xuống công tác vùng Lệ Nghi - Bá Ghe (Bắc Bình Thuận) nhằm xây dựng bàn đạp để đưa lực lượng lên hoạt động tại Lâm Viên. Trong thời gian này hai đồng chí trong Ban cán sự Tỉnh và đồng chí Nguyễn Thanh trung đoàn phó trung đoàn 81 đến Lệ Nghi - Bá Ghe để trực tiếp chỉ đạo đại đội Như Hồ. Sau một thời gian tuyên truyền vận động, phong trào cách mạng ở đây phát triển khá, chính quyền cách mạng và các đoàn thể quần chúng được thành lập ở ba xã: Anh Dũng 1, Anh Dũng 2 và Hạnh Phúc. Vùng bàn đạp này được gọi là huyện Anh Dũng (Tây Nam Ninh Thuận).

Cuối tháng 12 năm 1949 một mũi của đại đội Như Hồ

(1) Như Hồ là bí danh của đồng chí Nhật Thắng đại đội trưởng đại hy sinh

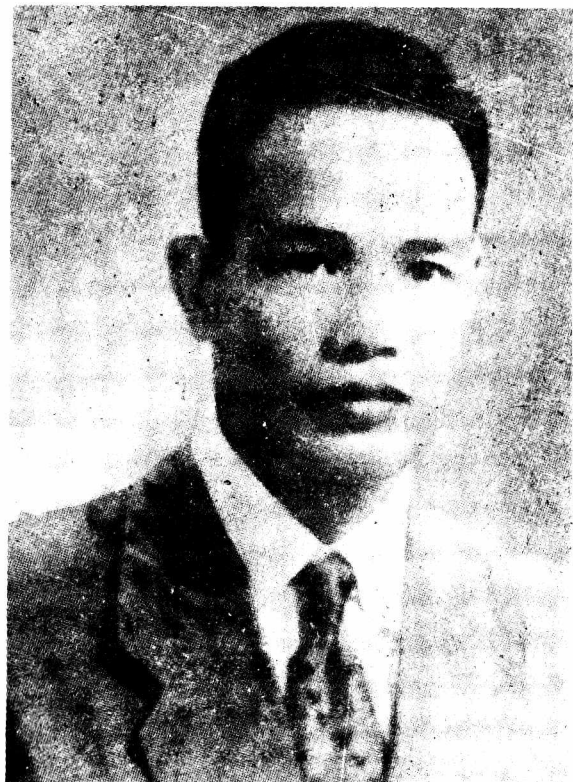
xoài lên để liên lạc được với số cán bộ đang hoạt động ở Đà Lạt. Sau đó đồng chí Phan Như Thạch xuống Bình Thuận để báo cáo tình hình với Ban cán sự Cục Nam và Ban cán sự Lâm Viên đường dây liên lạc được nối liền, phong trào cách mạng của Lâm Viên đã khắc phục được khó khăn về tổ chức và chỉ đạo.

Bị thất bại trên chiến trường Bắc bộ, thực dân Pháp tập trung củng cố Tây Nguyên, trong vùng đồng bào dân tộc ít người chúng đẩy mạnh xây dựng và tổ chức các ổ vũ trang (gọi là Gum) ⁽¹⁾ để ngăn chặn các hoạt động của ta.

Ở Lâm Viên, địch tăng cường các hoạt động quân sự, hệ thống đồn bót được tăng cường và mở rộng. Thị xã Đà Lạt và dọc đường 11 có hàng chục đồn bót, trong đó có những đồn lớn như Xanh-bơ-noa (tức Chi Lăng) có trên 500 lính, Ấng-phang-tờ-rúp (Enfant-troupe — khu vực Trường đại học hiện nay) có 200 lính, đồn Trạm Hành có trên 200 lính Thượng. Các đồn Phi-An (Fian) Liên Kháng, Đại Ninh đều được tăng cường lực lượng. Năm 1950 trường đào tạo sĩ quan ở Huế được chuyển lên Đà Lạt và được đổi thành trường Võ bị liên quân Đà Lạt. Đây là trung tâm đào tạo sĩ quan chỉ huy, kỹ thuật lớn nhất của địch.

Về chính trị địch ra sức tuyên truyền xuyên tạc chủ trương đường lối kháng chiến của Đảng, dùng kinh tế

(1) Gum là một từ Ả rập có ý nghĩa là thị tộc, bộ lạc. Thực dân Pháp xâm lược Châu Phi, năm 1918 ở Ma Rốc chúng đã tổ chức lực lượng vũ trang người địa phương lấy tên là GOUVERNEMENT (mục đích là biến người Ma rốc thành lực lượng vũ trang địa phương và dùng dòng họ của lực lượng này trong việc « Bình định » tính chất của Gum là một đơn vị địa phương. (Theo tài liệu của Liên khu ủy V lưu tại BNCLSB Lâm Đồng)



Đồng chí Lê Tự Nhiên, Ủy viên Ban cán sự Cục Nam, Bí thư Ban cán sự Đảng tỉnh Lâm Viên (từ tháng 4-1949 đến tháng 10-1950). Ảnh chụp trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp.

đá mua chuộc, lôi kéo đồng bào dân tộc ít người, phá chia rẽ Kinh - Thượng bằng cách nâng đỡ người Thượng trước người Kinh. Chúng còn đưa bà xơ (1) vào thôn quê phát thuốc chữa bệnh cho nhân dân qua đó tuyên truyền đề cao Bảo Đại. Ở một số nơi địch tung lực lượng gian điệp giả danh cán bộ cách mạng len lỏi trong nhân dân để nắm tình hình hoặc có những hành động lừa gạt bịp bợm nhằm làm mất uy tín cán bộ cách mạng.

Được sự thỏa thuận của chính phủ Pháp, ngày 15 tháng 4 năm 1950 bà nin Bảo Đại quyết định tách Tây Nguyên ra khỏi tổ chức hành chính của Việt Nam, thành một tổ chức hành chính riêng gọi là Hoàng Triều Cương Thổ do Bảo Đại nắm quyền tối cao. Để đối phó với những âm mưu và hành động của địch, Ban cán sự Cục Nam tiếp tục tăng cường lực lượng; 1 n hoạt động ở Lâm Viên. Cuối tháng 1 năm 1950 sau khi báo cáo tình hình và nhận chỉ thị mới, đồng chí Phan Như Thạch cùng một tiểu đội vũ trang trong đó có đồng chí Lê Trần Thái, Đinh Sỹ Uẩn lên Đà Lạt công tác. Ban cán sự Cục Nam quyết định bổ sung đồng chí Phan Như Thạch vào Ban cán sự tỉnh Lâm Viên và thành lập thị ủy Đà Lạt gồm các đồng chí: Phan Như Thạch bí thư, đồng chí Lê Mỹ và đồng chí Hoàng Phi Hồ thị ủy viên. Thị ủy Đà Lạt được thành lập có ý nghĩa quan trọng về tổ chức và chỉ đạo đối với phong trào cách mạng ở thị xã Đà Lạt.

Vượt qua thời kỳ khó khăn trong những năm đứt liên lạc, phong trào cách mạng ở Lâm Viên được củng cố và có nhiều tiến bộ.

(1) Gao từ tiếng Pháp (Gao) là chức danh của nữ tư sĩ Thiên chúa giáo.

Ở Đà Lạt, lực lượng cán bộ được tăng cường và hoạt động có kết quả, tổ chức được trên 400 cơ sở cách mạng trong và ngoài thị xã. Để tuyên truyền rộng rãi chủ trương, đường lối kháng chiến của Đảng trong quần chúng, tại mật khu Suối Tia (Nam Đà Lạt) thị ủy Đà Lạt chủ trương xuất bản tờ « Tin Đà Lạt ». Tờ hình thức còn đơn giản nhưng nội dung tờ Tin khá phong phú, gây được ấn tượng tốt trong nhân dân, mỗi tháng tờ Tin ra hai kỳ với số lượng mỗi kỳ trên 100 tờ được phân phát rộng rãi trong cơ sở cách mạng và quần chúng. Hình thức hoạt động công khai hợp pháp cũng được tổ chức và chỉ đạo chặt chẽ, đường hành lang từ mật khu vào nội Thị được bố trí một cán bộ nữ hoạt động vùng Cam Ly để xây dựng cơ sở chính trị nắm tình hình và tranh thủ bọn công an địch. Do đó việc đi lại và tiếp tế cho chiến khu được thuận tiện.

Đọc đường 11 từ Trại Mát đến Dran, Krông-Pha cơ sở cách mạng phát triển mạnh, nhiều nơi thành lập được Ban Việt minh xã và các tổ công tác, ngoài ra còn tranh thủ và lôi kéo phần lớn số lý hương có cảm tình với kháng chiến.

Vùng bàn đạp Lệ Nghi — Bá Ghe và huyện Anh Dũng, phong trào được củng cố và có nhiều tiến bộ, nhiều nơi chính quyền và các đoàn thể ở địa phương đã thường xuyên vận động nhân dân tích cực tham gia sản xuất để cung cấp lương thực, thực phẩm cho bộ đội, đồng bào bỏ dần các hủ tục mê tín dị đoan. Ngoài lực lượng đại đội Như Hồ, trung đoàn 81 còn tăng cường 4 đội vũ trang tuyên truyền đến hoạt động và xây dựng phong trào. Tuy nhiên do địa bàn quá rộng nên ở một số nơi địch vẫn len lút hoạt động, kích động và lôi kéo đồng bào...

Từ khi có tổ chức Đảng trực tiếp lãnh đạo, công tác phát triển và xây dựng Đảng được đẩy mạnh. Đầu tháng 6 năm 1950 có 182 đảng viên sinh hoạt trong 6 chi bộ trong đó có 8 đảng viên là nữ, hai đảng viên dân tộc ít người, 115 đảng viên trong lực lượng vũ trang, 38 đảng viên cơ quan và 29 đảng viên ở cơ sở. Công tác phát triển Đảng tuy có nhiều tiến bộ nhưng số đảng viên được phát triển ở các địa bàn chưa đều, nhất là số đảng viên tại chỗ nên có nơi phong trào phát triển mạnh nhưng vẫn chưa có tổ chức Đảng hoặc đảng viên trực tiếp lãnh đạo.

Để đưa phong trào cách mạng ở thị xã Đà Lạt tiến kịp với tình hình chung, tháng 6 năm 1950 đồng chí Lê Tự Nhiên ủy viên Ban cán sự Cục Nam, bí thư Ban cán sự tỉnh Lâm Viên cùng một số cán bộ lên kiểm tra tình hình. Đoàn lên đến Trại Mát thì được tin đồng chí Phan Như Thạch vừa mới hy sinh tại Suối Tía (ngày 12 tháng 6 năm 1950) trong khi địch đánh úp vào mật khu. Trước tình hình đó, đồng chí Lê Tự Nhiên ở lại Đà Lạt tiếp tục chỉ đạo phong trào. Qua kiểm tra thực tế ở Đà Lạt và Lâm Viên, Ban cán sự Cục Nam đã có những chủ trương và kế hoạch hoạt động cụ thể nhằm đưa phong trào cách mạng ở Lâm Viên tiến lên một bước mới.

2) Tích cực xây dựng Đảng và đẩy mạnh phong trào Cách mạng ở Đồng Nai Thượng:

Từ đầu năm 1948 Tỉnh Đồng Nai Thượng đã đưa các ban Xung phong và các đội Vũ trang tuyên truyền lên hoạt động ở các huyện Đại Ninh, Li Lĩnh và Blao. Cùng với việc xây dựng cơ sở Cách mạng trong quần chúng, nhiều nơi đã thành lập được chính quyền cách mạng và các tổ chức quần chúng. Nhưng từ tháng 5 năm 1949 do thiếu cảnh giác nên địch lấy được một số tài liệu và

nắm được chủ trương hoạt động của ta. Chúng tổ chức lực lượng đánh vào căn cứ đốt phá kho tàng. Chính quyền thôn xã ở một số nơi bị địch khủng bố, một số cán bộ và đồng bào bị bắt. Trước tình hình đó, Ủy ban kháng chiến và các cơ quan Tỉnh từ Địch rút xuống Tiên Sơn, Bàu Ốc, Giếng Oấp (Bình Thuận).

Trước yêu cầu nhiệm vụ mới, Liên khu ủy 5 và Ban cán sự Cực Nam tiếp tục chỉ đạo và tăng cường lực lượng để đưa phong trào cách mạng ở Đông Nai Thượng phát triển thêm một bước. Ban cán sự Tỉnh mới được thành lập nhưng đã nhanh chóng kiện toàn các cơ quan, tổ chức quần chúng của Tỉnh, cử một đồng chí ủy viên lên hoạt động và trực tiếp chỉ đạo phong trào ở huyện Di Linh. Ngày 23 tháng 7 năm 1949 Ban cán sự tổ chức Hội nghị Quân Dân Chính để kiểm điểm tình hình, rút kinh nghiệm chỉ đạo bàn kế hoạch hoạt động vùng địch tạm chiếm và công tác vũ trang tuyên truyền.

Để đánh giá toàn diện phong trào cách mạng của địa phương và đề ra những chủ trương phù hợp với thực tế tình hình, từ ngày 1 đến ngày 4 tháng 2 năm 1950 Hội nghị cán bộ Đảng bộ Đông Nai Thượng đã được tổ chức. Đại biểu các cơ quan, đoàn thể cấp Tỉnh và các đội vũ trang tuyên truyền đang hoạt động trên các địa bàn trong Tỉnh đã về họp. Hội nghị đã nghe báo cáo tình hình thế giới, trong nước và địa phương, báo cáo tổng kết tình hình chung và một số công tác trọng tâm trong thời gian tới, báo cáo dự án công tác của các ngành, đảng vụ, tuyên huấn, thi đua, tài chính, kinh tài, dân vận và chính quyền.

Đánh giá ưu, khuyết điểm trong những năm qua, báo cáo chỉ rõ « Ngoài những thắng lợi phá tề, trừ gian gây cơ sở chính quyền, gieo tin tưởng thắng lợi cho đồng bào

hiều số, nhưng còn khuyết điểm là: cơ sở chính quyền còn nhỏ hẹp, bộ máy chưa thích hợp hoàn cảnh độc lập, chưa gây được cơ sở quần chúng rộng rãi, chưa phát động nhân dân chiến tranh, thiếu cán bộ, lực lượng quân sự chưa đủ nhu cầu chiến lược» (1). Hội nghị đã đề ra những công tác trọng tâm trước mắt là: « Phát triển củng cố Đảng trong quần chúng mạnh mẽ (chủ trọng thiểu số) củng cố gây cơ sở chính quyền nhân dân rộng rãi, tích cực trong vấn đề vận động thành lập các đoàn thể cứu quốc, phát triển gây cơ sở kinh tế nhân dân, cải thiện sinh hoạt, phát triển phong trào dân quân du kích, phát động phong trào nhân dân chiến tranh, tăng cường quân lực đào tạo và cấp dưỡng cán bộ, chú ý cán bộ thiểu số» (2).

Trong thời gian này, thực hiện chủ trương củng cố Tây Nguyên và đối phó với các hoạt động của ta, địch tăng cường các hoạt động quân sự, chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội...

Về quân sự tiếp tục bắt lính trong đồng bào dân tộc ít người để bổ sung cho các đồn, kiểm soát chặt chẽ các trục đường giao thông. Chúng chia các khu vực phụ trách kiểm soát, hàng tháng tổ chức các cuộc tuần tiễu để bắt xâu, bắt lính, phá các kho tàng: Sau khi bị ta tiêu diệt các đồn Lút - xe (Loussert) ngày 25 tháng 10 năm 1949, đồn Gia Bát ngày 6 tháng 1 năm 1950, địch càng đẩy mạnh các hoạt động và đóng thêm đồn bót. Toàn tỉnh Đồng Nai Thượng địch đóng quân ở 9 đồn và 4 bót gác, với lực lượng 1 tiểu đoàn (trong đó có 96% là người dân tộc, 3% là người Pháp và Bắc Phi).

(1), (2) Biên bản Hội nghị cán bộ Đảng bộ Đồng Nai Thượng từ ngày 1 đến ngày 4 tháng 2 năm 1949. Tài liệu lưu tại Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng Lâm Đồng.

Về chính trị, địch chủ trương chia rẽ người Kinh với người Thượng, củng cố và thành lập thêm các tổ chức bù nhìn, chủ trọng đào tạo cán bộ dân tộc ít người và tích cực đồn làng để phá cơ sở chính quyền ta. Cơ quan chỉ huy cao nhất ở Đồng Nai Thượng là Tòa sứ, tên Công sứ ⁽¹⁾ người Pháp nắm toàn quyền cai trị cả người Kinh lẫn người Thượng, tên phó Sứ người Thượng cai quản đồng bào dân tộc ít người. Hệ thống tổ chức nguy quyền giữa người Kinh và người ⁽¹⁾ dân tộc khác nhau. Ở vùng dân tộc, cấp huyện có chức tri huyện và cấp dưới là Bang Tá, Chánh Phó Tổng, không có tổ chức xã mà ở mỗi buôn đều có lý trưởng, phó lý cai trị. Trong ba huyện Đại Ninh, Di Linh, Blao có hai tri huyện, một Bang tá, 20 Chánh Phó Tổng và hàng chục Lý trưởng, phó lý. Đối với người Kinh địch chỉ tổ chức từng xã, có xã trưởng và Ban hội tề. Ngoài ra ở cấp Tỉnh còn có các tổ chức trực thuộc như mật thám, tổ chức phòng nhì, tổ chức cảnh sát và tổ chức bảo an.

Về kinh tế: Địch chủ trọng mở mang các đồn điền, thường xuyên bắt xâu vào làm các đồn điền, các sở. Đối với vùng dân tộc ít người, mỗi năm một bài chỉ phải nộp 70 đồng và 5 thùng thóc, mỗi tháng phải đi xâu 20 ngày. Ngoài ra chúng còn dùng nhiều hình thức bóc lột để thực hiện âm mưu « Lấy chiến tranh nuôi chiến tranh ».

Về văn hóa xã hội, chủ trương địch không thay đổi nhưng chúng tích cực lựa chọn đội ngũ tay sai trong đồng bào dân tộc, các trường học đều dạy chữ K'Ho và chữ Pháp. Ở các vùng kiểm soát chúng dùng mọi thủ đoạn để dụ dỗ mua chuộc đồng bào, tích cực tuyên truyền để cao vai trò bù nhìn Bảo Đại.

(1) Chức vụ đứng đầu Tỉnh dưới thời Pháp.

Quan triệt các chủ trương, đường lối của đảng, xuất phát từ tình hình thực tế của địa phương, đảng bộ Đồng Nai Thượng đã đề ra những chủ trương đúng đắn thích hợp.

Trước hết tập trung củng cố và kiện toàn các cơ quan đoàn thể của Tỉnh. Thành lập Ủy ban kháng chiến hành chính 3 huyện Đại Ninh, Di Linh và B' Lao mỗi huyện có 5 ủy viên trong đó 2 Ủy viên là người dân tộc. Hoạt động của các cơ quan ban ngành đã có nhiều kết quả tốt, góp phần tuyên truyền vận động nhân dân tham gia kháng chiến và phục vụ tốt sự chỉ đạo của Ban cán sự Tỉnh.

Sự thống nhất ý chí và hành động giữa Quân Dân Chính để thành lập các ban Xung phong, đội Vũ trang tuyên truyền lên hoạt động ở vùng địch tạm chiếm đã có kết quả tốt.

Trung đoàn 812 cử đơn vị 220 lên Đồng Nai Thượng để phối hợp hoạt động. Các đội công tác vừa tuyên truyền vận động nhân dân, vừa xây dựng cơ sở cách mạng, vừa hoạt động diệt ác trừ gian thành lập chính quyền cách mạng. Hướng hoạt động của các đội là đi sâu vào các đồn điền, thị xã và phát triển lên phía tây, nhất là chú ý vùng đồng bào Mạ, qua đường 20 liên lạc với bộ phận ở Đa Đơn, để có điều kiện liên lạc với lực lượng khu 7 và Buôn Mê Thuộc, tiến tới xây dựng căn cứ Nam Đông Dương. Ngày 19 tháng 8 năm 1949 Tỉnh tổ chức lễ xuất quan cho các ban Xung phong, đội Vũ trang tuyên truyền lên hoạt động ở nội địa.

Từ tháng 9 năm 1949 hoạt động quân sự tiếp tục được đẩy mạnh. Ngày 25 tháng 10 năm 1949 lực lượng Vũ trang đánh đồn Lút-xe là nơi địch dự trữ lương

thực, quân cụ để tiếp tế cho các đồn. Kết quả đã tiết I trung đội trong đó có một sĩ quan Pháp chỉ huy, làm bị thương nhiều tên, bắt 8 tù binh, thu một súng máy, nhiều tiểu liên, súng trường và quân trang, quân dụng. Thắng lợi này đã làm cho địch hoang mang dao động, nhân dân các dân tộc trong tỉnh càng tin tưởng vào thắng lợi của cuộc kháng chiến. Ở nhiều nơi thanh niên dân tộc ít người đã thoát ly tham gia các đội công tác.

Thắng lợi về mặt quân sự đã có tác dụng hỗ trợ cho các ban Xung phong và đội Vũ trang tuyên truyền hoạt động có kết quả. Đến tháng 2 năm 1950 trong vùng tạm bị địch chiếm ta đã thành lập lại chính quyền cách mạng ở 6 xã thuộc 3 Huyện, giải tán 25 % hội tề nguy quyền, xây dựng được cơ sở cách mạng ở 50 buôn, ấp, bắt 24 tên tề điệp phản động đưa đi cải tạo, lôi kéo được 10 tên, hàng chục tên tề điệp khác tự ra đầu thú cách mạng. Hướng phía Tây đường 20 ta đã xây dựng được cơ sở cách mạng trong đồng bào Mạ, một vùng mà thực dân Pháp chưa bao giờ chinh phục được.

Ở những nơi phong trào phát triển mạnh, lực lượng thanh niên địa phương đã hăng hái tham gia dân quân du kích, chỉ tính trong 6 xã đã có 1.110 đội viên, mỗi huyện có một tiểu đội tập trung và tuyển một trung đội bổ sung cho các đội Vũ trang tuyên truyền. Ở các buôn A Ra, Quao, Sa Lôn, Đạch... du kích địa phương đã có khả năng độc lập tác chiến, đồng bào có ý thức lánh tránh và chống địch càn quét. Những nơi này về sau trở thành vùng du kích của Tỉnh.

Hoạt động của các ngành kinh tế, tài chính đã góp phần giải quyết khó khăn cho đồng bào ở các khu căn

cứ, cung cấp cho các cơ quan và các đơn vị hoạt động ở nội địa. Năm 1949 riêng các cơ quan của tỉnh đã làm được 29 mẫu lúa, thu hoạch gần 110 tấn thóc ⁽¹⁾. Đã đặt một trạm mua dịch ở huyện Di Linh để mua bán, trao đổi với đồng bào dân tộc ít người và cung cấp cho các đội công tác. Ở các khu căn cứ và những vùng chung quanh, đồng bào đã sử dụng đồng bạc Việt Nam và tín phiếu của Tỉnh, hạn chế việc tiêu đồng bạc Đông dương. Hội nghị cán bộ tỉnh Đảng bộ tháng 2 năm 1950 chủ trương: « Tích cực phá hoại kinh tế địch, phát triển rầy kháng chiến, gây cơ sở và bảo vệ kinh tế quốc dân, đẩy mạnh việc tăng gia sản xuất » ⁽²⁾... Các cơ quan kinh tế của Tỉnh được kiện toàn và tăng thêm lực lượng để bảo đảm hoạt động có hiệu quả hơn.

Công tác tuyên truyền giáo dục được đẩy mạnh với nhiều hình thức phong phú và có hiệu quả. Ngoài tờ báo Đồng Tiến ngày 1 tháng 10 năm 1949 Ban Cán sự Tỉnh cho xuất bản tờ thông tin Đồng Nai Thượng, để tuyên truyền các chủ trương chính sách của Đảng, trao đổi kinh nghiệm công tác cùng đồng bào dân tộc, phổ biến tài liệu bình dân học vụ. Ngoài ra, còn in nhiều tài liệu, tranh ảnh để tuyên truyền các ngày lễ trong năm như ngày 1 tháng 5, ngày 19 tháng 5, ngày 2 tháng 9. Tờ thông tin Đồng Nai Thượng được phát hành rộng rãi trong Tỉnh, ở các tỉnh Cực Nam, Nam bộ và Đông Nam bộ. Trường quốc dân thiếu sở tiếp tục mở các khóa bình dân học vụ cho thanh thiếu niên dân tộc, sau mỗi khóa học 8 tháng các học viên đều biết đọc, biết viết chữ quốc

(1) (2) Đó là tính số thu từ 5.497 gia lúa, mỗi gia 20 kg tất cả là 109.940 kg (theo biên bản hội nghị cán bộ Đảng bộ Đồng Nai Thượng từ ngày 1 đến ngày 4 tháng 2 năm 1950. Tài liệu lưu tại ban Nghiên cứu lịch sử đảng Lâm Đồng.

ngữ, được giáo dục và nâng cao thêm nhận thức tư tưởng. Trong các vùng dân tộc đông bào đã từng bước thực hiện nếp sống mới như làm chuồng phân xa nhà, ăn cơm bằng đũa, cắt tóc ngắn, bỏ dần các hủ tục mê tín dị đoan.

Công tác xây dựng và phát triển Đảng đã có bước chuyển biến mạnh mẽ, ban Cán sự Tỉnh tuy mới thành lập và còn thiếu cán bộ nhưng đó là tổ chức Đảng cao nhất và đóng vai trò trực tiếp lãnh đạo phong trào cách mạng ở địa phương. Được sự chỉ đạo của Liên khu ủy 5 và ban Cán sự Cực Nam, đảng bộ Đồng Nai Thượng đã quán triệt và vận dụng các chủ trương chính sách của Đảng và tình hình thực tế ở địa phương, đồng thời đề ra một số chủ trương như: Tổ chức các đội công tác lên hoạt động ở nội địa, đặc biệt chú trọng vùng đông bào dân tộc ít người, phát động phong trào tăng gia sản xuất đầy mạnh các hoạt động văn hóa, giáo dục...

Đảng bộ cũng đã chú trọng việc đào tạo đội ngũ cán bộ từ Tỉnh đến cơ sở, đưa một số đồng chí đi học ở xứ ủy Nam bộ, Tỉnh mở lớp bồi dưỡng tổ trưởng Đảng. Ở các cơ quan đoàn thể cấp Tỉnh và các đơn vị công tác trên các địa bàn Huyện đều có đảng viên trực tiếp lãnh đạo. Đầu năm 1949 toàn tỉnh có 20 đảng viên sinh hoạt trong 4 chi bộ (ba chi bộ cơ quan và 1 chi bộ chung cho cả 3 huyện) đến đầu năm 1950 đã có 44 đảng viên sinh hoạt trong 4 chi bộ (1 chi bộ cơ quan, 3 chi bộ ở 3 huyện) trong đó có đảng viên dân tộc ít người và 1 đảng viên nữ. Đó là chưa kể số đảng viên ở các đơn vị thuộc trung đoàn 812 hoạt động trên địa bàn Tỉnh. Ngoài ra, Ban cán sự Tỉnh còn mở một lớp học cho 30 cán bộ cấp huyện chưa phải đảng viên. Kết thúc khóa học 10 đồng chí đã được kết nạp vào Đảng. Tất cả cán bộ đảng viên

của Tỉnh được rèn luyện thử thách đã phát huy vai trò tiên phong gương mẫu trong công tác, có tinh thần chịu đựng hy sinh, gian khổ.

Công tác phát triển Đảng tuy có nhiều tiến bộ nhưng cũng chưa đáp ứng với yêu cầu và nhiệm vụ trong giai đoạn mới. Việc giáo dục cho cán bộ, đảng viên và quần chúng nhận thức đầy đủ các chủ trương, đường lối của Đảng còn nhiều mặt hạn chế. Công tác phát triển Đảng chưa chú trọng đúng mức đối với những cán bộ, quần chúng đã được rèn luyện thử thách nhất là trong vùng đông Lào dân tộc ít người.

Từ khi có Ban cán sự Lâm Viên và Ban cán sự Đồng Nai Thượng trực tiếp lãnh đạo và đã kịp thời quán triệt vận dụng chủ trương đường lối của Đảng vào tình hình thực tế ở địa phương, phong trào cách mạng của hai Tỉnh đã có những bước chuyển biến mới. Được Liên khu ủy 5, các tỉnh Cực Nam tăng cường lực lượng, giúp đỡ về vật chất và phương tiện, Lâm Viên và Đồng Nai Thượng đã nhanh chóng xây dựng lực lượng, tổ chức các ban Xung phong, đội Vũ trang tuyên truyền, xây dựng vùng bàn đạp và tiến lên hoạt động ở Tỉnh nhà, đã biết vận dụng những hình thức công khai hợp pháp như ở Đà Lạt. Công tác phát triển Đảng, xây dựng chi bộ bước đầu đã có kết quả tốt khắe phục được tình trạng thiếu sự lãnh đạo trực tiếp của tổ chức Đảng. Hầu hết cán bộ, đảng viên, chiến sĩ đã chịu đựng mọi gian khổ, ác liệt, hy sinh, quyết tâm bám trụ địa bàn bám nhân dân hoạt động. Các đồng chí ở Đà Lạt có lúc bị đứt liên lạc với Ban cán sự Tỉnh đã tự động công tác và có nhiều hình thức hoạt động sáng tạo. Ban cán sự Đồng Nai Thượng đã quan tâm việc đào tạo bồi dưỡng cán bộ đảng viên, nhất là đối với cán bộ dân tộc ít người.

Tuy nhiên, phong trào vẫn còn nhiều khuyết nhược điểm, đó là phong trào cách mạng phát triển không đều giữa các địa bàn, thị xã Di Linh và các đồn điền còn yếu hoặc chưa có cơ sở. Ở một số nơi phong trào cách mạng vẫn còn tính chất hình thức bề nổi, ít thiết thực, công tác bí mật còn kém do đó có lúc địch đối phó gây khó khăn và thiệt hại cho ta. Công tác xây dựng Đảng chưa được quan tâm đúng mức, chất lượng cán bộ đảng viên còn yếu và chưa đáp ứng được yêu cầu.

oOo

Lâm Viên và Đồng Nai Thượng là một trong những tỉnh miền Nam Trung bộ sớm bước vào cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược. Nhìn lại chặng đường 5 năm đấu tranh cách mạng (từ tháng 10 năm 1945 đến tháng 10 năm 1950) dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân các dân tộc hai tỉnh Lâm Viên và Đồng Nai Thượng đã đạt được những thành tích đáng tự hào. Phát huy thắng lợi và khí thế cách mạng của quần chúng trong Cách mạng tháng Tám năm 1945, Ủy ban nhân dân hai Tỉnh đã kịp thời đề ra những chủ trương, biện pháp nhằm ổn định đời sống nhân dân, giữ vững an ninh chính trị và thực hiện quyền tự do dân chủ của nhân dân. Cuộc biểu dương lực lượng và tinh thần chiến đấu dũng cảm của nhân dân Đà Lạt ngày 3 tháng 10 năm 1945 mãi mãi là bản anh hùng ca bất diệt, một tấm gương sáng ngời về lòng yêu nước, ý chí bảo vệ độc lập chủ quyền dân tộc.

Nhận rõ âm mưu xâm lược của kẻ thù, Ủy ban nhân dân hai Tỉnh chủ trương gấp rút xây dựng lực lượng vũ trang, dân quân tự vệ, khẩn trương chuẩn bị chiến đấu, đồng thời tổ chức cho nhân dân và một số cơ

quan tấn cù, một số máy móc thiết yếu được tháo gỡ di chuyển. Từ đèo Blao đến Đà Lạt hàng ngàn nhân dân cùng lực lượng vũ trang, dân quân tự vệ xây dựng các phòng tuyến đánh địch. Khi quân Nhật theo lệnh thực dân Pháp đánh chiếm đèo Blao, Di Linh, Đà Lạt, công cuộc chuẩn bị kháng chiến càng khẩn trương, các hoạt động được tích cực triển khai như tổ chức các đội công tác, tuyên truyền giải thích cho nhân dân không hợp tác với địch, đẩy mạnh công tác diệt ác trừ gian. Những cuộc chiến đấu chống quân Nhật và quân Pháp đã diễn ra vô cùng ác liệt, nhân dân và lực lượng vũ trang đã đánh lui nhiều đợt tấn công của địch, gây cho chúng nhiều thiệt hại nặng. Nhưng vì lực lượng quá chênh lệch nên các lực lượng vũ trang ta tạm thời rút lui để giữ gìn lực lượng.

Được sự chỉ đạo của Liên khu ủy 5 và Phân Ban Cán sự Cực Nam, được sự chi viện lực lượng và giúp đỡ về mọi mặt của các tỉnh bạn, Ủy ban nhân dân và Ủy ban Việt Minh hai Tỉnh đã nhanh chóng ổn định tổ chức, củng cố và xây dựng lực lượng vũ trang, tích cực chuẩn bị mọi mặt để trở về địa phương hoạt động.

Ở Lâm Viên, Ủy ban nhân dân và Mặt trận Việt Minh Tỉnh cử cán bộ xuống từng địa bàn để tuyên truyền vận động nhân dân tham gia kháng chiến, xây dựng cơ sở cách mạng. Tuy bị địch kìm kẹp đàn áp dã man nhưng phong trào cách mạng ở Đà Lạt vẫn phát triển mạnh, tiêu biểu là công nhân nhà máy Điện, Nha địa dư, ngành xe lửa, phụ nữ chợ... Ở ngoại ô, cơ sở cách mạng được phát triển rộng rãi ở Trại Hầm, cây số 4, 6 và dọc đường 11. Tỉnh đã tập trung xây dựng vùng Anh Dũng, Lệ Nghi, Bá Ghe thành bàn đạp vững chắc để giữ vững liên lạc với Phân Ban cán sự Cực Nam. Công tác vận

đồng bào dân tộc ít người bước đầu được quan tâm. Lực lượng vũ trang đã tổ chức đánh địch trên các trục đường giao thông và các cuộc lùng sục của địch, đột nhập vào nhà lao Cầu Đất để giải thoát số cán bộ chiến sĩ và nhân dân bị địch giam giữ. Mặc dù gặp nhiều khó khăn gian khổ, ác liệt có khi đứt liên lạc với cấp trên nhưng cán bộ chiến sĩ hoạt động trên các địa bàn vẫn bám sát quần chúng để vững phong trào. Điểm nổi bật của phong trào cách mạng ở Lâm Viên là cán bộ, chiến sĩ và nhân dân có tinh thần tự động công tác, biết tận dụng và phát huy những hình thức hoạt động công khai hợp pháp có hiệu quả, vì vậy phong trào phát triển đều khắp, kể cả những nơi có vị trí chiến lược quan trọng.

Ở Đồng Nai Thượng, cùng với việc ổn định các cơ quan, tổ chức quần chúng, Ủy ban nhân dân và Mặt trận Việt Minh Tỉnh đã tập trung chỉ đạo để nhanh chóng ổn định đời sống nhân dân ở các khu tản cư, từng bước xây dựng trở thành khu căn cứ của Tỉnh. Sau một thời gian xây dựng và chuẩn bị, các ban Xung phong và đội Vũ trang tuyên truyền đã tiến về hoạt động trên địa bàn Tỉnh. Xây dựng hàng trăm cơ sở cách mạng trong vùng đồng bào dân tộc ít người, đã thành lập được chính quyền cách mạng, tổ chức các đoàn thể quần chúng và lực lượng dân quân du kích trên trục đường 8 Di Linh, một số thôn xã ở huyện Đại Ninh, vượt qua đường 20 bắt liên lạc với đồng bào Mạ vùng Đạ Đờn, tiến sát vào thị xã Di Linh và thị trấn Blao. Lực lượng vũ trang đã đánh đồn Lút - xe và đây là lần đầu tiên lực lượng vũ trang của Tỉnh tiêu diệt gọn đồn địch. Thực hiện chính sách dân tộc của Đảng, Tỉnh đã chú trọng việc bồi dưỡng, đào tạo đội ngũ cán bộ người dân tộc, mở trường học dành riêng cho con em đồng bào dân tộc,

vận động đồng bào tích cực tham gia kháng chiến, đẩy mạnh tăng gia sản xuất. Hoạt động của các tổ chức quần chúng, các ngành trong Tỉnh đã từng bước khắc phục mọi khó khăn, góp phần đưa phong trào cách mạng ở địa phương không ngừng phát triển.

Công tác xây dựng và phát triển Đảng có nhiều tiến bộ, từ chỗ chưa có đảng viên, chưa có tổ chức Đảng cao nhất để lãnh đạo, đến cuối năm 1950 mỗi Tỉnh đều có Ban cán sự và hàng trăm đảng viên, trong đó có đảng viên là dân tộc ít người. Ở Lâm Viên từ vài đồng chí đảng viên, đến tháng 5 năm 1950 đã có 182 đảng viên sinh hoạt trong 6 chi bộ, riêng Dân Chính Đảng có 67 đảng viên. Ở Đồng Nai Thượng từ chỗ chưa có đảng viên đến cuối năm 1947 thành lập được chi bộ, đến tháng 12 năm 1949 có 49 đảng viên sinh hoạt trong 4 chi bộ. Ban cán sự Tỉnh là tổ chức cao nhất ở địa phương đóng vai trò trực tiếp lãnh đạo phong trào. Tuy sự liên lạc gặp nhiều khó khăn nhưng các chủ trương đường lối của Đảng đều được quán triệt và vận dụng vào tình hình thực tế ở mỗi địa phương.

Bên cạnh những thành tích đã đạt được, phong trào cách mạng ở hai Tỉnh còn có những khuyết điểm và tồn tại.

Về chỉ đạo bước vào cuộc kháng chiến cơ quan lãnh đạo hai Tỉnh chưa nhận thức hết tình hình và dự kiến các tình huống để có kế hoạch chuẩn bị đối phó. Các phòng tuyến đánh địch còn mang tính chất phòng ngự trận địa, chưa xây dựng lực lượng đánh lâu dài, đánh phục kích để tiêu hao lực lượng địch, hoạt động diệt ác trừ gian chưa kết hợp với xây dựng cơ sở chính trị trong quần chúng, công tác bí mật còn yếu.

Ở Lâm Viên, phong trào phát triển mạnh ở Đà Lạt, các làng người, Kinh chưa chú ý xây dựng phong trào trong đồng bào dân tộc ít người, chưa xây dựng được các khu căn cứ vững chắc trên địa bàn Tỉnh.

Ở Đồng Nai Thượng, phong trào tuy phát triển mạnh nhưng chưa xây dựng được cơ sở cách mạng ở thị xã, thị trấn, các đồn điền và vùng đồng bào Kinh. Các hình thức hoạt động công khai hợp pháp chưa được tận dụng nên giữa các địa bàn trong Tỉnh chưa liên lạc và phối hợp chặt chẽ với nhau.

Hoạt động trên địa bàn có nhiều khó khăn ác liệt nhưng cán bộ, chiến sĩ vẫn kiên trì bám sát quần chúng, chịu đựng mọi hy sinh, gian khổ để xây dựng phong trào. Nhưng ở một số nơi chưa chú trọng việc tuyên truyền giáo dục nhân dân hiểu được chủ trương, đường lối kháng chiến của Đảng có khi còn mang tính phô trương hình thức. Một số cán bộ, chiến sĩ chưa nắm vững chính sách dân tộc của Đảng, phong tục tập quán từng địa phương nên bị địch lợi dụng kích động nhân dân gây khó khăn tổn thất.

Công tác xây dựng và phát triển Đảng tuy có bước tiến bộ nhưng còn chậm chưa đáp ứng với yêu cầu. Ở một số nơi phong trào phát triển mạnh nhưng vẫn chưa có đảng viên tại chỗ để trực tiếp lãnh đạo. Việc giáo dục chính trị tư tưởng cho đảng viên chưa được thường xuyên nên năng lực lãnh đạo còn nhiều hạn chế.

Những ưu điểm và khuyết điểm trên đây được rút ra từ thực tiễn phong trào cách mạng ở địa phương. Đó là những bài học kinh nghiệm để Đảng bộ Lâm Đồng lãnh đạo nhân dân đưa phong trào cách mạng phát triển lên một bước mới, góp phần cùng nhân dân cả nước



Địch Lê Tự Nhiên (người thứ nhất từ trái sang phải) Ủy viên Ban cán
sự Nam đang phổ biến tình hình và chủ trương công tác với một số
Địch cán bộ Thị ủy Đà Lạt.

Chụp tại chiến khu Sầu Tía (ngoài Đ Đà Lạt cuối năm 1950).

giành thắng lợi hoàn toàn trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

CHƯƠNG II

THÀNH LẬP TỈNH LÂM ĐỒNG, ĐẨY MẠNH CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP

(Từ tháng 10 năm 1950 đến tháng 7 năm 1954)

I— ĐẢNG BỘ LÂM ĐỒNG TẬP TRUNG CHỈ ĐẠO PHONG TRÀO CÁCH MẠNG Ở ĐỊA PHƯƠNG (từ 10-1950 đến 12-1951):

Bước phát triển mới của phong trào:

Phát huy thắng lợi Đông Xuân 1949 — 1950 và những thắng lợi về chính trị, ngoại giao trong những tháng đầu năm 1950, tháng 9 năm 1951 quân và dân ta mở chiến dịch Biên giới giải phóng một vùng đất đai rộng lớn, căn cứ Việt Bắc được củng cố và mở rộng, nối đường giao thông liên lạc với quốc tế. Cục diện chiến tranh giữa Việt Nam và Pháp có sự thay đổi, quân đội ta trường thành về mọi mặt, liên tiếp mở những chiến dịch lớn, đẩy địch vào thế ngày càng bị động, cuộc kháng chiến của nhân dân ta đã bước sang giai đoạn mới.

Tình hình quốc tế và trong nước cơ nhiều chuyển biến lớn, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ hai của Đảng đã họp từ ngày 11 đến ngày 19 tháng 2 năm 1951. Đại hội Đảng đã đề ra đường lối, chủ trương nhằm đáp ứng những yêu cầu trước mắt và lâu dài, đưa cuộc kháng

chiến chống thực dân Pháp đến thắng lợi. Ý nghĩa quan trọng của Đại hội Đảng như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ rõ « Đó là đại hội đầy mạnh kháng chiến đến thắng lợi và xây dựng Đảng lao động Việt Nam » (1).

Thực hiện chính sách Mặt trận dân tộc thống nhất của Đảng và không ngừng củng cố mở rộng khối đoàn kết toàn dân, Đại hội hợp nhất Mặt trận Việt Minh và Mặt trận Liên Việt đã họp từ ngày 3 đến ngày 7 tháng 3 năm 1951. Đại hội Mặt trận thông qua chính cương điều lệ và tuyên ngôn của Mặt trận. Tiếp đến Hội nghị liên minh nhân dân ba nước Việt Nam, Lào, Cam Pu Chia (họp ngày 11 tháng 3 năm 1951) đã củng cố khối đoàn kết giữa ba dân tộc cùng chiến đấu chống kẻ thù chung là thực dân Pháp và bọn can thiệp Mỹ. Việc mở rộng Mặt trận đại đoàn kết toàn dân và đoàn kết ba dân tộc trên bán đảo Đông Dương là một trong những yếu tố để bảo đảm thắng lợi trong cuộc kháng chiến.

Để giải quyết những khó khăn về kinh tế và giành lại những vị trí quân sự đã mất, thực dân Pháp phải tiếp tục xin viện trợ và ngày càng lệ thuộc vào đế quốc Mỹ. Ngân sách chiến tranh và quân đội viễn chinh Pháp ở Đông Dương được tăng thêm, do đó tổng số quân (gồm quân đội Pháp và tay sai) từ gần 30 vạn cuối năm 1950, đến tháng 12 năm 1951 đã lên tới 33 vạn. Tháng 12 năm 1950 Chính phủ Pháp đưa thống chế Tát-xi-nhi, Tư lệnh lục quân Tây Âu sang làm Tổng chỉ huy quân đội viễn chinh, kiêm chức Cao ủy Pháp ở Đông Dương.

(1) Thư Hồ Chí Minh gửi Đại hội trù bị. (Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ hai của Đảng. Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng Trung ương xuất bản năm 1965, trang 8).

Tát-xi-nhi đưa ra kế hoạch gồm 4 điểm (1) để chuẩn bị phản công giành lại quyền chủ động trên chiến trường.

Ở Liên khu 5, địch ra sức củng cố và kiểm soát các thành phố, hải cảng có vị trí chiến lược quan trọng như Đà Nẵng, Nha Trang, Cam Ranh, đẩy mạnh chiêu an, đồn dân ở những vùng chúng kiểm soát. Đồng thời tập trung củng cố Tây Nguyên, một địa bàn chiến lược quan trọng về quân sự, chính trị và kinh tế. Để tiện việc kiểm soát địch đồn dân về dọc các đường giao thông hoặc đóng quanh đồn, tổ chức các đội Hương dũng nhằm thay thế lực lượng đóng ở những tháp canh, cứ điểm, chiến giữ cả một vùng rộng lớn. Lực lượng Việt binh đoàn phát triển nhanh chóng để thay thế các đơn vị lính Âu Phi điều ra chiến trường chính. Trong vùng đồng bào đưa vào ít người, địch thi hành một chính sách nguy hiểm là tổ chức các ổ vũ trang (Gum) thành một hệ thống rộng khắp, đồng thời ra sức mua chuộc gây hấn thù chia rẽ giữa các dân tộc.

Lâm Viên và Đồng Nai Thượng nằm trong địa bàn chiến lược Tây Nguyên và Nam Đông Dương, cơ sở thực dân Pháp tập trung củng cố, tăng cường lực lượng để đối phó với các hoạt động của ta.

(1) Kế hoạch đó là : « 1— Củng cố tập trung binh lực xây dựng lực lượng cơ động chiến lược và ra sức phát triển quân nguy ; 2— Xây dựng tuyến phòng thủ cắt ngang miền Bắc bằng con đường số 18 dựng hệ thống Boong-ke (bằng xi măng cốt sắt) cổ thủ con đường ấy, bên ngoài hệ thống này là một vành đai trắng bao quanh vùng trung du và đồng bằng Bắc bộ ; 3— Tập trung lực lượng bình định vùng sau lưng địch chủ yếu là vùng đồng bằng Bắc bộ vì đây là « cái chốt ở Đông Nam Châu Á » ; 4— Phá hoại các vùng tự do và chuẩn bị mở cuộc tấn công ra vùng tự do của ta. (Trích : Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam, Số thảo luận 1, Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng Trung ương, 1981, trang 641, 642).

Về quân sự, có tiểu khu Đồng Nai Thượng (Secteur Haut-Donnai), thuộc sư đoàn 4 Cao nguyên, lực lượng có hai tiểu đoàn đóng ở các chi khu Đà Lạt, Dran, Di Linh và Blao. Trên các đường giao thông quan trọng, các thị xã, thị trấn và dọc ranh giới với hai tỉnh Ninh Thuận và Bình Thuận địch đóng thêm nhiều đồn bốt. Hệ thống ổ vũ trang được phát triển rộng rãi trong vùng đồng bào dân tộc ít người nhằm tạo ra một mạng lưới kiểm soát ở tất cả các vùng.

Tại thị xã Đà Lạt, ngoài hai tiểu đoàn thuộc sư đoàn 4 Cao nguyên, còn có một đại đội Com-măng-đô (Commandos) do Pháp chỉ huy, lực lượng công an nguy khoảng 150 tên, 1 tiểu đoàn Việt binh đoàn (trong đó có ngự lâm quân, lính của hủ nhơn Bảo Đại). Trong nội ô thị xã địch đóng 17 đồn với 1.200 quân, thường xuyên tổ chức các cuộc hành quân, càn quét vào chiến khu. Chúng ban hành thiết quân luật 21/24 giờ đối với nội ô và 18/24 giờ đối với vùng ngoại ô.

● Khu vực huyện Chiến Đấu với dân số gần 10.000 người thuộc 4 tổng, địch đóng 5 đồn với gần 200 quân chủ yếu là người dân tộc, mỗi đồn có từ 1 đến 2 sĩ quan Pháp chỉ huy. Ngoài ra còn có hai toán quân lưu động do quận Dran và đồn Di Linh đảm nhiệm việc tuần tiễu các làng Phi Tách, Kon-Rang. Hoạt động của địch ở vùng này nhằm ngăn chặn các đội vũ trang tuyên truyền của ta từ Krông-go lên, đồng thời kiểm soát vùng ngoại ô thị xã Đà Lạt.

Vùng bản đap Anh Dũng (Ninh Thuận) địch tổ chức nhiều cuộc hành quân càn quét để ngăn chặn lực lượng ta từ Ninh Thuận, Bình Thuận lên Lâm Viên, chúng còn tổ chức lực lượng bản vũ trang và tề bí mật để gây

rối loạn, chia rẽ cán bộ Kinh và cán bộ Thượng với đồng bào dân tộc ít người, chia rẽ giữa đồng bào Thượng với đồng bào Kinh.

Về hành chính, hệ thống quyền được tổ chức tùy theo đặc điểm từng vùng nhằm thực hiện âm mưu chia rẽ các dân tộc đồng thời cũng để tiện việc kiểm soát, địch đã tổ chức hệ thống riêng cho đồng bào Kinh và đồng bào dân tộc ít người. Ở Đồng Nai Thượng có Công sứ người Pháp, Phó sứ người Thượng. Những tổng, làng nếu có đồng bào dân tộc ít người đều do người Thượng cai quản. Riêng thị xã Đà Lạt dân số khoảng 20.000 người được tổ chức thành 9 phường, đứng đầu thị xã có Chánh phó Đốc lý là người Pháp và Hội đồng thị xã.

Về chính trị, địch phát triển đặc thiên chúa và tin lành nhất là trong đồng bào dân tộc ít người, mở trường đào tạo thầy giảng người địa phương, lập các nhà giảng đạo, tìm mọi cách lôi kéo những người chưa vào đạo đến nghe giảng, có khi dùng kinh tế để mua chuộc hoặc thúc ép về chính trị. Chúng dùng phim ảnh, phát thanh để tuyên truyền đề cao chính quyền bù nhìn Bảo Đại, ca ngợi thực dân Pháp, xuyên tạc chủ trương và đường lối kháng chiến của Đảng nhằm gieo rắc tư tưởng cầu an, thiếu tin tưởng cách mạng trong nhân dân. Mạng lưới gián điệp mật thám được tăng cường hơn trước, có nơi chúng lợi dụng phong trào thanh niên thoát ly ra chiến khu để cài gián điệp vào nắm tình hình. Ngoài ra ở Đà Lạt còn có đạo cao đài, Hội Phật học, Hướng đạo sinh. Hoạt động của một số hội mang tính chất tiến bộ nên địch chú ý theo dõi và tìm cách ngăn cản.

Từ đầu năm 1951, địch bắt đầu dồn làng ở một số nơi, hai làng Gia Thạnh và Phú Hội dồn về Trại Mát,

các làng dân tộc bị dồn ra dọc đường 21. Chúng triệu tập Chánh phó Tổng và Lý Hương về Dran để nhồi nhét việc thực hiện những âm mưu thủ đoạn, khuyến khích về vật chất, biến bọn này thành bọn tay sai đắc lực. Trong vùng dân tộc ít người bọn gián điệp thường nắm những già làng có uy tín và kiểm tra hoạt động của hội tề.

Về kinh tế, ngoài hình thức bóc lột bằng các thứ thuế, chúng còn đặt thêm các thứ thuế mới như thuế an ninh, thuế chợ, thuế Bảo Đại... Trong vùng đồng bào dân tộc, chúng tăng cường bắt trâu, phạt vạ, bắt nạp lúa, việc vận chuyển và thu hoạch lương thực bị kiểm soát chặt chẽ, hàng tháng chúng hạn chế việc bán gạo, thực phẩm cho đồng bào, đề phòng tiếp tế cho chiến khu.

Những âm mưu và thủ đoạn của địch làm cho nhân dân hết sức căm phẫn, đời sống gặp nhiều khó khăn, thiếu thốn.

Để phối hợp hoạt động với các chiến trường, Liên khu ủy 5 đã kịp thời chỉ đạo và tăng cường lực lượng cho các tỉnh Cực Nam. Giữa năm 1950 Liên khu ủy cử đoàn cán bộ vào kiểm tra tình hình ở các tỉnh Cực Nam. Sau khi nghe đoàn kiểm tra báo cáo, Liên khu ủy 5 nhận định « Lâm Viên và Đồng Nai Thượng có vị trí chiến lược quan trọng, là chiến trường chính của Cực Nam nhưng là chiến trường gây cơ sở » và quyết định sát nhập hai tỉnh Lâm Viên và Đồng Nai Thượng thành tỉnh Lâm Đồng, đồng thời tiếp tục tăng cường cán bộ, lực lượng vũ trang, cung cấp thêm vũ khí, tài chính để Lâm Đồng nhanh chóng kiện toàn tổ chức, đẩy mạnh hoạt động ở nội địa.

Thực hiện chủ trương của Liên khu ủy 5, tháng 10

năm 1950 Hội nghị sát nhập hai tỉnh Lâm Viên và Đồng Nai Thượng được tổ chức tại Ô Rô thuộc chiến khu Lê Hồng Phong (Bình thuận) (1). Tham dự Hội nghị có Ban cán sự, đại biểu các cơ quan Quân - Dân - Chính của hai Tỉnh và đại diện Ban cán sự Cục Nam. Hội nghị đã nghe báo cáo tình hình Lâm Viên và Đồng Nai Thượng, thảo luận chương trình hoạt động và một số chủ trương của Liên khu ủy về công tác vùng địch hậu. Hội nghị đề ra một số nhiệm vụ trước mắt:

— Một là: **Đẩy mạnh các hoạt động vùng địch hậu, chú trọng thị xã Đà Lạt. Công tác diệt ác trừ gian làm mất trật tự trị an trong vùng địch phải được tăng cường.**

— Hai là: **củng cố vùng bàn đạp bằng cách xây dựng và phát triển các tổ chức quần chúng, dân quân du kích, hướng dẫn nhân dân và cơ quan tích cực tăng gia sản xuất, tổ chức trao đổi hàng hóa giữa đồng bào kinh với đồng bào dân tộc.**

— Ba là: **Thành lập các đội vũ trang tuyên truyền lên hoạt động ở nội địa, hình thức tổ chức phải gọn nhẹ, các đội công tác cần được học tập chính sách dân tộc của Đảng, bồi dưỡng công tác vận động quần chúng,**

— Bốn là: **Xây dựng củng cố lực lượng vũ trang. kiện toàn cơ quan chính quyền và chuyên môn của Tỉnh để phục vụ cho sự chỉ đạo phong trào cách mạng ở địa phương.**

Hội nghị bầu Ban cán sự tỉnh Lâm Đồng, đồng chí Nguyễn Xuân ủy viên Ban cán sự Cục Nam được bầu làm bí thư Ban cán sự kiêm chủ tịch Ủy ban kháng chiến hành chính Tỉnh, chính trị viên Tỉnh đội, đồng

(1) Đối với diệt vẫn giữ nguyên hai tỉnh Lâm Viên và Đồng Nai Thượng như cũ cho đến ngày 19 tháng 5 năm 1958.

chí Trần Châu phó bí thư Ban cán sự kiêm phó chủ tịch Ủy ban kháng chiến hành chính Tỉnh và 11 đồng chí Ủy viên phụ trách quân sự, kinh tài, giao thông liên lạc...

Thành lập tỉnh Lâm Đồng là một sự kiện có ý nghĩa quan trọng đối với sự lãnh đạo, chỉ đạo phong trào cách mạng ở địa phương nhằm đáp ứng yêu cầu của giai đoạn mới, tạo nên sức mạnh tổng hợp trong chiến đấu và phối hợp hoạt động trên chiến trường Nam Đông Dương.

Đề thực hiện các chủ trương và nhiệm vụ do Hội nghị hợp nhất đề ra, từ ngày 21 đến ngày 23 tháng 10 năm 1950, Ban cán sự Tỉnh mở Hội nghị kiểm điểm công tác gây cơ sở ở Đồng Nai Thượng trong thời gian qua. Dự Hội nghị có các đồng chí thay mặt Ban cán sự, cán bộ Dân Chính, một số cán bộ và đội viên các đội Vũ trang tuyên truyền của ba huyện Đại Ninh, Di Linh và Blao. Hội nghị đã phân tích những âm mưu và thủ đoạn của địch, kiểm điểm tình hình hoạt động của các đội vũ trang tuyên truyền, biểu dương những thành tích đã đạt được, nhất là công tác xây dựng cơ sở trong đồng bào vùng dân tộc ít người, rút kinh nghiệm về công tác xây dựng cơ sở trong thời gian qua. Hội nghị đã đề ra nhiệm vụ chung và những nhiệm vụ cụ thể. Nhiệm vụ chung nêu rõ: «Đẩy mạnh cơ sở địch hậu ở Đồng Nai Thượng nhất là hướng chính để phối hợp với chiến dịch Đồng Xoài nhằm vào việc xây dựng cơ sở mọi mặt, kiểm chế tiêu hao phá hoại địch và chuẩn bị chiến trường cho chủ lực hoạt động». (1)

(1) Biên bản Hội nghị kiểm thảo công tác xây dựng cơ sở địch hậu ở Đồng Nai Thượng, ngày 21 đến ngày 23 tháng 10 năm 1950. Tài liệu lưu trữ tại Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng Lâm Đồng.

Những nhiệm vụ cụ thể trước mắt là:

**1) Diệt tề trừ gian, phá nguy quyền làm tan rã nguy
lãnh:**

Muốn diệt tề trừ gian cần dựa vào nhân dân để điều tra nắm rõ tình hình, phân biệt tề để tranh thủ, cô lập và xử lý. Chú ý công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị, chính sách khoan hồng của Chính phủ trong nhân dân, trong các loại tề, vạch rõ âm mưu tội ác của địch, có biện pháp ly gián, gieo nghi ngờ giữa chúng với nhau. Đối với những tên ngoan cố có nhiều nợ máu với nhân dân đã được giáo dục nhưng không tiến bộ thì kiên quyết trừng trị, nhưng phải giải thích cho quần chúng rõ.

Phá nguy quyền không có nghĩa là diệt hết hội tề mà phải tìm cách giáo dục thuyết phục, cô lập, cảnh cáo. Đối với những gia đình có người đi lính phải tìm cách gần gũi giúp đỡ, giáo dục để họ kêu gọi con em trở về với gia đình.

2) Cũng cố phát triển chính quyền đoàn thể, đào tạo cán bộ:

Ở những nơi đã xây dựng cơ sở chính trị cần tổ chức Ủy ban kháng chiến hành chính xã, với số lượng từ 3 đến 5 người, chủ trọng người địa phương. Ngoài số cán bộ hoạt động công khai, tổ chức một số cán bộ hoạt động bí mật để đề phòng tình hình gặp khó khăn. Cũng cố các đoàn thể quần chúng như hội nông dân, phụ nữ, hình thức tổ chức phải đơn giản, phù hợp với trình độ quần chúng. Thành lập các nhóm trung kiên gồm những người hoạt động tích cực để làm nòng cốt cho phong trào địa phương. Tiếp tục mở các lớp học ngắn ngày cho cán bộ dân tộc, mở trường dạy văn hóa

chính trị từ một đến ba năm, phân công mỗi cán bộ Kinh kèm cặp 2 cán bộ dân tộc.

2

3) Phá chính sách gián điệp của địch:

Tăng cường công tác tuyên truyền để nhân dân nhận rõ âm mưu và thủ đoạn của địch tiếp tục điều tra theo dõi để phân loại và chính sách đối xử, bố trí một số trung kiên vào làm trong các tổ chức của địch để nắm tình hình.

4) Chống địch đồn làng, càn quét bắt xâu:

Thường xuyên nắm tình hình địch ở các đồn, tổ chức canh gác, báo tin để nhân dân cất dấu tài sản, tổ chức tránh lánh địch. Cùng với việc làm này, cấp cũng cố huấn luyện dân quân, các đội vũ trang tuyên truyền để đánh địch càn quét. Giáo dục và tổ chức nhân dân đấu tranh chống đồn làng, những nơi đã bị đồn đầu tranh để trở về làng cũ. Ở những nơi địch bắt xâu, phạt vạ, bóc lột nặng nề, phải tuyên truyền để nhân dân hiểu được âm mưu thủ đoạn của địch, đấu tranh để bảo vệ quyền lợi thiết thực của mình. Qua đấu tranh để xây dựng cơ sở, có kế hoạch chỉ đạo phù hợp với trình độ quần chúng để từ đó nâng dần lên.

5) Phát triển dân quân, xây dựng bộ đội địa phương:

Vận động những người tuổi từ 16 đến 40 tham gia lực lượng dân quân thành lập từng tiểu đội, tổ chiến đấu, lấy lực lượng trung kiên làm nòng cốt. Tổ chức huấn luyện và phát huy khả năng đánh du kích bằng các hình thức như: hầm chông, bẫy đá, cung tên có thuốc độc. Từ trong lực lượng dân quân, tuyển chọn thanh niên bổ sung vào bộ đội địa phương hoặc đi huấn luyện một thời gian rồi trở về địa phương hoạt

động. Bộ đội địa phương phải thường xuyên giúp đỡ kèm cặp dân quân tác chiến.

6) Khuyến khích hướng dẫn tăng gia sản xuất, tiết kiệm, bảo vệ mùa màng:

Ngoài việc hướng dẫn đồng bào tăng gia sản xuất, Tỉnh còn lo giống, nông cụ, tổ chức các tổ văn công. Giáo dục cán bộ dân tộc gương mẫu làm trước để nhân dân làm theo. Vận động nhân dân chi tiêu tiết kiệm, không nấu rượu bằng gạo và hướng dẫn nấu rượu bằng mì, bắp...

7) Bao vây phá hoại kinh tế địch:

Tuyên [truyền và giáo dục nhân dân phá hoại giao thông để bao vây kinh tế địch, đó là biện pháp có hiệu quả nhất.

8) Phát triển, củng cố tổ chức đảng để đẩy mạnh công tác xây dựng cơ sở địch hậu:

Chú ý kiểm tra tình hình xây dựng và phát triển đảng trong các đội Vũ trang tuyên truyền, cơ quan dân chính và ở các địa phương. Tăng cường công tác giáo dục chính trị lãnh đạo tư tưởng, đưa ra khỏi đảng những đảng viên không đủ tư cách, kém phẩm chất. Quan tâm hơn nữa đến công tác xây dựng và phát triển đảng, kết nạp đảng viên phải đúng điều lệ, thủ tục. Những nơi phong trào cơ sở vững cần xúc tiến mạnh công tác phát triển đảng viên và thành lập chi bộ, các làng ít đảng viên thì tổ chức chi bộ ghép. Mỗi đội Vũ trang tuyên truyền thành lập chi bộ để lãnh đạo. Ban cán sự Tỉnh sẽ trực tiếp chỉ đạo việc thành lập các chi bộ.

Ngoài những nhiệm vụ cụ thể trên, Hội nghị còn đề ra nhiệm vụ cho 3 huyện Đại Ninh, Di Linh, Blao là

phải củng cố vùng bàn đạp để đưa lực lượng lên hoạt động ở thị xã, thị trấn, đồn điền và chuẩn bị chiến trường cho bộ đội chủ lực hoạt động. Tiếp tục đưa thanh niên dân tộc xuống Bình Thuận để học văn hóa và bổ sung cho quân đội, có kế hoạch kèm cặp cán bộ địa phương người dân tộc. Hội nghị còn nêu yêu cầu cụ thể cho các huyện, ở B'laro tiến hành điều tra tình hình liên lạc với các đồn điền và thị trấn B'laro. Huyện Di Linh chú trọng việc củng cố xã Lam Sơn tiến lên liên lạc với đồn điền và thị xã Di Linh. Huyện Đại Ninh chú ý giải quyết nạn đói cho nhân dân, điều tra tình hình trường 20 và xã Loan, nghiên cứu việc trú quân, lập kho dự trữ để khi cần thiết có thể sử dụng.

Sau Hội nghị, Ban cán sự Tỉnh đã tập trung chỉ đạo việc xây dựng và củng cố các đội Vũ trang tuyên truyền, giáo dục cho cán bộ chiến sĩ nâng cao nhận thức về công tác xây dựng cơ sở vùng địch hậu. Các đội Vũ trang tuyên truyền đều tổ chức học tập đường lối và chính sách dân tộc của Đảng, nắm vững 5 bước công tác vùng địch hậu.

Qua một thời gian củng cố và chuẩn bị, Tỉnh đã thành lập 6 đội Vũ trang tuyên truyền, mỗi đội từ 20 đến 30 người và phân công hoạt động trên các địa bàn:

Đội thứ nhất: Hoạt động ở Anh Dũng 1 (Bắc Bình Thuận).

Đội thứ hai: Hoạt động ở Anh Dũng 2 (Vùng Cayan - Xtran Ninh Thuận).

Đội thứ ba: Tiến lên Tây Bắc Đà Lạt và bắt liên lạc với Đắc Lắc.

Đội thứ tư: Hoạt động vùng M'Lơn, Liên Kháng, La Ba.

Đội thứ năm : Xây dựng xã Mang Yếu, lên hoạt động vùng Châu Trung và tạo bàn đạp lên Di Linh. ⑤

Đội thứ sáu : Hoạt động hướng B' lao lên vùng Con Ó, Tà Bó, đồn điền Lút-xe, tiến lên thị trấn B' lao.

Quyết tâm thực hiện Nghị quyết của Liên khu ủy 5, và Ban Cán sự Cục Nam, Ban cán sự tỉnh Lâm Đồng đã tập trung chỉ đạo, xây dựng phong trào cách mạng thị xã Đà Lạt và huyện Chiến Đấu. Nhiều cán bộ được cấp trên tăng cường đến hoạt động cho Đà Lạt, đường dây liên lạc từ chiến khu Lê Hồng Phong (Bình Thuận) đến vùng bàn đạp huyện Anh Dũng lên Dran đã được củng cố và thông suốt. Để sâu sát việc chỉ đạo, đồng chí Lê Tự Nhiên, Ủy viên Ban Cán sự Cục Nam lên Đà Lạt kiểm tra, qua tìm hiểu tình hình đồng chí đã đề ra việc củng cố các tổ chức và sự chỉ đạo của thị xã Đà Lạt. Do đó Ban cán sự Lâm Đồng quyết định củng cố thị ủy Đà Lạt gồm 7 đồng chí, đồng chí Trần Oanh làm bí thư. Để khắc phục nhược điểm về cán bộ yếu và thiếu, Thị ủy tổ chức học tập cho cán bộ chiến sĩ vừa mới bổ sung, nội dung chủ yếu là xây dựng cơ sở và 5 bước công tác, từ đó các hoạt động của cán bộ có nội dung tuyên truyền và hình thức tổ chức phù hợp nên đã có ảnh hưởng kết quả tốt trên từng địa bàn. Chỉ trong một thời gian ngắn, nhiều nơi trong thị xã Đà Lạt đã mọc nổi với cơ sở, xây dựng được phong trào trong công nhân, thanh niên, phụ nữ. Tại Nha địa dư, nhà máy điện, công nhân xe lửa, lục lộ, những cơ sở bí mật vẫn tích cực hoạt động, bảo đảm liên lạc thường xuyên với chiến khu, tổ chức thêm được nhiều cơ sở mới.

Lực lượng thanh niên Đà Lạt tích cực tham gia công tác bí mật và đội tự vệ thành lập nhiệm vụ tuyên

truyền, vận động nhân dân ủng hộ kháng chiến, tiếp tế cho các chiến khu. Nhiều thanh niên đã tình nguyện thoát ly vào chiến khu tham gia các đội công tác.

Phong trào phụ nữ Đà Lạt được khôi phục, nhất là chị em ở chợ, tổ chức phụ nữ « Minh Khai » của chợ được thành lập. Nhiệm vụ của tổ chức này là tuyên truyền vận động chị em buôn bán ở chợ Đà Lạt tham gia và ủng hộ kháng chiến tiếp tế cho chiến khu. Cuộc vận động quyên góp « Áo mùa đông chiến sĩ » được đông đảo chị em này tham gia nên chỉ trong một thời gian ngắn hàng trăm áo len, quần áo đã được bí mật chuyển ra chiến khu. Chị em ở chợ đã đấu tranh chống thuế chỗ ngồi và một số thứ thuế khác. Đường dây liên lạc giữa Đà Lạt với Phan Rang, Sài gòn được giữ vững với nhiều hình thức hoạt động công khai hợp pháp. Phong trào của phụ nữ Đà Lạt đã có ảnh hưởng rất lớn trong các tầng lớp nhân dân, nhiều gia đình đã bắt đầu có cảm tình và ủng hộ kháng chiến.

Trong thời gian này, Thị ủy và Ủy ban kháng chiến hành chính thị xã Đà Lạt đóng tại chiến khu 300, chiến khu Suối Tia, chiến khu Suối Cát vùng ngoại ô. Đời sống của cán bộ chiến sĩ bớt gặp khó khăn vì được cơ sở và nhân dân tiếp tế tương đối đầy đủ. Tại chiến khu, Thị ủy phát hành tờ « Tin tức Đà Lạt » để tuyên truyền kháng chiến. Tờ tin ra mỗi tháng 2 lần, mỗi lần 60 — 70 bản được bí mật phân phát trong nhân dân. Tuy nội dung và hình thức còn đơn giản nhưng đã gây được không khí phấn khởi, tin tưởng cách mạng trong quần chúng.

Tại khu vực huyện Chiến Đấu, sau khi củng cố cơ sở ở Gia Thạnh, La Bà, đội vũ trang tuy n truyền tiếp tục mở rộng phạm vi hoạt động trong vùng đồng bào dân

tộc ít người ở Đa Quay, Phi Liên, Pro-Teng, nắm được hội tề và những người có uy tín trong đồng bào, lôi kéo và tranh thủ được một số Gum. Ngoài ra còn xây dựng được một số cơ sở làm việc tại sân bay Liên Kháng để nắm tình hình hoạt động của địch.

Cơ sở cách cách mạng ở huyện Chiến Thắng tiếp tục được phát triển và hoạt động có hiệu quả, bảo vệ được đường dây liên lạc từ Bình Thuận lên Đà Lạt.

Vùng bản đạp huyện Anh Dũng được củng cố vững chắc, đại đội Như Hồ vừa làm nhiệm vụ bảo vệ tuyến bản đạp vừa tích cực vận động nhân dân tăng gia sản xuất, ủng hộ kháng chiến và thực hiện nếp sống mới.

Đến cuối năm 1950 phong trào cách mạng tỉnh Lâm Đồng đã có sự chuyển biến mạnh mẽ trên các địa bàn. Công tác xây dựng và phát triển Đảng có nhiều tiến bộ. Ở nội ô thị xã Đà Lạt kết nạp được 9 Đảng viên và thành lập hai chi bộ, chi bộ cơ quan Thị ủy ở chiến khu đã có 37 Đảng viên, đặc biệt ở Gia Thạnh huyện Chiến Thắng đã kết nạp được một đảng viên người dân tộc. Các chi bộ đã giữ được nề nếp và chất lượng sinh hoạt, cán bộ đảng viên nâng cao thêm nhận thức, phát huy vai trò tiên phong gương mẫu.

Đi đôi với việc tích cực xây dựng cơ sở cách mạng, Thị ủy Đà Lạt thực hiện chủ trương đẩy mạnh diệt ác trừ gian, kiên quyết trừng trị những tên có nhiều nợ máu với nhân dân tuy đã được giáo dục nhưng không tiến bộ. Thi hành bản án của Ủy ban kháng chiến hành chính Tỉnh Lâm Đồng, các chiến sĩ an ninh đã đột nhập vào thị xã trừng trị tên điếm chí viên Lê Đình Hiệu ngày 14 tháng 12 năm 1950. Tình hình đó làm cho bọn địch lo sợ, Đà Lạt không còn là hậu phương an toàn

nhất của chúng nên chúng tìm mọi cách để ngăn chặn đối phó những hoạt động của ta. Phong trào cách mạng phát triển và lên cao, nội bộ địch lục đục mâu thuẫn từ chỗ nói xấu đi đến bắn giết, thanh trừng lẫn nhau.

Thực hiện chủ trương của Liên khu ủy 5 và Ban Cán sự Cục Nam về việc đẩy mạnh công tác vùng địch hậu nhằm phối hợp với các chiến trường trong giai đoạn mới, Ban cán sự Lâm Đồng cử đồng chí Trần Châu, phó bí thư Ban cán sự và một số cán bộ lên kiểm tra tình hình, chỉ đạo phong trào ở Đà Lạt và khu vực huyện Chiến Đấu. Chủ trương của Ban cán sự là tích cực xây dựng cơ sở, đẩy mạnh hoạt động diệt tề trừ gian với quyết tâm làm cho « Hồ Đà Lạt dậy sóng ».

Cuối năm 1950. phong trào cách mạng ở Lâm Đồng có bước chuyển biến mới. Tại Đà Lạt trong các nhà máy, xí nghiệp, cơ quan địch vụ... Cơ sở hoạt động bí mật được tổ chức rộng khắp, thanh niên học sinh và công nhân có phong trào thoát ly ra chiến khu gia nhập bộ đội, trong và ngoại ô thị xã đã xây dựng được trên 2.000 cơ sở cách mạng. Với khí thế sôi nổi và khẩn trương, Thị ủy đã mở lớp huấn luyện cho hơn 200 thanh niên, công nhân, học sinh mới thoát ly ra chiến khu. Sau khóa huấn luyện, Thị ủy thành lập « Đội cảm tử Phan Như Thạch » gồm 36 cán bộ chiến sĩ và tổ chức 13 tổ cảm tử hoạt động trong nội ô và ngoại ô Đà Lạt. Sau khi được tăng cường lực lượng các đội vũ trang tuyên truyền được củng cố và phân công địa bàn hoạt động. Nhiệm vụ của các đội là xây dựng cơ sở cách mạng và diệt tề trừ gian. Đội 58 hoạt động ở Xuân An, Tân Lạc, Nam Thiên. Đội 76 hoạt động trong nội thị. Đội 77 hoạt động ở cây số 4,6. Đội 135 hoạt động ở cây số 7,9. Đội 86 hoạt động vùng Trại Hàm, Tây Hồ, Trại



Một địa điểm tại Cam Ly (Đà Lạt), nơi dịch thảm sát 20 tù nhân đêm 11 tháng 5 năm 1951. Trong ảnh: Chị Nguyễn thị Lan, người duy nhất còn sống sót trong vụ thảm sát.

Mật. Đội cảm tử Phan như Thạch hoạt động trong thị xã đã theo dõi và phân loại đối tượng có nhiều nợ máu với nhân dân. Đầu tháng 2 năm 1951 tên Hành mật thám ác ôn đã bị trừng trị tại chùa sư nữ (Trại Hầm).

Lập thành tích kỷ niệm ngày sinh nhật Bác Hồ, ngày 11 tháng 5 năm 1951 tổ cảm tử gồm 7 đồng chí, trong đó có đồng chí đội trưởng và đồng chí chính trị viên đã đột nhập vào nhà tên Haasz — mật thám Đà Lạt tại biệt thự Hoa Hồng (nay là nhà số 17 đường Huỳnh Thúc Kháng). Lúc 17 giờ tên Haasz về phát hiện thấy nhiều người định bỏ chạy. Một loạt tiểu liên nổ, tên Haasz đã chết ngay tại sân. Tổ công tác đã thu tài liệu, một số đồ dùng và dùng xe tên Haasz chạy về chiến khu. Bọn địch trong thị xã báo động đề vây bắt nung các chiến sĩ đã về đến chiến khu an toàn. Tổ cảm tử hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trừng trị tên mật thám cáo già của thực dân Pháp. Để trả thù và trấn an tinh thần binh lính, lúc 19 giờ cùng ngày hôm đó, địch đã đưa 20 người đang bị giam tại nhà lao Đà Lạt đưa đi xử bắn tại một khu rừng gần sân bay Cam Ly, 19 người đã hy sinh chỉ còn chị Nguyễn Thị Lan sống sót và bị thương nặng.

Trước hành động tàn bạo dã man của địch, Thị ủy Đà Lạt chủ trương phát động quần chúng đấu tranh. Ngày 12 tháng 5 hàng ngàn nhân dân Đà Lạt biểu tình lên án hành động dã man và hèn mạt của địch, đòi trừng trị những tên gây tội ác, đòi bồi thường tính mạng cho những người đã hy sinh và chị Nguyễn Thị Lan. Trước sức mạnh của nhân dân, bọn địch không dám đàn áp bất bớ, chúng phải chấp nhận yêu sách của đồng bào và đưa những tên thực hiện vụ thảm sát lên Ban M

Thuật. Tối hôm đó lực lượng cảm tử đã đột nhập vào thị xã viết khẩu hiệu, rải truyền đơn kêu gọi đồng bào đấu tranh, lên án tội ác dã man của địch, sáng hôm sau, bọn địch đi nhặt truyền đơn xóa khẩu hiệu và nhìn mọi người bằng thái độ hằn học, tức giận. Tại Pháp, Đảng cộng sản Pháp đã đưa vụ thảm sát này ra chất vấn tại quốc hội, tố cáo chính phủ Pháp và đòi chấm dứt ngay những hành động tội ác đối với các nước thuộc địa.

Khí thế cách mạng của nhân dân Đà Lạt ngày càng phát triển mạnh mẽ, hàng trăm người đã thoát ly ra chiến khu, nhiều người trước đây còn lưng chừng nay đã có thái độ rõ ràng và nhận rõ bộ mặt tàn bạo của địch. Đội cảm tử hoạt động tích cực, trừng trị những tên có nhiều nợ máu với nhân dân. Ngày 16 tháng 5 tên Hương Kiềm làng Phước Thành bị trừng trị và bắt một số tên đi cải tạo. Ngày 25 tháng 5 diệt tên mật thám Hồ Minh trước rạp Lang - Biang (nay là rạp Giải Phóng). Ngày 14 tháng 6 trừng trị tên mật thám khét tiếng Nguyễn Văn Thơm (tức Sáu Thơm) và bắn bị thương một tên lính Pháp trước chợ Đà Lạt. Những ngày sau đó các chiến sĩ đội cảm tử còn diệt tên Ngự ở cầu Ông Đạo và nhiều tên khác.

Phát huy truyền thống cách mạng của nhân dân và nhân ngày sinh nhật Bác Hồ, Thị ủy Đà Lạt quyết định vận động nhân dân bãi thị, ngừng đi lại trong ngày 19 tháng 5. Đêm ngày 18 tháng 5 đội cảm tử và các tổ công tác đã vào thị xã rải truyền đơn, dán áp phích, treo cờ. Lúc 4 giờ 30 phút ngày 19 tháng 5 các chiến sĩ cảm tử đội đã cho nổ ba quả lựu đạn ở những đường phố lớn trong thị xã và gài 3 quả không nổ trước chợ Đà Lạt để cảnh cáo địch. Các tầng lớp nhân dân thị xã đã tích cực hưởng ứng lời kêu gọi của

Thị ủy. Cả ngày hôm đó chợ không họp, đường phố vắng người các cửa hiệu đóng cửa, đến 19 giờ mọi hoạt động mới trở lại bình thường. Cuộc bãi thị đã để lại ấn tượng sâu sắc đối với nhân dân Đà Lạt và tuy sống dưới sự kìm kẹp của địch nhưng nhân dân vẫn tin tưởng và hướng về Hồ Chủ Tịch, hướng về kháng chiến.

Như vậy, chỉ trong vòng 10 ngày của tháng 5 năm 1951 nhiều loại truyền đơn (1) đã xuất hiện tại Đà Lạt. Nội dung truyền đơn kêu gọi nhân dân phối hợp với lực lượng cảm tử để làm suy yếu lực lượng địch, gây rối trật tự trị an trong thị xã, lên án những hành động dã man của địch và kêu gọi những binh lính địch trở về với nhân dân.

Để phối hợp với phong trào cách mạng đang phát triển mạnh, địch điều động 1 tiểu đoàn Com-măng-đô (Commandos) do tên thiếu tá Pháp chỉ huy từ Sài gòn lên Đà Lạt. Được tăng cường thêm lực lượng, địch bắt đầu khủng bố và bắt nhiều cơ sở cách mạng. Thị ủy giao cho đội cảm tử đột nhập vào thị xã Đà Lạt nắm tình hình hoạt động và có kế hoạch tiêu diệt bọn này. Đêm 27 tháng 6, Đồng chí Lê Trần Thái, chính trị viên cảm tử đội cùng một tiểu đội vào thị xã và đầu quân tại nhà xác bệnh viện. Sáng hôm sau đồng chí Lê Trần Thái đến nhà một cơ sở (nay là nhà số 9 đường Hai Bà Trưng, Đà Lạt) và gặp đồng chí Hoàng Xuân Sinh, cán bộ tình báo đang làm nhiệm vụ. Khoảng 9 giờ sáng, do bị lộ một đại đội Com-măng-đô đến bao vây, hai đồng chí đóng chặt cửa và rút lên tầng trên

(1) Chưa xác định cụ thể số lên vào thị xã Đà Lạt rải truyền đơn. Theo tài liệu lưu trữ của địch đã sưu tập 4 loại truyền đơn đã được dịch ra tiếng Pháp. Những truyền đơn này hiện lưu trữ tại Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng Lâm Đồng.

Đốt tái lại, con dấu, sau đó mở cửa sổ ném lựu đạn, dùng súng ngắn (coi 12) uy trấn địch. Sau 30 phút chiến đấu hai đồng chí đã diệt tên quan 1, tên đội xếp và 5 tên lính Com-măng-đô. Quyết không để địch bắt, hai đồng chí đã anh dũng hy sinh bằng hai viên đạn cuối cùng của mình. Bọn địch vừa căm tức vừa hoảng sợ trước tinh thần chiến đấu và hy sinh dũng cảm của hai đồng chí. Sau khi đưa hai thi hài về nhà xác, địch tổ chức lùng sục xung quanh bệnh viện, đến 11 giờ 30 phút cuộc chiến đấu lần thứ hai diễn ra, tiểu đội cảm tử nằm trong thế bị bao vây. Nhưng cả tiểu đội đã dũng cảm vượt ra khỏi nhà xác, vừa chiến đấu, vừa rút lui, đồng chí Nguyễn Lại tiểu đội trưởng đã hy sinh. Cuộc chiến đấu tuy không cân sức nhưng tác chiến sĩ đội cảm tử đã tiêu diệt một tên đội và 3 tên lính Com-măng-đô.

Trước sự kiện đau thương và để tỏ lòng thương tiếc ba đồng chí đã anh dũng hy sinh, Thị ủy Đà Lạt vận động nhân dân đến thăm viếng. Tuy địch tìm mọi cách ngăn cản nhưng quần chúng vừa dùng lý lẽ đấu tranh hợp pháp và kiên quyết đòi được vào nhà xác, trước sức mạnh của quần chúng địch phải chấp nhận để đồng bào đến viếng suốt ba ngày liền. Quanh thi hài ba đồng chí, đồng bào mang đến những bó hoa tươi và các loại nước hoa đắt tiền. Bọn địch rất căm tức nhưng không dám đàn áp, vì sợ nổ ra biểu tình lớn. Đến ngày thứ ba đồng bào quyên góp tiền mua quan tài, vải liệm và chôn cất ba chiến sĩ. Với lòng thương tiếc và khâm phục, hàng ngàn nhân dân Đà Lạt đã tiễn đưa ba đồng chí đến nơi an nghỉ cuối cùng.

Tinh thần chiến đấu dũng cảm và hy sinh anh dũng của các chiến sĩ đội cảm tử đã để lại trong lòng nhân dân niềm tự hào và biết ơn sâu sắc. Nhân dân càng hướng

và cách mạng bằng những hành động thực tế và tin tưởng cuộc kháng chiến nhất định thắng lợi. Các đội Vũ trang tuyên truyền trong tỉnh tổ chức học tập tinh thần chiến đấu kiên cường hy sinh anh dũng của các chiến sĩ đội cảm tử và biến thành hành động thực tiễn trong đấu tranh cách mạng.

Thời gian này, các đoàn thể quần chúng hoạt động tích cực nhất là công nhân, phụ nữ, thanh niên. Để phòng địch khủng bố, các tổ chức quần chúng được chia thành nhiều khu vực khác nhau. Khu vực 20 có Hội đồng công nhân với 20 hội viên chia thành 9 tổ, 1 tổ nông hội có 18 hội viên, 1 tổ phụ nữ có 10 hội viên. Khu vực 21 có Hội đồng công nhân với 14 hội viên, 1 tổ phụ nữ có 39 hội viên... Thị ủy còn phân công các đồng chí Thị ủy viên và cán bộ xuống từng địa bàn bám sát cơ sở để chỉ đạo phong trào.

Công tác xây dựng và phát triển Đảng có nhiều tiến bộ, đến giữa năm 1951 tại Đà Lạt đã có gần 100 đảng viên sinh hoạt ở 5 chi bộ: nội ô, chợ Đà Lạt, nhà Ga xe lửa, Trại Hàm và cây số 4, 6, 7, 9, một tổ đảng ở trường Võ bị Đà Lạt. Để tiện việc chỉ đạo, Thị ủy chia Đà Lạt thành hai khu vực: Nội thị gồm các vùng nội ô và ấp Hà Đông, Nghệ Tĩnh, vùng cây số 4, 6, 7, 9. khu vực Phân thị gồm Trại Hàm, nhà Ga xuống đến Tây Hồ, Trại Mát.

Thắng lợi của ta trên các chiến trường đã làm cho bọn địch hết sức hoang mang lo sợ. Bọn địch bị thương ở các nơi được đưa về điều trị ở Đà Lạt đã tỏ ra chán ghét chiến tranh, không tin tưởng vào thắng lợi của cuộc chiến tranh mà thực dân Pháp đang tiến hành. Trong tình hình đó, Thị ủy chú trọng công tác binh vận kêu gọi binh lính trở về với gia đình, những người còn làm trong các tổ chức của địch tìm mọi cách để đưa vũ

khí tài liệu quan trọng cho lực lượng kháng chiến. Ngày 28 tháng 6 tại trường Võ bị Đà Lạt phối hợp chặt chẽ giữa cơ sở và lực lượng bên ngoài đã đưa được 11 máy bộ đàm PRC — 25 ra chiến khu.

Phối hợp với phong trào cách mạng tại thị xã Đà Lạt, các đội Vũ trang tuyên truyền hoạt động ở khu vực huyện Chiến Đấu tích cực xây dựng cơ sở cách mạng và hoạt động diệt tề trừ gian. Ở các buôn đồng bào dân tộc ít người ta đã nắm được phần lớn hội tề, qua tuyên truyền giáo dục nhiều tên thấy được tội lỗi của mình nên có những hành động cầu an lương chừm. Tuy vậy lực lượng Gum vẫn còn hoạt động ở những làng bị địch kìm kẹp. Được sự ủng hộ của nhân dân, ngày 10 tháng 2 năm 1951 đội Vũ trang tuyên truyền đã trừng trị tên Bang tá K' Xuồng tại buôn R' Lom và bắt 1 tên xếp đưa ra chiến khu giáo dục, sau này tiến bộ trở thành cơ sở cách mạng.

Tiếp tục hỗ trợ cho phong trào, ngày 27 tháng 2 năm 1951 đội Vũ trang tuyên truyền do đồng chí Đinh Sĩ Uân chỉ huy đã đánh đồn Ra-di-ô-pha Công-trắc-tria, trung tâm thông tin phục vụ sân bay Liên Kháng, diệt hai tên Pháp, một số tên nguy, thu một số vũ khí và tài liệu. Hoạt động của các đội Vũ trang tuyên truyền đã làm cho đồng bào các dân tộc trong vùng rất phấn khởi và tin tưởng kháng chiến. Đến giữa năm 1951 cơ sở cách mạng đã xây dựng được ở 36 buôn, làng, nhất là các làng dọc đường 21.

Tháng 8 năm 1951, Ban cán sự Tỉnh cử đồng chí Mai Huy Hoàng ủy viên Ban cán sự và một số cán bộ, chiến sĩ lên tăng cường cho huyện Chiến Đấu. Để mở rộng địa bàn hoạt động, huyện thành lập 3 đội vũ trang tuyên truyền, mỗi đội có 1 chỉ bộ, đồng chí đội trưởng kiêm bí thư chỉ bộ. Địa bàn hoạt động chủ yếu là trong

vùng đồng bào dân tộc ít người. Một đội phụ trách vùng Đa Dòn, Phi Liên, Đầm Roòng... một đội xoi sang K'Long để bắt liên lạc với Đắc Lắc, một đội hoạt động ở vùng Hoạt, Nam Ban, Ri-ông-Tô.

Sau một thời gian kiểm tra tình hình ở Đà Lạt và huyện Chiến Đấu, Ban cán sự Tỉnh đánh giá cao những kết quả đã đạt được và bước phát triển mới của phong trào. Tuy nhiên các cấp chỉ đạo ở quá xa, liên lạc lại chậm (21 ngày 1 chuyển) nên sự chỉ đạo trực tiếp của Ban cán sự Cực Nam và Ban cán sự Tỉnh còn gặp nhiều khó khăn.

Để giữ vững đường dây liên lạc và bảo vệ vùng bàn đạp, tháng 3 năm 1951 Đại đội độc lập miền Bắc Lâm Đồng được thành lập với gần 200 cán bộ, chiến sĩ. Lực lượng nòng cốt của đơn vị là những cán bộ chiến sĩ thuộc Đại đội Như Hồ trước đây. Nhiệm vụ chủ yếu của đơn vị là huấn luyện quân sự, giáo dục chính trị, bồi dưỡng công tác xây dựng cơ sở để mỗi cán bộ, chiến sĩ khi được tăng cường cho các đội Vũ trang tuyên truyền đều có trình độ quân sự, chính trị, nắm được phương thức xây dựng cơ sở. Đơn vị còn phối hợp với lực lượng địa phương tỉnh Bình Thuận đánh địch để bảo vệ mùa màng, bảo vệ chính quyền cách mạng, vận động nhân dân đẩy mạnh tăng gia sản xuất. Tháng 4 năm 1951 đại đội đã đánh đồn Ma-S'ra giáp ranh giữa Lâm Đồng và Bình Thuận tiêu diệt nhiều tên địch thu nhiều chiến lợi phẩm, trong đó có 1 số vũ khí, phá vỡ thế kim kẹp và kiểm soát một vùng rộng lớn của địch, giữ vững đường dây liên lạc lên Đà Lạt.

Để xây dựng lực lượng vũ trang địa phương ngày càng lớn mạnh, Ban cán sự Tỉnh mở trường huấn luyện tân binh tại Tân Bình (Bình Thuận) còn gọi là đơn vị 215. Nhà trường đã mở được 4 khóa huấn luyện mỗi

khóa từ 3 đến 4 tháng, sau khi kết thúc khóa huấn luyện các chiến sĩ được bổ sung cho các đội Vũ trang tuyên truyền đang hoạt động trên địa bàn tỉnh và đại đội Độc lập miền Bắc Lâm Đồng.

Xây dựng vùng bản địa là một trong những nhiệm vụ quan trọng và cấp bách mà Hội nghị hợp nhất tỉnh Lâm Đồng đã đề ra. Sau một thời gian xây dựng và củng cố, hai xã Mang Yệu và Chi Lai đã trở thành khu căn cứ của Tỉnh, là địa bàn quan trọng của các đội Vũ trang tuyên truyền tiến lên hoạt động ở Di Linh, Blao. Học tập kinh nghiệm của huyện Tân Linh (Bình Thuận) về xây dựng phong trào du kích chiến tranh, ở hai xã đã thành lập được chính quyền cách mạng và các đoàn thể quần chúng, hầu hết cán bộ là người tại chỗ, mỗi thôn đều có lực lượng du kích để giữ trật tự trị an. Từ khu căn cứ này các đội Vũ trang tuyên truyền tiến lên xây dựng cơ sở cách mạng ở Tổng K'Dòn và Tổng Tổ La. Được sự hướng dẫn của đội vũ trang tuyên truyền đồng bào các xã Thượng Sơn, Trung Sơn, Lam Sơn ở huyện Di Linh đã nhiều lần dời buôn hoặc sơ tán vào rừng để chống chính sách dồn dân, chiêu an và bắt lính của địch. Ở hướng Blao, cơ sở cách mạng đã được xây dựng ở hai xã Bắc Sơn, Đình Sơn và một số buôn ở các xã xung quanh. Ở Đại Ninh đội Vũ trang tuyên truyền đã xây dựng được cơ sở ở các xã Bồ Thuận, Đông Thuận, tranh thủ được bọn hội tề, chỉ còn một số tên ngoan cố chạy vào đồn địch.

Nhìn chung công tác xây dựng cơ sở vùng địch hậu có nhiều tiến bộ, nhiều nơi đã xây dựng được chính quyền cách mạng và đoàn thể quần chúng cơ sở cách mạng phát triển rộng rãi, tranh thủ được bọn hội tề. Nhưng phong trào chưa thật vững chắc, có nơi mang

tính chất hình thức nên bọn địch vẫn tìm mọi cách để chống phá và xây dựng các tổ chức hoạt động bí mật.

2) *Chống địch phản kích, giữ vững phong trào cách mạng (từ tháng 7 đến tháng 12 năm 1951):*

Sau gần một năm thực hiện kế hoạch Tát-xi-nhi, địch đã tập trung xây dựng được một số đơn vị chủ lực cơ động và bộ máy nguy quyền các cấp, xây dựng thống Boong-ke để giữ trung du và đồng bằng Bắc bộ. Ở vùng tạm chiếm địch ra sức can quét để bắt người, cướp của, chúng tập trung lực lượng mở chiến dịch Hòa Bình nhằm giành lại thế chủ động trên chiến trường. Thế nhưng mọi cố gắng cao nhất của chúng vẫn không tránh khỏi sự thất bại, ngày 23 tháng 2 năm 1952 địch phải rút khỏi tỉnh Hòa Bình.

Ở Liên khu 5, âm mưu và thủ đoạn của địch tập trung ở hai điểm: Bình định vùng tạm chiếm và xóa vùng tự do của ta. Sau những thất bại trên chiến trường Bắc bộ, địch tập trung củng cố Tây Nguyên, biến Tây Nguyên thành khu tự trị thuộc Bộ tổng tư lệnh Pháp, xây dựng sư đoàn bộ binh miền núi, phát triển lực lượng Gum. Chúng tăng cường bắt lính để thay thế đưa lính Âu Phi ra chiến trường chính, lực lượng nguy binh chiếm 75%. Riêng Tây Nguyên lực lượng nguy binh chiếm 90%, hệ thống phòng ngự đã củng cố thêm, hệ thống tháp canh được phát triển nhiều.

Hoạt động của địch ở các tỉnh Cực Nam ngày càng đẩy mạnh hơn. Cuối năm 1951 sau khi có lệnh Tổng động viên của bù nhìn Bảo Đại, địch tiến hành bắt lính một cách ồ ạt, những người từ 17 đến 60 tuổi (trong số đó có cả phụ nữ) đều phải vào lính. Mạng lưới gián điệp phát triển rộng khắp và hoạt động tinh

vì hơn, chúng gài gián điệp vào vùng tự do và các chiến khu để nắm tình hình và kích động nhân dân.

Trước sự phát triển mạnh mẽ của phong trào, từ tháng 7 năm 1951 địch ra sức đối phó và tăng cường các hoạt động ở Đà Lạt và khu vực huyện Chiến Đấu. Vùng ngoại ô thị xã Đà Lạt địch đóng thêm đồn bót ở Xuân An, Tân Lạc, Ấng-khô-oét, Trại Mat, Đa Lợi, Trại Hàm... mỗi nơi từ 1 đến 2 tiểu đội. Lực lượng Com-măng-đô, Việt binh đoàn, Sơn quân phối hợp càn quét vùng ngoại ô thị xã. Từ tháng 7 đến tháng 9 mỗi tháng có từ 5 đến 7 cuộc hành quân càn quét vào chiến khu, có lần chúng huy động một tiểu đoàn càn quét suốt 5 ngày liền ở vùng Xuân Thành, Tân Lạc. Ở nội ô, địch nặng về hoạt động chính trị, hệ thống thông tin tuyên truyền xuyên tạc chủ trương đường lối kháng chiến của Đảng để các bà nhàn, tuyên truyền viện trợ Mỹ...

Những tháng cuối năm 1951, địch điều động lực lượng từ Ban Mê Thuột xuống, từ Dran, Di Linh lên và phối hợp với lực lượng Việt binh đoàn ở thị xã Đà Lạt, tổ chức hành quân càn quét vào vùng Nam Ban, Hoạt, Ri-ông-tô, Phi-sua... Sau mỗi lần càn quét chúng để lại khoảng một tiểu đội thường xuyên đột nhập vào xóm và phục kích các ngã đường. Thực hiện chủ trương bao vây và cô lập lực lượng kháng chiến, địch tiếp tục dồn làng từ Nam Ban, Chil Gia về Tà Nung, làng Chil-phi-sua, Ban Thiên về K'Du, làng Ri-ông-tô và Phi Súa về Cobia, làng Chil-Kút về Phi Đăng... Tháng 8 năm 1951, ở Tổng Đình Văn địch thành lập một trung đội địa phương quân và trang bị 30 súng trường, sau đó tiếp tục phát súng cho lính địa phương ở Tổng Lang-Biaug. Ngoài ra chúng còn phát triển tôn giáo

trong đồng bào dân tộc ít người, lập 9 nhà giảng đạo và chú ý đào tạo thầy giảng người địa phương.

Tình hình địch ở ba huyện Di Linh, Đại Ninh và Blao trong năm 1951 không có gì thay đổi lớn. Về quân sự, chúng đóng quân thêm 1 số đồn bốt trên các đoạn đường giao thông quan trọng như đường 20, đường 8, tổ chức các cuộc càn quét nhỏ. Lực lượng Gum ngày càng phát triển mạnh, nhất là các làng xung quanh đồn. Chúng dùng mọi thủ đoạn để lừa phỉnh, mua chuộc nhân dân phát triển tôn giáo, nhất là trong đồng bào dân tộc ít người. Về kinh tế hình thức phổ biến vẫn là thu thuế, bắt xâu, hàng tháng mỗi « bài chỉ » phải đi xâu từ 15 đến 20 ngày, chúng còn dùng biện pháp kinh tế để mua chuộc khuyến khích bọn tay sai từ tổng đến làng, xã.

Ở vùng bàn đạp huyện Anh Dũng, địch phát triển tế bí mật, mỗi làng tổ chức 1 đến 2 tiểu đội địa phương quân. Để chặn đường tiếp tế của ta từ Bình Thuận lên Đà Lạt, địch tổ chức những cuộc hành quân càn quét vùng Bình Sơn (Bắc Bình Thuận) đốt phá kho tàng, bắn giết nhiều trâu bò của đồng bào. Chúng còn tổ chức lực lượng nhỏ từ 2 đến 3 trung đội phối hợp với địa phương quân tuần tiễu trong các làng K'Chung K'Giai, Cayan, vì vậy hoạt động của các đội Vũ trang tuyên truyền gặp nhiều khó khăn hơn trước.

Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược của quân và dân ta đã giành được nhiều thắng lợi về quân sự, chính trị và ngoại giao. Hội nghị Trung ương lần thứ hai (tháng 10 năm 1951) đã nhận định « Trên chiến trường chính, sau chiến dịch Biên giới, chúng ta đã liên tiếp mở 4 chiến dịch thắng lợi, giữ được quyền chủ động. Nhưng chúng ta chưa giành được ưu

thế quân sự, chưa phá được phòng tuyến của địch, chưa thay đổi được tình thế ở đồng bằng Bắc bộ»⁽¹⁾. Về phía địch tuy phải « Bị động đối phó với các cuộc tấn công lớn của ta. Nhưng chúng tăng cường chiến tranh mọi mặt ở vùng tạm bị chiếm và vùng du kích, làm cho chiến tranh du kích của ta gặp nhiều khó khăn mới»⁽²⁾. Hội nghị còn đề ra nhiệm vụ và phương châm công tác trong vùng tạm bị chiếm và vùng du kích.

Quan triệt Nghị quyết Trung ương Đảng, Liên khu ủy V đã thường xuyên chỉ đạo công tác vùng tạm chiếm và đề ra 6 nhiệm vụ chủ yếu nhằm tích cực tranh thủ nhân dân vùng địch hậu, kiên trì xây dựng cơ sở, tạo điều kiện phát triển du kích chiến tranh, phá chính sách bình định của địch.

Được sự chỉ đạo của Liên khu ủy V, Ban cán sự Cục Nam đã triển khai thực hiện các chỉ thị nghị quyết của Liên khu và đề ra những chủ trương hoạt động phù hợp với tình hình mỗi tỉnh. Từ ngày 5 đến ngày 10 tháng 9 năm 1951, Ban cán sự Cục Nam và các Tỉnh trong Cục Nam đã họp để kiểm điểm tình hình trong 9 tháng đầu năm 1951 và đề ra những nhiệm vụ chủ yếu trong Đông Xuân 1951 — 1952. Hội nghị nhất trí đánh giá « Lâm Đồng đã chú ý hoạt động vùng Tây Bắc là hướng chính và công tác trọng tâm có thắng lợi, vùng bàn đạp chưa được tiến bộ»⁽³⁾.

Căn cứ vào tình hình các tỉnh Cục Nam, Hội nghị đề ra những nhiệm vụ chủ yếu:

(1),(2) Văn kiện Đảng tập 3, quyển 1, Ban nghiên cứu lịch sử Đảng Trung ương xuất bản năm 1980, trang 51.

(3) Biên bản hội nghị kiểm thảo chủ trương công tác của Ban cán sự các Tỉnh Cục Nam từ đầu năm đến nay (từ ngày 5 đến ngày 10 - 9 - 1951) tài liệu lưu tại Ban NCLSD Lâm Đồng.

— Một là tích cực xây dựng Lâm Đồng, phải xem đây là nhiệm vụ chính và trọng tâm của Ban cán sự, trung đoàn 812 và các tỉnh ủy Ninh Thuận, Bình Thuận có nhiệm vụ đóng góp phần sức, san bớt cán bộ để xây dựng bàn đạp tiến lên.

— Hai là ra sức chống đồn dân, chiêu an và gây cơ sở địch hậu, kịp thời xây dựng Bình Thuận thành căn cứ địa Cực Nam.

— Ba là đẩy mạnh tăng gia sản xuất, bảo vệ mùa màng và thực hiện tiết kiệm để tiếp tế tại chỗ.

— Bốn là đề cao Mặt trận dân tộc thống nhất, đề cao công tác dân vận.

— Năm là xây dựng chính quyền nhân dân, đặc biệt chính quyền địch hậu và thượng du.

— Sáu là ra sức củng cố Đảng. (1)

Ở vùng địch hậu sẽ thực hiện phương châm «Kiên trì vận động cách mạng và phương thức vũ trang tuyên truyền, xây dựng Đại đội độc lập và bộ đội tập trung».

Hội nghị đề ra những nhiệm vụ cụ thể của Lâm Đồng trong giai đoạn trước mắt:

— Một là đẩy mạnh tăng gia sản xuất ở các vùng bàn đạp và nội địa, đặc biệt chú trọng hướng chính là vùng Tây Bắc và vùng La Ba. Lực lượng vũ trang phải coi nhiệm vụ sản xuất như nhiệm vụ tác chiến. Tích cực vận động đồng bào dân tộc ít người lao động, sản xuất, đồng thời phải giúp đỡ công cụ và hướng dẫn việc cải tiến kỹ thuật canh tác. Riêng cơ quan đóng ở Bình Thuận phải tự túc được lương thực.

(1) Như (3) trang 109.

— Hai là: Tích cực xây dựng cơ sở, nâng cao tinh thần cách mạng cho cán bộ, chiến sĩ, đặc biệt chú ý việc đào hầm bí mật để hoạt động và chỉ đạo địch hậu, phải bảo tồn cho được cơ sở ngày càng lớn mạnh.

Với quyết tâm khắc phục khó khăn và nỗ lực phấn đấu, Đảng bộ và nhân dân Lâm Đồng đã giành được thắng lợi trên một số mặt.

Ở các địa bàn trong Tỉnh địch đánh phá ác liệt, nhất là những tháng cuối năm 1951, nhiều cơ sở cách mạng bị vỡ, nhất là cây số 4, cây số 6, Trại Hầm, Tây Hồ, Tân Lạc, hàng trăm công nhân Nha địa dư, các Nghiệp đoàn công nhân bị bắt. Địch tổ chức nhiều cuộc càn quét, đánh úp vào các chiến khu gây cho ta nhiều khó khăn tổn thất, đời sống gặp nhiều khó khăn thiếu thốn, thế nhưng hầu hết cán bộ chiến sĩ các đội công tác vẫn bám trụ địa bàn, bám sát cơ sở để củng cố và xây dựng phong trào cách mạng ở địa phương. Thị ủy Đà Lạt thường xuyên quan tâm đến đời sống của cán bộ và đồng bào mới thoát ly ra chiến khu. Hoạt động quân sự vẫn được đẩy mạnh. Ngày 7 tháng 7 năm 1951 một đoàn xe lửa từ Đà Lạt xuống Tháp Chàm, khi đến hầm số 1 cách KRông-Pha 2 km đã bị trúng mìn, một đầu máy bị phá hủy. Ngày 14 tháng 8 năm 1951 một công nhân xe lửa đã giết tên Trần Nhã trên đường Go-ráp-phơ (nay là đường Nguyễn Viết Xuân Đà Lạt). Đêm 27 tháng 10 năm 1951 đội cảm tử đã thi hành bản án của Ủy ban kháng chiến hành chính thị xã Đà Lạt trừng trị tên Hoàng Đình (tức Năm Đình) có nhiều nợ máu với nhân dân.

Các đội công tác của huyện Chiến Đấu gặp nhiều khó khăn, vì địch hoạt động mạnh và tăng cường kiểm soát các làng cơ sở cách mạng trong nhân dân tuy

không bị võ nhưng tạm thời nằm im, một số cơ sở vẫn tiếp tục liên lạc và tiếp tế cho các đội Vũ trang tuyên truyền. Riêng ở Định An một cơ sở chống Pháp đã tích cực cung cấp nhiều lương thực thực phẩm, thuốc chữa bệnh, do đó đời sống của cán bộ chiến sĩ hoạt động trong vùng này được bảo đảm hơn. Ở một số buôn đồng bào dân tộc vùng Tây Bắc Đà Lạt lợi dụng sự sơ hở của địch, đội Vũ trang tuyên truyền đã xây dựng cơ sở cách mạng, nắm được một số nội tề.

Phong trào thi đua tăng gia sản xuất bước đầu đã giải quyết được khó khăn, các cơ quan Tỉnh và lực lượng vũ trang đóng ở Bình Thuận đã trồng được 100.000 gốc mì (sắn) 25.000 m² khoai lang và nhiều loại cây lương thực khác. Đồng bào dân tộc ít người được hướng dẫn về kỹ thuật canh tác, được tiếp tế một số nông cụ nên kết quả thu hoạch khá hơn trước từng bước khắc phục được khó khăn về lương thực. Riêng ở Di Linh, năm 1951, đồng bào đã thu hoạch trên 30 tấn lúa và trên 100 tấn bắp. Lực lượng vũ trang của tỉnh Bình Thuận đánh địch bảo vệ mùa màng, làm thất bại «chiến dịch cướp lúa của địch». Với những kết quả đạt được về sản xuất lương thực, Tỉnh đã một phần bảo đảm cung cấp cho các cơ quan và tiếp tế cho các đội Vũ trang tuyên truyền hoạt động trong vùng địch hậu.

Sau hơn một năm hợp nhất Tỉnh Lâm Đồng (từ tháng 10 năm 1950 đến tháng 12 năm 1951) được sự chỉ đạo và chỉ viện của Liên khu ủy V và Ban cán sự Cục Nam, Ban cán sự Tỉnh Lâm Đồng đã có nhiều cố gắng đề đưa phong trào cách mạng địa phương phát triển lên một bước mới. Những tháng cuối năm 1950 và 6 tháng đầu năm 1951 phong trào phát triển toàn diện ở các địa bàn trong Tỉnh, nhất là ở thị xã Đà Lạt và khu vực

huyện Chiến Đấu. Vừa xây dựng cơ sở cách mạng vừa đẩy mạnh hoạt động diệt tề trừ gian đã làm cho địch hết sức hoang mang lo sợ, chúng phải tập trung mọi lực lượng để đối phó. Đà Lạt không còn là hậu phương an toàn nhất của chúng. Cơ sở cách mạng phát triển rộng khắp nhất là trong vùng đồng bào dân tộc ít người. Ở huyện Chiến Đấu, Di Linh, nhiều nơi đã thành lập chính quyền Cách mạng và đoàn thể, xây dựng lực lượng dân quân du kích, các đội Vũ trang tuyên truyền, Đại đội độc lập Miền Bắc Lâm Đồng thường xuyên chú trọng công tác giáo dục tư tưởng, nâng cao trình độ về mọi mặt cho cán bộ, chiến sĩ, lực lượng đội cảm tử Đà Lạt đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, được nhân dân tin tưởng, cảm phục. Trong thời gian này công tác xây dựng và phát triển Đảng cũng được chú trọng, vai trò của chi bộ, đảng viên được phát huy và thực sự làm nòng cốt cho phong trào.

Tuy nhiên, do chưa quán triệt đầy đủ các Nghị quyết chủ trương của Đảng nên việc chỉ đạo của Ban cán sự Tỉnh còn nhiều thiếu sót, việc tổ chức thực hiện của thị ủy Đà Lạt, các chi bộ và các đội Vũ trang tuyên truyền còn nhiều khuyết nhược điểm. Công tác bí mật còn yếu, nhiều nơi phô trương hình thức, chưa kết hợp chặt chẽ giữa hoạt động quân sự với đấu tranh chính trị và xây dựng cơ sở cách mạng. Vì vậy 6 tháng cuối năm 1951 địch tập trung đánh phá nên phong trào cách mạng ở địa phương gặp nhiều khó khăn, tổn thất. Trước tình hình đó, Đảng bộ Lâm Đồng cần vận dụng phương châm, phương thức hoạt động thích hợp để giữ vững và đưa phong trào cách mạng ở địa phương không ngừng phát triển.



Đồng chí Lê Trần Thái, Chính trị viên đội Cầm tù « Phan Như Thạch », đã anh dũng chiến đấu và hy sinh ngày 28 tháng 6 năm 1951 tại nhà số 9 đường Hai Bà Trưng (Đà Lạt). Ảnh chụp tháng 7 năm 1950.

II. VẬN DỤNG PHƯƠNG CHÂM, PHƯƠNG THỨC HOẠT ĐỘNG GÓP PHẦN VÀO THẮNG LỢI CỦA CẢ NƯỚC (từ tháng 1 năm 1952 đến tháng 7 năm 1954)

1. Sắp xếp tổ chức, bám địa bàn, kiên trì xây dựng cơ sở:

Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược của nhân dân ta đang giành được những thắng lợi to lớn, sau chiến dịch Hòa bình, quân đội ta đã trưởng thành thêm một bước, địch ngày càng bị thất bại nặng nề và tìm mọi cách đối phó. Đầu năm 1952, Xa Lãng được điều sang Việt Nam và tiếp tục « sự nghiệp » của Tắt-Xi-Nhi. Trên chiến trường Bắc bộ, địch mở nhiều cuộc hành quân càn quét nhằm chiếm lại những vị trí đã mất, chỉ tính từ tháng 3 đến tháng 5 năm 1952 đã có 20 cuộc hành quân, trong đó có 4 cuộc hành quân với quy mô lớn. Ở những vùng kiểm soát, địch ra sức bình định, tăng cường bắt lính, bóc lột kinh tế nhằm thực hiện bằng được âm mưu « Dùng người Việt đánh người Việt, lấy chiến tranh nuôi chiến tranh ». Về chính trị chúng nhồi nhét lý tưởng quốc gia giả hiệu, đề cao bá nhĩn, đầu độc binh lính bằng cách truy lạc hóa, lưu manh hóa.

Trong các vùng tạm chiếm ở Liên khu 5 địch tiến hành hoạt động với quy mô lớn và xảo quyệt hơn trước. Sau khi có lệnh Tổng động viên của bù nhĩn Bảo Đại, chúng bắt lính một cách ào ạt, năm 1952 bắt 10.000, năm 1953 bắt 14.000 lính, tỷ lệ nguy binh lên tới 88% riêng Tây Nguyên đã chiếm tới 95%. Trong vùng đồng bào dân tộc, địch phát triển mạnh lực lượng Gum, lôi kéo những người có uy tín trong làng và kiểm soát chặt chẽ bọn hội tồ. Chúng còn thành lập các tổ chức lộn sông với những tổ chức của ta như: « Phụ nữ cứu quốc », « Thanh niên

trư quốc», nhằm lừa bịp và lôi kéo nhân dân. Ở vùng tự do địch tích cực phá hoại kinh tế, tung gián điệp để gây rối, mở những cuộc hành quân càn quét vào chiến khu, thực hiện âm mưu lấn chiếm.

Thực hiện nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ II và các Nghị quyết của Ban chấp hành Trung ương sau đại hội, quân và dân ta đã hoàn thành tốt 3 nhiệm vụ chiến lược: Tiêu diệt sinh lực địch, bồi dưỡng lực lượng ta và phá tan kế hoạch bình định của địch. Chiến thắng Tây Bắc cuối năm 1952 đã phá tan âm mưu thành lập «Xứ Thái tự trị» của thực dân Pháp và đến giữa năm 1953 kế hoạch Tát-Xi-Nhi hoàn toàn bị phá sản, Tổng chỉ huy Xa Lãng bị triệu hồi về Pháp.

Về công tác vùng sau lưng địch, Nghị quyết lần thứ hai (tháng 10 năm 1951), lần thứ 3 (tháng 4 năm 1952) của Trung ương Đảng đã đề ra phương châm hoạt động và những nhiệm vụ cụ thể nhằm đưa phong trào phát triển thêm 1 bước mới. Nghị quyết nêu rõ : « Chia vùng sau lưng địch thành 2 vùng với phương châm hoạt động khác nhau. Vùng tạm bị chiếm lấy xây dựng cơ sở, đấu tranh chính trị và kinh tế làm nội dung chính vùng du kích lấy đấu tranh vũ trang làm chính, kết hợp đấu tranh vũ trang với đấu tranh chính trị và kinh tế (1). Để thực hiện tốt nhiệm vụ và phương châm đó cán bộ vùng địch phải nắm cho thật vững phương châm đoàn kết dân tộc kháng chiến lâu dài, lấy công tác dân vận làm gốc! » (2).

Quán triệt các nghị quyết của Trung ương Đảng,

(1) Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, sơ thảo tập I (1920-1954) trang 647

(2) Văn kiện Đảng quyền III tập 1, Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng Trung ương xuất bản năm 1980, trang 158.

Liên khu ủy 5 đã mở 3 lần hội nghị (lần thứ nhất tháng 2 năm 1952, lần thứ hai tháng 10 năm 1952, lần thứ ba tháng 5 năm 1955) để kiểm điểm tình hình và đề ra chủ trương, nhiệm vụ cụ thể của Liên khu. Các nghị quyết của Liên khu ủy đều chú trọng công tác vùng sau lưng địch nhằm xây dựng cơ sở cách mạng, mở rộng và củng cố vùng du kích, phát triển du kích chiến tranh.

Hoạt động quân sự trong toàn Liên khu được đẩy mạnh. Từ đầu năm 1952 đến tháng 4 năm 1953 ở các tỉnh Quảng Nam, Đắc Lắc, Khánh Hòa đã tiêu diệt và làm bị thương gần 10.000 tên, bắt sống trên 1.000 tên thu nhiều vũ khí, củng cố và bảo vệ được nhiều khu du kích. Phong trào đấu tranh chính trị bắt đầu phát triển ở nhiều nơi, tiêu biểu là cuộc biểu tình của 6.000 nhân dân Nha Trang trước dinh Tỉnh trưởng chống địch bắt lính và 2.600 thanh niên bị bắt tập trung ở Suối Dầu nổi dậy đấu tranh đòi giải ngũ. Ở vùng tự do nhờ đẩy mạnh tăng gia sản xuất và từng bước thực hiện chính sách thuế nông nghiệp nên những khó khăn về kinh tế, tài chính được giải quyết.

Thực hiện chỉ thị của Trung ương Đảng về công tác xây dựng Đảng, Liên khu ủy chỉ đạo các tỉnh tổ chức cho đảng viên tham gia các lớp chính huấn để nâng cao nhận thức tư tưởng, lập trường cách mạng.

Nhằm tạo sự chuyển biến mạnh mẽ phong trào cách mạng ở các tỉnh Cực Nam, Ban cán sự Cực Nam chủ trương: Phân tán nhỏ lực lượng, đi sâu vào hoạt động trong lòng địch, tập trung lực lượng để bảo vệ mùa màng, chính huấn cán bộ chiến sĩ nhằm bồi dưỡng tư tưởng kháng chiến lâu dài nhưng nhất định thắng lợi. Tuyển chọn cán bộ, chiến sĩ có phẩm chất, sức khỏe và được trang bị vũ khí tốt để bám địa bàn, bám quần

chúng hoạt động, đưa số cán bộ, chiến sĩ sức khỏe yếu ra vùng tự do chữa bệnh, học tập. Ban cán sự Cực Nam còn tập trung chỉ đạo các Tỉnh đẩy mạnh du kích chiến tranh, làm tốt công tác xây dựng Đảng. Qua các lớp chỉnh huấn, cán bộ, đảng viên đã có chuyển biến về nhận thức, nắm vững chủ trương, đường lối kháng chiến của Đảng.

Cuối năm 1951, các tỉnh Cực Nam tiến hành Đại hội đảng bộ, riêng Lâm Đồng vì điều kiện khó khăn nên chỉ tổ chức Hội nghị tại Tân Bình (Bình Thuận) để kiểm điểm tình hình, bàn kế hoạch thực hiện các Nghị quyết của Liên khu Ủy và Ban Cán sự Cực Nam.

Hoạt động của địch ở Lâm Đồng trong năm 1952 tuy không có những cuộc hành quân lớn như ở Ninh Thuận, Bình Thuận, nhưng chúng tích cực nắm dân, ra sức bóc lột kinh tế. Lực lượng Gum phát triển rộng khắp và trở thành lính làng, lính đồn, dưới sự chỉ huy của các đồn B' Lao, Tà Xi, La Dày, Gia Bát. Ở vùng Tây Bắc Đà Lạt địch phát triển mạnh đạo Thiên Chúa, Tin Lành. Các mục sư, thầy giảng được coi là những người có quyền lực trong làng, có khi còn can thiệp vào công việc của bộ hội tề. Sau Hội nghị thầy giảng toàn Tây nguyên (tháng 3-1952), địch mở thêm 30 nhà giảng đạo, mở trường đào tạo thầy giảng ở Đà Lạt, tổ chức lễ «trở về với Chúa». Địch đã sử dụng đạo Tin lành làm công cụ chiêu an đặc lực đối với đồng bào dân tộc ít người.

Chính sách vơ vét bóc lột kinh tế được tiến hành tích cực hơn. Đề giải quyết thiếu hụt về tài chính, địch ban hành thêm thuế «bảm phụ xã hội an ninh» đối với tất cả những người có nghề nghiệp, kể cả nguy quân, công chức, ngoại kiều, mỗi năm (tùy từng đối tượng) phải nộp từ 120 đến 840 đồng. Đặc biệt thuế gián thu đối với

các loại hàng hóa rất cao nên giá cả thị trường tăng vọt. Riêng đối với đồng bào dân tộc ít người còn phải đóng thêm hai loại: Thuế nuôi lính và thuế vua « Mọi » hàng tháng đồng bào vẫn bị bắt xâu để làm trong các đồn điền, sở ruộng của Bảo Đại và ở các đồn. Bọn quân trưởng, đồn trưởng còn bắt đồng bào ở lại làm công không cho chúng. Ngoài ra địch còn bắt nhân dân đóng tiền mua sổ sách, xây bờ, giấy phép làm ăn...

Tất cả những hình thức bóc lột trên đã làm cho đời sống các tầng lớp nhân dân trong tỉnh vô cùng cực khổ. Mâu thuẫn giữa nhân dân với bọn Đế quốc và tay sai ngày càng tăng, nhiều nơi nhân dân đã đấu tranh chống bắt lính, bóc lột kinh tế của địch.

Quán triệt phương châm công tác vùng sau lưng địch, Hội nghị Ban Cán sự Cực Nam (tháng 9 năm 1951) đã xác định: « Lâm đồng là chiến trường chính của Cực Nam, nhưng là chiến trường xây dựng cơ sở. Vì vậy, phải vận dụng phương châm, phương thức hoạt động mới, kế hoạch hoạt động được tập trung theo hai hướng: Hướng chính gồm Đà Lạt, vùng Tây Bắc và bản đẹp Anh Dũng, hướng phụ là Di Linh, B' Lao. Ban Cán sự Cực Nam, trung đoàn 812 và các tỉnh Ninh Thuận, Bình Thuận tập trung chỉ đạo và chỉ viện cho Lâm Đồng » (1).

Cuối năm 1951, đồng chí Nguyễn Xuân, ủy viên Ban Cán sự Cực Nam và đồng chí Thu Lâm (tức Trần Ngọc Trác) ủy viên thường vụ Ban Cán sự tỉnh Lâm Đồng lên Đà Lạt để phổ biến chủ trương chuyển hướng hoạt động

(1) Trích: biên bản Hội nghị kiểm thảo chủ trương công tác của Ban Cán sự và các tỉnh ủy trong Cực Nam từ đầu năm đến nay (họp từ ngày 5 đến ngày 10 tháng 9 năm 1951). Tài liệu lưu tại Ban NCLSĐ Lâm Đồng.

theo tinh thần Hội nghị Ban Cán sự Cục Nam. Thị ủy Đà Lạt, các đội Vũ trang tuyên truyền tổ chức học tập chủ trương, đường lối kháng chiến của Đảng, các Nghị quyết của Liên khu ủy và Ban Cán sự Cục Nam. Trong tình hình mới, nội dung cơ bản của chủ trương chuyên hướng hoạt động là « Thực hiện phương châm kiên trì vận động cách mạng, tiếp tục gây cơ sở ». Để làm tốt công tác xây dựng cơ sở và bảo tồn lực lượng, tất cả các địa bàn trong tỉnh không được hoạt động diệt ác trừ gian ổ ạt, lan tràn như trước, giải tán các đội Vũ trang tuyên truyền, đội cảm tử để thành lập các đội xây dựng cơ sở. Tích cực giảm biên chế, đơn vị của Tỉnh, phần đầu đến tháng 4 năm 1952 toàn Tỉnh phải giảm trên 500 người. Do đó, các cơ quan Tỉnh đội, Ban giao liên, Ban tiếp tế... tuy không tuyên bố thay đổi tổ chức nhưng trên thực tế đã thu hẹp dần. Ban cán sự Tỉnh cử các đồng chí ủy viên xuống từng địa bàn để trực tiếp chỉ đạo.

Sau một thời gian được học tập chủ trương đường lối của Đảng, cán bộ, đảng viên, chiến sĩ trong Tỉnh đã nâng cao nhận thức tư tưởng, quán triệt chủ trương chuyên hướng hoạt động. Các đội Xây dựng cơ sở được thành lập và hoạt động trên các địa bàn của Tỉnh, nhiệm vụ của các đội là tiếp tục móc nối, củng cố những cơ sở cũ, phát triển thêm nhiều cơ sở mới, đặc biệt quan tâm xây dựng cơ sở trong đồng bào dân tộc ít người, tranh thủ các tín đồ tôn giáo, hội tề và lôi kéo lực lượng Gum. Vận dụng phương thức « Cầu chuyền », dùng cơ sở cũ để phát triển cơ sở mới, đứng chân ở các làng người Kinh để tuyên truyền, vận động và xây dựng cơ sở trong đồng bào dân tộc ít người.

Trong tình hình thực tế ở địa phương việc vận dụng

chủ trương chuyển hướng phương châm, phương thức hoạt động là hoàn toàn phù hợp. Thế nhưng trong quá trình phổ biến vì quá nhấn mạnh phương châm kiên trì vận động cách mạng, tránh hoạt động bề nổi, diệt tề trừ gian ở át nên đã làm cho một số cán bộ, chiến sĩ băn khoăn trong việc quán triệt và vận dụng chủ trương.

Tại thị xã Đà Lạt, các đội Vũ trang tuyên truyền và Cẩm tử dội giải tán để thành lập các đội Xây dựng cơ sở. Đội 76 hoạt động trong nội thị, đội 58 chia thành 2 đội 62 và 64 hoạt động ở Xuân An, Tân Lạc và ấp Ánh Sáng, Đội 86 tách thêm đội 22 hoạt động ở phân thị (vùng Trại Hầm, Xanh - bờ - noa, Tây Hồ, Trại Mát). Riêng đội 135 và đội 77 về sau bị tổn thất nên nhập lại thành đội 77 hoạt động từ cây số 4 đến cây số 9.

Sau một thời gian vận dụng phương châm, phương thức mới và tinh thần hoạt động tích cực, đến tháng 4 năm 1952 ở Đà Lạt đã xây dựng được 92 cơ sở và 207 gia đình kháng chiến, nhiều nhất ở vùng Cam Ly, cây số 6, 9. Sau những lần bị địch khủng bố, nhiều cơ sở bị vỡ đã dần dần được củng cố, phần lớn nhân dân đều có cảm tình với kháng chiến. Ở một số nơi nhân dân đấu tranh chống việc thành lập «Hợp tác xã gạo», «Hợp tác xã rau» của địch.

Ở huyện Chiến Đấu, các đội Vũ trang tuyên truyền được tổ chức thành 4 đội Xây dựng cơ sở hoạt động trong vùng đồng bào dân tộc và đội 122 hoạt động trong các làng Kinh dọc đường 20 và đường 11. Vận dụng phương thức hoạt động mới, ta đã xây dựng được cơ sở ở 24 làng, các cơ sở đều giữ vững liên lạc, làm tốt mọi nhiệm vụ được giao trong các làng kinh dọc đường 20 xây dựng được 120 cơ sở, có hai cán bộ địa phương đã trưởng thành về nhiều mặt.

Do yêu cầu của sự chỉ đạo, cuối năm 1951 Ban cán sự Tỉnh quyết định thành lập phân Ban cán sự miền Tây Bắc Lâm Đồng để chỉ đạo thị xã Đà Lạt và huyện Chiến đấu. Phân ban cán sự có các đồng chí: Thu Lâm (bí thư), Mai Huy Hoàng, Đinh Sĩ Uẩn, Nguyễn Tự sau đó có thêm đồng chí Tống Viết Khánh. Đồng chí Trần Oanh về chiến khu Lê Hồng Phong (Bình Thuận) dự chỉnh huấn, đồng chí Thu Lâm kiêm bí thư thị ủy Đà Lạt.

Vùng bàn đạp Anh Dũng có hàng trăm cơ sở cách mạng xây dựng từ trước nhưng chưa được củng cố, bọn tề, Gum bí mật hoạt động mạnh nên có một số cơ sở giao động, nằm im. Cuối năm 1951 Ban cán sự Tỉnh cử một đồng chí ủy viên đến trực tiếp chỉ đạo phong trào và thành lập một số đội xây dựng cơ sở.

Ở hướng Di Linh, Blao từ khu căn cứ thuộc hai xã Mang Yếu, Chí Lai, các đội xây dựng cơ sở tiến lên hoạt động ở các Tổng K'Dòn, Nộp, Tổ La. Đội xây dựng cơ sở Chiến Thắng do đồng chí Tám Cảnh (tức Nguyễn Xuân Du) làm đội trưởng kiêm bí thư chi bộ hoạt động ở Tổng K'Dòn, đội có 3 đảng viên và hầu hết đội viên là cán bộ dân tộc ít người ở địa phương. Vận dụng phương châm, phương thức hoạt động, đội đã kiên trì bám dân để xây dựng cơ sở cách mạng. Những cơ sở công tác tích cực, vững vàng được tổ chức thành lực lượng trung kiên làm nòng cốt cho phong trào, vận động đồng bào đẩy mạnh tăng gia sản xuất, chống bắt xâu bắt lính và tiếp tế cho các đội công tác. Ngoài ra đội còn tranh thủ năm già làng, qua đó đề nắm tề và dùng tề để nắm Gum. Đối với số tề đã được tuyên truyền giáo dục có nhiều tiến bộ, nâng cao giác ngộ sẽ được giao một số công việc như đầu

tranh với địch để không bắt dân đi xấu trong ngày mùa, không bắt lính.

Với quyết tâm bám địa bàn, bám dân thực hiện 4 cùng (cùng ăn, cùng ở, cùng làm, cùng tiếng nói), đội công tác đã xây dựng được phong trào cách mạng trong quần chúng, tăng cường đoàn kết giữa cán bộ kinh với đồng bào dân tộc ít người, giải quyết được lương thực tại chỗ để đội có điều kiện hoạt động. Cuối năm 1952, đội đã tổ chức và phát triển cơ sở cách mạng trong 13 buôn thuộc Tổng K' Dôn, nắm được phần lớn hội tề và lực lượng Gum.

Đội xây dựng cơ sở Nước Sóng thành lập cuối năm 1951 gồm 14 cán bộ, chiến sĩ, đồng chí Huỳnh Phi Long đội trưởng, đồng chí Hà Ngọc Bích chính trị viên kiêm bí thư chi bộ, đội có 4 đảng viên. Từ bàn đạp xã Mang Yệu, đội lên hoạt động xây dựng cơ sở ở tổng Châu Trung. Cuối năm 1952, đội đã xây dựng được cơ sở cách mạng ở các buôn Kon - Hai, Tà - Bó, K' Liêng, Đạ Nghịch...

Nhìn lại một năm vận dụng phương châm và chuyển hướng hoạt động, tình hình Lâm Đồng có nhiều chuyển biến tốt. Các đội công tác đã vận dụng phương châm, phương thức công tác vùng sau lưng địch theo tinh thần các Nghị quyết của Trung ương Đảng và Liên khu ủy V. Đồng thời khắc phục những thiếu sót trước đây như nặng hoạt động diệt tề trừ gian, chưa tôn trọng phong tục tập quán của đồng bào các dân tộc ít người. Tuy địch tăng cường càn quét, khủng bố nhưng cán bộ, chiến sĩ vẫn bám trụ địa bàn, bám sát quần chúng để hoạt động. Giữa năm 1952, tại Đại hội chiến sĩ thi đua toàn Liên khu 5, Ủy ban kháng chiến hành chính miền Nam Trung bộ đã tặng cờ cho đội công tác La Ba với

dòng chữ: « Kiên trì bám cơ sở, mở rộng phong trào vận động cách mạng trong đồng bào dân tộc ».

Tuy nhiên phong trào phát triển còn chậm, rời rạc và chưa đều khắp ở các địa bàn trong Tỉnh. Công tác giáo dục chính trị tư tưởng chưa được thường xuyên nên một số cán bộ, chiến sĩ chưa quán triệt đầy đủ tư tưởng kháng chiến lâu dài nhưng nhất định thắng lợi và phương châm kiên trì vận động cách mạng.

Công tác xây dựng và phát triển Đảng có nhiều tiến bộ, mỗi đội Xây dựng cơ sở đều có một chi bộ và ở Đà Lạt, Anh Dũng, Di Linh đã kết nạp được một số đảng viên tại chỗ, trong đó có đảng viên dân tộc ít người.

Đề tập trung sự chỉ đạo và phối hợp hoạt động giữa các tỉnh Cực Nam, cuối năm 1952 Ban cán sự Cực Nam quyết định giao vùng Anh Dũng cho tỉnh Ninh Thuận, giao huyện Blao, Di Linh cho Bình Thuận. Ban cán sự Lâm Đồng tập trung chỉ đạo Đà Lạt và vùng Tây Bắc. Ban cán sự Cực Nam sẽ trực tiếp chỉ đạo các hướng của Tỉnh Lâm Đồng.

2) Phát huy thắng lợi, góp phần kết thúc cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp:

Thắng lợi của Quân và Dân ta ở Hòa Bình, Tây Bắc và các chiến trường trong cả nước đã làm thay đổi so sánh lực lượng ngày càng có lợi cho ta. Thực dân Pháp càng dấn sâu vào cuộc chiến tranh phi nghĩa, càng bị thất bại nặng nề, nước Pháp đang gặp khó khăn nhiều mặt, nhất là chi phí cho cuộc chiến tranh ở Đông Dương. Lực lượng quân Viễn chinh và quân nguy tăng lên rất nhiều, nhưng đó là một đội quân chán ghét chiến tranh, sa sút tinh thần. Trước tình hình đó, Chính phủ

Pháp đang tính một giải pháp danh dự là tiến hành thương lượng với Chính phủ ta, nhưng thương lượng trên thế mạnh.

Tháng 5 năm 1953, tướng Na-Va Tổng tham mưu trưởng lực lượng quân khối quân sự Bắc Đại Tây Dương được cử sang làm Tổng chỉ huy quân đội Viễn chinh Pháp ở Đông Dương và được giao trách nhiệm tạo ra những thế mạnh về quân sự để làm cơ sở cho giải pháp chính trị. Sau khi nghiên cứu tình hình, Na-Va thấy cần phải cứu miền Trung, chặn đường bộ từ Tây Bắc sang Thượng Lào, xuống Hạ Lào và vùng Nam Đông Dương. Kế hoạch Na-Va ra đời chia làm hai bước, mà trọng tâm của kế hoạch là tổ chức khối chủ lực tác chiến. Đầu Xuân năm 1953—1954 lực lượng chủ lực đã tăng lên 100 tiểu đoàn bộ binh, chúng tập trung 50 % lực lượng và hơn 90 % các lực lượng cơ động trên chiến trường Đông Dương được điều ra Bắc bộ.

Đối với Liên khu V, trong suốt năm 1953 địch tích cực củng cố vùng chúng kiểm soát, nhất là vùng Tây Nguyên. Lực lượng nguy quân phát triển mạnh để thay thế lực lượng cơ động điều ra chiến trường chính, chúng còn tập trung lực lượng để thực hiện âm mưu chiếm toàn bộ vùng tự do Liên khu V.

Ở các Tỉnh Cực Nam địch đẩy mạnh các hoạt động quân sự, chính trị, kinh tế. Bằng những cuộc hành quân càn quét chúng bắt lính ồ ạt, chỉ tính ở các tỉnh Ninh Thuận, Bình Thuận đã có trên 3000 thanh niên bị bắt vào lính. Lực lượng nguy quân được tổ chức thành những đơn vị khinh quân, biệt kích để thay thế cho lực lượng cơ động, lực lượng Gụm tiếp tục phát triển trong vùng đồng bào dân tộc ít người. Về chính trị, chúng ra sức tuyên truyền để mua chuộc, lừa bịp nhân

dân như «bắt lính cho Bảo Đại chứ không phải bắt lính cho Tây; Tây đã trả độc lập cho Bảo Đại, hoặc Việt Minh và Bắc Đại là một».

Hoạt động của địch ở Lâm Đồng đã gây cho ta nhiều khó khăn, trở ngại. Ở ngoại ô Đà Lạt và vùng Tây Bắc, lực lượng Gum đã trở thành địa phương quân, được bố trí chiếm đóng ở một số đồn bốt. Chúng ra sức gây chia rẽ, hằn thù giữa các dân tộc, giữa Kinh và Thượng nhằm ngăn chặn mọi hoạt động của ta và nắm quyền kiểm soát các làng. Lính ở các đồn và lực lượng địa phương quân phối hợp tổ chức các cuộc hành quân, trung bình mỗi tháng có 10 cuộc hành quân lớn nhỏ. Hàng tháng địch tập trung lực lượng Gum về các đồn để luyện tập quân sự.

Hệ thống nguy quyền các cấp tiếp tục được củng cố và bổ nhiệm thêm các chức vụ mới. Điều hành bộ máy hành chính, thị xã có Thị trưởng và hai phó thị trưởng, Đà Lạt được chia ra thành 10 khu phố. Ngoài ra còn có Hội đồng thị xã, nhưng thành phần đa số là tư sản nên mâu thuẫn nội bộ của bọn tay sai ngày càng gay gắt giữa bọn thân Pháp và bọn thân Mỹ.

Chính sách bóc lột kinh tế bằng các hình thức xâu, thuế ngày càng nặng nề hơn, các thứ thuế đều tăng từ 30 đến 50%. Trong vùng đồng bào dân tộc ít người thuế thân tăng từ 100 đồng lên 500 đồng (riêng trẻ em cũng phải đóng 50 đồng). Mỗi tháng mỗi «bà chỉ» phải nộp thêm 20 đồng để lấy giấy chứng nhận của Bảo Đại và đi xâu từ 15 đến 20 ngày. Ngoài ra chúng còn đặt ra thuế rẫy, thuế đốt than và đóng tiền xe cho bọn tề mỗi lần đi lên huyện, lên đồn, có khi chúng còn vu khống cả làng làm Việt Minh để phạt vạ. Những hình

thức bốc lột, áp bức của địch đã làm cho đời sống nhân dân các dân tộc trong Tỉnh vô cùng khổ cực.

Phát huy những kết quả đã đạt được trong quá trình vận dụng phương châm, phương thức công tác, cán bộ chiến sĩ các đội xây dựng cơ sở vẫn kiên trì bám trụ địa bàn, bám sát quần chúng để hoạt động. Năm 1953 là thời kỳ gặp nhiều khó khăn vì địch đánh phá ác liệt, các đội công tác phải tự giải quyết vấn đề lương thực, có khi phải ăn các loại rau rừng ⁽¹⁾ để tiếp tục hoạt động, móc nối cơ sở. Đội 77 gặp nhiều khó khăn trong việc xây dựng cơ sở vùng đồng bào dân tộc ít người nên đã đứng chân trên địa bàn người Kinh và thông qua những cơ sở người Kinh trong việc mua bán, trao đổi với đồng bào dân tộc để xây dựng cơ sở, tranh thủ tầng lớp trên và bọn Gum ở các làng. Có đội công tác bị hy sinh chỉ còn lại đồng chí đội trưởng vẫn tiếp tục bám trụ địa bàn, xây dựng cơ sở. Các chiến khu của Thị ủy Đà Lạt và nơi đóng quân của các đội công tác thường xuyên di chuyển vì địch lùng sục, cần quét.

Vượt qua mọi gian khổ, ác liệt cán bộ chiến sĩ các đội xây dựng cơ sở đã tích cực tuyên truyền vận động nhân dân đấu tranh chống địch bằng nhiều hình thức. Tại thị xã Đà Lạt phong trào đấu tranh chống bắt lính phát triển mạnh, nhiều chị em có quyết tâm « nếu chồng bị bắt đi lính thì sẽ đốt nhà và bỏ con đi theo », một số thanh niên cố tình gây thương tật để khỏi bị bắt lính. Trong tháng 7 năm 1953 địch dự định bắt 105

(1) Vì đói phải ăn rau nhưng đã hết các thứ rau ăn được, sau cùng có 1 loại cây hồi đồng bào không biết, đói quá đành phải ăn. Lần đầu đ/c Thanh Vân ăn thử để phòng ngộ độc sau đó cả đại đội cùng ăn. Hết lá đó lại ăn thứ lá khác, do đ/c Thanh Phát ăn thử..., từ đó đặt tên rau Thanh Vân, Thanh Phát.

người nhưng chỉ bắt được 60 người, khi đưa xuống Sài Gòn đã bỏ trốn chỉ còn 17 người. Trong khi đó những binh lính bị thương ở các chiến trường được đưa về điều trị tại Đà Lạt đã bộc lộ tư tưởng chán ghét chiến tranh, hoang mang giao động, ảnh hưởng đến tinh thần quân lính đang huấn luyện tại đây, có người liên lạc với cơ sở và thoát ly ra chiến khu, hoặc cố vi phạm kỷ luật để khỏi ra mặt trận. Ở các làng phần đông hội tề có tư tưởng lưng chừng, cố tình làm chậm trễ hoặc không thi hành một số chủ trương của địch.

Chiến thắng của quân và dân ta trên các chiến trường đã có tác động lớn đến tinh thần của các tầng lớp nhân dân Đà Lạt, nhiều hình thức đấu tranh đã được đồng bào nhân dân hưởng ứng. Đối với luận điệu tuyên truyền « độc lập » giả hiệu của địch, đồng bào thường mỉa mai « độc lập gì mà còn Tây », « độc lập gì mà còn sưu cao thuế nặng ». Nhiều thủ đoạn bóc lột kinh tế đã bị nhân dân kịch liệt phản đối như đóng thuế chợ, góp tiền làm đình (150 đồng/1 người), hoặc chống lại việc bắt mỗi gia đình phải mua ba tờ khai in sẵn (9 đồng). Ở một số vùng trồng rau, đồng bào đấu tranh không mua phân viện trợ Mỹ. Trong các kỳ bầu cử hội đồng thị xã, khu phố, nhiều người không chịu đi bỏ phiếu hoặc bầu cử không hợp lệ. Những nơi địch đồn dân, đồng bào đấu tranh đòi trả chi phí, cuối cùng địch phải nhượng bộ.

Phong trào đấu tranh của công nhân tại thị xã Đà Lạt cũng thu được nhiều kết quả công nhân ngành xe lửa đấu tranh đòi tăng lương 13%, thực hiện ngày làm 8 giờ, công nhân ở ga ra Mác-ti-nét-sơ (Martineche) đòi tăng lương 20%, một số thợ máy đem trả thẻ môn bài cho địch.

Cuối năm 1953 ở Đà Lạt, Dran, M'Lon đã tổ chức và củng cố được 294 hội viên cứu quốc, thành phần công nhân chiếm 30%, nông dân 52%, phụ nữ 40%. Các đội xây dựng cơ sở đã vận dụng nhiều hình thức tổ chức thích hợp để tuyên truyền, giáo dục, vận động nhân dân tham gia và ủng hộ kháng chiến. Tại thị xã Đà Lạt đã có trên 200 hội viên cứu quốc, trong đó có những hội viên là tín đồ tôn giáo, nguy quân nguy quyền và phát triển được 11 đảng viên. Các tổ chức công khai hợp pháp như hội thợ mộc, thợ hồ, hội phổ hiếu, hội văn công..., đã tập hợp đông đảo quần chúng tham gia. Nội ô Đà Lạt và vùng Trại Hầm, Xuân An, Tân Lạc, cây số 4, 6, 7, 9 phong trào phát triển mạnh. Ở Dran, M'Lon, phong trào tuy phát triển chậm nhưng bảo đảm chất lượng. Tại Lạc Lâm, Lạc Nghĩa, Trạm Hành cơ sở cũ được củng cố và phát triển thêm cơ sở mới.

Nhằm giữ vững chỗ đứng chân ở Tây Bắc, Thượng Lào và cầm « chốt » quan trọng ở một vùng chiến lược ở Đông Nam Châu Á, thực dân Pháp và đế quốc Mỹ tập trung lực lượng xây dựng Điện Biên Phủ thành một tập đoàn cứ điểm kiên cố nhất của chúng ở Đông Dương, vì vậy Điện Biên Phủ trở thành điểm trung tâm của kế hoạch Nà-Va.

Quyết tâm đánh bại âm mưu và hành động của địch, giành thắng lợi quyết định trên chiến trường, ngày 6 tháng 12 năm 1953 Bộ Chính trị quyết định mở chiến dịch Điện Biên Phủ. Ý nghĩa của chiến dịch như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ rõ: « Chiến dịch có ý nghĩa rất quan trọng không những về quân sự mà cả về chính trị, không những đối với trong nước mà đối với thế giới. Vì vậy, toàn quân, toàn dân, toàn Đảng phải tập trung

hoàn thành cho kỳ được» (1). Qua ba đợt tấn công, đến 17 giờ 30 phút ngày 7 tháng 5 năm 1954, chiến dịch Điện Biên Phủ toàn thắng, tướng Đờ-cát-tơ-ri và hàng ngàn sĩ quan, binh lính bị bắt sống. Cuộc tiến công chiến lược Đông Xuân 1953 — 1954 mà đỉnh cao là chiến dịch Điện Biên Phủ kết thúc đã đập tan toàn bộ kế hoạch Na-Va, mở ra một khả năng giải phóng hoàn toàn đất nước ta. Trong thời gian này quân đội giải phóng Lào đã tiến công giải phóng Phông-Sa-Lý, phối hợp với quân giải phóng Cam-Pu-Chia tiêu diệt một bộ phận quân địch ở Trung Lào, Hạ Lào và Đông Bắc Cam-Pu-Chia mở rộng vùng giải phóng đến sau lưng Sài Gòn, đường chiến lược Bắc Nam Đông Dương được thông suốt, tạo bàn đạp chiến lược Tây Nguyên.

Phối hợp với chiến dịch Điện Biên Phủ, quân và dân liên khu 5 đã mở nhiều chiến dịch giành thắng lợi to lớn. Ngày 15 tháng 2 năm 1954 giải phóng hoàn toàn tỉnh Kontum. Ngày 21 tháng 3 năm 1954 quân ta tập kích lần thứ hai vào thị xã Plây-kun ngày 24 tháng 5 phục kích đánh tiêu diệt binh đoàn cơ động 100 binh đoàn thiện chiến của Pháp vừa điều từ mặt trận Triều Tiên về, giải phóng một phần tỉnh Gia Lai và đang trên đà phát triển chiến thắng xuống phía Nam. Quân và dân các tỉnh duyên hải miền Trung đã bẻ gãy cuộc hành quân Át-Lăng của địch (2). Chỉ tính trong 6 tháng đầu năm 1954, toàn Liên khu V đã tiêu diệt và làm tan rã trên 22.000 tên địch.

(1) Thư Hồ Chủ tịch gửi đồng chí Võ Nguyên Giáp tháng 12-1953.

(2) Để chiếm đóng vùng tự do Liên khu V, kế hoạch hành quân Át-lăng của địch có 3 bước: Bước 1 đánh chiếm Tuy Hòa, Phú Yên. Bước hai, đánh chiếm Quy Nhơn, Nam Bình Định. Bước ba, phối hợp hai cánh quân từ Quảng Nam vào và từ Bình Định ra hợp điểm tại thị xã Quảng Ngãi.



Đội vũ trang tuyên truyền của Tỉnh làm lễ xuất quân lên hoạt động vùng Tây Bắc Đà Lạt. Ảnh chụp ngày 5 tháng 1 năm 1952 tại Suối Sơn, xã. Hàm Trĩ, huyện Hàm Thuận, tỉnh Bình Thuận.

Tại các vùng bị chiếm, phong trào đấu tranh chống bắt lính, đấu tranh chính trị lên cao.

Thắng lợi dồn dập trên khắp các chiến trường trong cả nước đã có tác động mạnh mẽ đến tình hình Cực Nam và Lâm Đồng. Để phối hợp hoạt động giữa các Tỉnh Cực Nam và chuẩn bị mở chiến dịch, đầu năm 1954 Ban cán sự Cực Nam chủ trương thành lập Ban chuẩn bị chiến trường gồm có đại diện Tỉnh ủy Bình Thuận, Ban cán sự Lâm Đồng, trung đoàn 812. Ban này có nhiệm vụ theo dõi tình hình địch, làm kế hoạch chiến dịch, và chỉ đạo các Tỉnh gấp rút có kế hoạch và đẩy mạnh các hoạt động.

Ở Ninh Thuận, bộ đội địa phương đã tiêu diệt hàng trăm tên địch, bức rút nhiều đồn bốt, giải phóng trên 50 thôn.

Tại Bình Thuận, lực lượng vũ trang địa phương phối hợp với trung đoàn 812 mở chiến dịch giải phóng Tỉnh Linh, mở rộng hành lang phía Tây Tỉnh Bình Thuận và vùng giáp ranh với tỉnh Lâm Đồng, tiêu diệt hàng ngàn tên địch, giải phóng hàng vạn dân, chiến khu Lê Hồng Phong được mở rộng.

Đầu năm 1954, Ban cán sự Cực Nam quyết định thành lập Ban cán sự huyện Di Linh (bao gồm cả Blao), đồng chí Lê Tấn Thăng ủy viên Ban cán sự Lâm Đồng làm bí thư Ban cán sự huyện. Các đội Xây dựng cơ sở ở Đại Ninh, Di Linh, Blao tiếp tục mở rộng địa bàn hoạt động.

Vượt qua những khó khăn, gian khổ và ác liệt, các đội Xây dựng cơ sở đã kiên trì bám trụ địa bàn, bám sát quần chúng để đưa phong trào cách mạng ở địa phương không ngừng phát triển.

Công tác xây dựng cơ sở đã được chú trọng trong đồng bào dân tộc ít người ở ngoại ô thị xã và vùng Tây Bắc Đà Lạt. Vùng Đăng-Gia-Rit, Bờ-Nơ trước đây có nhiều khó khăn phức tạp, đến cuối năm 1953 đã xây dựng được nhiều cơ sở, phần lớn đồng bào đã tiếp xúc với cán bộ. Trong quá trình vận dụng phương châm, phương thức hoạt động, các đội công tác đã có nhiều linh hoạt, sáng tạo vì vậy ở một số nơi như Pro-Teng, Tổng Lạch, Bờ-Nơ... đã tranh thủ được tầng lớp trên, lực lượng Gum và hội tề. Tuy vậy các đội vẫn kiên trì tuyên truyền vận động và thuyết phục, nói rõ chính sách âm mưu và thủ đoạn của địch đối với đồng bào các dân tộc ít người.

Tại thị xã Đà Lạt, cơ sở cách mạng tích cực được phát triển trong các tầng lớp nhân dân, lực lượng thanh niên thị xã được tổ chức thành những đơn vị nhỏ hoạt động bí mật và hỗ trợ cho phong trào đấu tranh chính trị của nhân dân. Trước sự phát triển của phong trào, địch lại tìm cách đối phó và có những hành động khủng bố, đàn áp dã man. Cuối năm 1953, địch bắt bà Xu Nguyên, một cơ sở cách mạng rất trung kiên, đã nhiều năm tiếp tế cho chiến khu, chúng tra tấn đánh đập dã man nhưng bà vẫn không khai và giữ vững khí tiết đến hơi thở cuối cùng. Trước hành động dã man tàn bạo của địch, cơ sở cách mạng tại thị xã đã vận động nhân dân biến đám tang thành một cuộc biểu tình đấu tranh chính trị, có sự hỗ trợ của lực lượng thanh niên, tự vệ. Các cơ quan, đội công tác đã tổ chức lễ truy điệu tỏ lòng khâm phục trước tinh thần hy sinh anh dũng của một cơ sở cách mạng.

Đề tạo bàn đạp vững chắc cho các đội công tác lên hoạt ở Di Linh, Blao, khu du kích Mang Yệu — Chí Lai

ngày càng trở nên củng cố, mỗi xã có 1 trung đội du kích tập trung (*) và hầu hết mỗi buôn đều có 1 tiểu đội. Nhiệm vụ của lực lượng du kích địa phương là thường xuyên trình sát nắm tình hình địch kịp thời báo cho nhân dân đi đối phó, tổ chức tác chiến đánh địch căn quét vào chiến khu. Các đội xây dựng cơ sở ở các Tổng K'Don, Nộp đã vào ở hẳn trong các làng và được nhân dân nuôi dưỡng, che chở. Qua tuyên truyền giáo dục, các đội đã tranh thủ được tầng lớp trên, lực lượng Gum và hội tế ở nhiều buôn. Trong vùng đồng bào dân tộc ít người ở Di Linh, Blao, cơ sở cách mạng phát triển rộng khắp, các chi bộ đã kết nạp được 4 đảng viên là người dân tộc, đó là lực lượng nòng cốt và tiền thân cho phong trào cách mạng địa phương.

Phối hợp với các chiến trường trong Liên khu V và các Tỉnh Cực Nam, lực lượng vũ trang Trung đoàn 812 và lực lượng vũ trang Lâm Đồng mở trận tập kích vào các đồn La Dày, Gia Bát, Tân Linh trong đêm ngày 6 rạng ngày 7 tháng 4 năm 1954. Với sự phối hợp chặt chẽ, cả ba đồn đều bị tiêu diệt gọn, giải phóng một vùng rộng lớn gồm hàng ngàn dân và nối liền với vùng giải phóng phía Tây Bình Thuận. Sáng ngày 7 tháng 4, đội công tác và lực lượng du kích xã đã chặn đánh 1 trung đội đi tuần tại buôn B'Ran, diệt 1 số tên, những tên còn lại chạy toán loạn nhưng mấy ngày sau, đó chúng đã trình diện và nộp súng.

Phát huy thắng lợi, các đơn vị tiếp tục tiến lên tiêu diệt các đồn Tà-Xi, Suối Kiết, Lút xe... và mở rộng địa bàn hoạt động ở huyện Di Linh. Các đội xây dựng cơ

(*) Trung đội ở xã Chí Lai có 4 tiểu đội ở 4 thôn mỗi tiểu đội có từ 10 đến 15 du kích. Trung đội ở xã Mang Yệu có 2 tiểu đội với 32 du kích.

sở chuyển sang hoạt động trong các làng phía Bắc huyện Di Linh, lên đến vùng Loan, Tà In, La Hoàn... (giữa huyện Đơn Dương và huyện Đức Trọng hiện nay). Như vậy vùng du kích được mở rộng bao gồm khu căn cứ Mang Yệu — Chi Lai và toàn bộ Tổng K'Dôn, Tổng Châu Trung và Bảo Thuận; phía Tân Linh đã nối liền với Tổng La Dạ và Tổ La. Trong thời gian này, do bị bọn xấu kích động, tuyên truyền nên một số đồng bào dân tộc đã chạy đến Di Linh, cán bộ chiến sĩ các đội công tác đã nêu cao ý thức tổ chức kỷ luật, bảo vệ tốt tài sản của nhân dân, tiếp tục ổn định đời sống của đồng bào còn lại trong các buôn. Những việc làm đó có tác dụng và ảnh hưởng rất lớn, nhiều bà con đã trở về làng cũ làm ăn.

Thắng lợi Đông Xuân 1953 — 1954 mà đỉnh cao là chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ đã làm cho cơ sở cho Hội nghị Giơ-ne-vơ về vấn đề Đông Dương đi đến thắng lợi. Ngày 20 tháng 7 năm 1954 Hiệp định Giơ-ne-vơ được ký kết, quy định các nước tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân Việt Nam, Lào, Cam-pu-chia ngừng bắn ở Việt Nam và trên toàn chiến trường Đông Dương; Pháp phải rút quân về nước, vĩ tuyến 17 là giới tuyến quân sự tạm thời... Tiến tới Tổng tuyển cử thống nhất nước nhà.

Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược của nhân dân ta đã kết thúc thắng lợi. Đó là cuộc kháng chiến đầy hy sinh gian khổ nhưng vô cùng oanh liệt của quân và dân ta dưới sự lãnh đạo tài tình, đúng đắn và sáng suốt của Đảng.

Trước khi hiệp định Giơ-ne-vơ được ký kết, Ban chấp hành Trung ương Đảng đã họp Hội nghị lần thứ 6 mở rộng (từ ngày 15 đến ngày 18 tháng 7 năm 1954)

Hội nghị nhận định Đế quốc Mỹ là kẻ thù chính của nhân dân thế giới và cũng là kẻ thù của nhân dân Việt Nam. Vì vậy trong giai đoạn mới nhân dân ta chia mỗi nhón đấu tranh vào Đế quốc Mỹ và bọn hiếu chiến Pháp để bảo vệ độc lập, chủ quyền dân tộc, thực hiện thống nhất nước nhà. Hội nghị đề ra 10 công tác trước mắt cho toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta để hoàn thành thắng lợi những nhiệm vụ trên.

Cùng với nhân dân cả nước, nhân dân Lâm Đồng phấn khởi trước những thắng lợi của quân và dân ta trên các chiến trường, thường xuyên theo dõi những diễn biến ở Hội nghị Giơ-ne-vơ. Trong lúc này bộ máy nguy quân, nguy quyền đã mất tinh thần và hoang mang cực độ, nhiều tên bỏ ngũ hoặc nằm im.

Được sự chỉ đạo của Liên khu ủy V và Ban cán sự Cục Nam về việc thi hành Hiệp định Giơ-ne-vơ, tất cả cán bộ, chiến sĩ Tỉnh Lâm Đồng tập trung về Bình Thuận để học tập tinh thần Hiệp định và thực hiện chuyển quân tập kết.

Sau khi học tập tinh thần Hiệp định và quán triệt tinh thần Hội nghị lần thứ 6 của Ban chấp hành Trung ương Đảng, Ban cán sự Cục Nam đã cử một số cán bộ, chiến sĩ ở lại bám địa bàn tiếp tục hoạt động, chuẩn bị điều kiện để bước sang giai đoạn cách mạng mới, giai đoạn đấu tranh thống nhất nước nhà.

Sau hơn hai năm vận dụng phương châm, phương thức hoạt động thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ hai của Trung ương Đảng (tháng 9 năm 1951) về công tác vùng sau lưng địch và các Nghị quyết của Liên khu ủy V về công tác vùng tạm bị chiếm, Đảng bộ Lâm Đồng đã tập trung chỉ đạo, đưa phong trào cách mạng ở địa phương không ngừng phát triển.

Do vận dụng đúng phương châm, phương thức hoạt động nên đã từng bước vượt qua được mọi khó khăn, gian khổ mở rộng thêm địa bàn hoạt động. Ban cán sự Tỉnh đã tập trung chỉ đạo các đội Xây dựng cơ sở, thực hiện tốt phương châm «kiên trì vận động cách mạng, tích cực xây dựng cơ sở» và trên từng địa bàn đã có sự vận dụng linh hoạt, sáng tạo. Việc thành lập Phân Ban cán sự Miền Tây Bắc Lâm Đồng đã kịp thời thống nhất sự chỉ đạo và phối hợp hoạt động giữa Thị xã Đà Lạt và vùng Tây Bắc, đặc biệt là trong đồng bào dân tộc ít người. Tuy còn nhiều mặt hạn chế nhưng đó là sự phối hợp hoạt động giữa thành thị với nông thôn, giữa vùng Kinh và vùng đồng bào dân tộc ít người, đánh bại mọi âm mưu và hành động của địch nhằm chia rẽ, gây thù hằn giữa các dân tộc.

Công tác xây dựng và phát triển Đảng được tiến hành thường xuyên. Ban cán sự Tỉnh chỉ đạo các đội xây dựng cơ sở chú trọng công tác giáo dục chính trị tư tưởng, nâng cao nhận thức. Cán bộ chiến sĩ được rèn luyện, thử thách và trưởng thành về mọi mặt đã kiên trì bám trụ địa bàn, bám sát quần chúng để hoạt động. Từ phong trào cách mạng của quần chúng, các chi bộ đã bồi dưỡng và kết nạp được nhiều Đảng viên tại chỗ, trong đó có một số Đảng viên người dân tộc.

Tuy nhiên phong trào cách mạng ở địa phương phát triển còn chậm và còn nhiều mặt hạn chế. Một số cán bộ chiến sĩ chưa thật quán triệt đầy đủ phương châm, phương thức hoạt động, tư tưởng kháng chiến lâu dài nhưng nhất định thắng lợi, ý thức bình đẳng dân tộc và tôn trọng phong tục tập quán trong công tác vận động đồng bào dân tộc ít người. Phong trào có phát triển nhưng chưa đều khắp và chưa có sự phối hợp

chặt chẽ nhằm tạo thành phong trào đấu tranh rộng lớn trên tất cả các mặt, thu hút mọi tầng lớp nhân dân tham gia công tác xây dựng chi bộ và phát triển Đảng viên chưa đáp ứng với nhiệm vụ chính trị, số lượng còn ít, chất lượng còn yếu.

oOo

Ban gần 4 năm hợp nhất, được sự chỉ đạo của Liên khu ủy V, Ban cán sự Cực Nam và sự giúp đỡ về mọi mặt của các Tỉnh bạn, phong trào cách mạng ở Lâm Đồng đã có nhiều chuyển biến mạnh mẽ và đạt được những thành tích đáng tự hào.

Là một Tỉnh có vị trí chiến lược quan trọng ở Tây Nguyên và Nam Đông Dương, từ lâu thực dân Pháp đã tập trung xây dựng Lâm Đồng và nhất là thị xã Đà Lạt từng bước trở thành trung tâm chính trị, quân sự, một trung tâm nghỉ dưỡng lớn nhất của thực dân Pháp ở Đông Dương, vì vậy thực dân Pháp coi Lâm Đồng là hậu phương an toàn nhất của chúng. Quyết tâm đánh bại mọi âm mưu, hành động của địch, Liên khu ủy V, Ban cán sự Cực Nam đã tập trung chỉ đạo và xác định «Lâm Đồng là chiến trường chính của Cực Nam, nhưng là chiến trường gây cơ sở». Từ cuối năm 1951 Ban cán sự Tỉnh Lâm Đồng tập trung chỉ đạo các hoạt động ở nội địa, nhất là phong trào diệt tề, trừ gian ở thị xã Đà Lạt, nhiều tên ác ôn có nhiều nợ máu với nhân dân đã bị trừng trị. Phong trào phát triển mạnh, hàng trăm thanh niên, công nhân, học sinh thoát ly ra chiến khu tham gia kháng chiến. Tại thị xã Đà Lạt nhiều tổ chức quần chúng hoạt động tích cực, tiêu biểu là phụ nữ chợ, thanh niên, học sinh... thu hút hàng ngàn người tham gia. Những cuộc bãi thị, biểu tình ngày càng phát triển,

từ chỗ đấu tranh đòi quyền lợi về kinh tế đã có nhiều cuộc đấu tranh chính trị rộng lớn thể hiện lòng yêu nước và căm thù giặc của các tầng lớp nhân dân Đà Lạt.

Đối phó với sự phát triển của phong trào, địch đã tập trung mọi lực lượng để đàn áp, khủng bố dã man. Phong trào cách mạng có khi tạm lắng xuống nhưng cán bộ chiến sĩ vẫn kiên trì bám trụ địa bàn, bám nhân dân để hoạt động, cơ sở cách mạng vẫn tìm cách liên lạc, tiếp tế cho chiến khu.

Quá trình vận dụng phương châm, phương thức hoạt động vùng sau lưng địch đã có nhiều kết quả, nhất là vùng đồng bào dân tộc ít người. Trong khi địch tìm mọi cách để mua chuộc, lôi kéo đồng bào dân tộc ít người, tổ chức các tổ vũ trang và phát triển tôn giáo nhằm ngăn chặn mọi hoạt động của ta thì các đội Vũ trang tuyên truyền, xây dựng cơ sở đã dùng địa bàn người Kinh để vận động, tuyên truyền và xây dựng cơ sở trong đồng bào dân tộc. cùng với việc xây dựng cơ sở chính trị, các đội công tác còn tích cực vận động và tranh thủ các Già làng, bọn Hội tế và tranh thủ được lực lượng Gum. Với sự phát triển của phong trào, nhiều nơi đã xây dựng được lực lượng du kích địa phương, chú ý bồi dưỡng đội ngũ cán bộ tại chỗ làm lực lượng trung kiên và nòng cốt của phong trào. Ở một số địa bàn, cán bộ chiến sĩ các đội công tác đã thực hiện cùng với đồng bào để xây dựng phong trào, vận động nhân dân không hợp tác với địch, không đi xấu đi lính, nộp thuế và vận động binh lính ở các đồn trở về với gia đình.

Công tác xây dựng và phát triển Đảng được chú trọng từ Tỉnh đến cơ sở, tổ chức Đảng và lực lượng Đảng

phong trào chưa nhiều nhưng đã thực sự đóng vai trò lãnh đạo phong trào cách mạng ở địa phương. Nhiều tổ chức Đảng được thành lập ở những nơi có phong trào phát triển mạnh như chợ Đà Lạt, Trại Hầm, nhà ga, trường Võ bị quốc gia. Đến cuối năm 1953 đã phát triển được 11 đảng viên tại chỗ, trong đó có 7 đảng viên là dân tộc ít người. Đội ngũ cán bộ, đảng viên thường xuyên được học tập và quán triệt các chủ trương đường lối kháng chiến của Đảng, do đó đã nâng cao nhận thức, giác ngộ cách mạng. Những lúc địch đánh phá ác liệt, điều kiện hoạt động gặp nhiều khó khăn nhưng cán bộ, đảng viên vẫn kiên trì bám địa bàn, bám quần chúng để hoạt động, giữ vững phong trào.

Tuy vậy, phong trào cách mạng ở địa phương vẫn còn hạn chế và chưa đáp ứng được yêu cầu chung của cuộc cách mạng. Phong trào phát triển chưa đều trên các địa bàn của Tỉnh và chưa có sự phối hợp chặt chẽ với nhau. Ở thị xã Di Linh, các đồn điền và các làng Kinh diên đường 20 chưa xây dựng được cơ sở cách mạng. Do ở xa sự chỉ đạo của Trung ương và Liên khu, ủy V, nên nhiều chủ trương đường lối của Đảng đến với địa phương chậm, chưa phối hợp được với các chiến trường khác.

Trong quá trình vận dụng các phương châm, phương thức hoạt động, nhiều nơi phong trào còn mang tính chất hình thức phổ trương lực lượng. Hoạt động diệt tề trừ gian đã tiến hành ồ ạt, lan tràn không kết hợp với việc xây dựng, củng cố và bảo vệ cơ sở chính trị, do đó phong trào có khi gặp khó khăn, tổn thất. Hoạt động trong vùng đồng bào dân tộc ít người nhưng một số cán bộ, chiến sĩ chưa hiểu được phong tục tập quán của đồng bào địa phương nên đã dùng mệnh lệnh để

bất đồng bảo thực hiện một số chủ trương. Công tác xây dựng cơ sở, chính quyền cách mạng ở thôn xã còn mang hình thức, xem nhẹ việc củng cố, chạy theo số lượng mà chưa chú trọng bảo đảm chất lượng.

Công tác phát triển Đảng còn chậm so với sự phát triển của phong trào cách mạng ở địa phương, nhiều nơi phong trào phát triển mạnh nhưng chưa có đảng viên tại chỗ để làm nòng cốt và trực tiếp lãnh đạo. Do đó ở một số nơi khi cán bộ, chiến sĩ các đội công tác rút đi làm nhiệm vụ ở nơi khác thì phong trào lại sút kém, cơ sở nằm im. Việc phát triển Đảng chưa chú trọng đến những nơi có phong trào cách mạng khá như công nhân, phụ nữ và trong đồng bào dân tộc ít người.

Cán bộ, chiến sĩ các đội công tác tuy đã được quán triệt và học tập phương châm, phương thức hoạt động nhưng trong quá trình vận dụng còn máy móc, lúng túng, chưa thật sự thấm nhuần quan điểm kháng chiến lâu dài, phương châm kiên trì vận động cách mạng của Đảng và công tác bí mật, công tác hoạt động công khai hợp pháp.

Những mặt còn tồn tại trên đã làm ảnh hưởng đến sự phát triển của phong trào cách mạng ở địa phương. Đó cũng là những bài học cần được rút ra từ thực tiễn của một giai đoạn cách mạng, làm phong phú thêm kinh nghiệm lãnh đạo của Đảng bộ Lâm Đồng trong các giai đoạn cách mạng sau này.

PHẦN THỨ BA

KẾT LUẬN

Qua chín năm kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân các dân tộc Lâm Đồng đã tiến hành cuộc kháng chiến đầy hy sinh gian khổ nhưng vô cùng anh dũng, góp phần thắng lợi vào sự nghiệp giải phóng dân tộc.

Cách mạng tháng Tám năm 1945 thắng lợi, chính quyền các cấp trong Tỉnh được thành lập. Đó là chính quyền dân chủ nhân dân đầu tiên thật sự đem lại quyền lợi cho nhân dân lao động. Phấn khởi và tự hào với những thành tích đã đạt được, nhân dân các dân tộc anh em trong Tỉnh cùng nhau đoàn kết để xây dựng và củng cố chế độ mới. Cuộc chiến đấu chống quân Nhật trong những ngày đầu của chính quyền Cách mạng để bảo vệ độc lập, chủ quyền của đất nước, đã thể hiện ý chí và truyền thống yêu nước, sức mạnh của các tầng lớp nhân dân ở địa phương. Tinh thần đó tiếp tục được giữ vững và phát huy trong những năm tiến hành cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.

Trở lại xâm chiếm nước ta một lần nữa, thực dân Pháp có ý đồ xây dựng Lâm Đồng thành hậu phương an toàn, là nơi cố thủ cuối cùng của chúng ở Nam Đông Dương và Đà Lạt trở thành trung tâm nghỉ dưỡng cho những tên Thực dân, nhưng âm mưu đó đã bị thất bại.

Đề chuẩn bị kháng chiến bộ đội vệ quốc đoàn, lực lượng dân quân tự vệ và các tầng lớp nhân dân trong Tỉnh tiến hành xây dựng nhiều phòng tuyến để ngăn chặn và đánh địch. Cuộc chiến đấu giữa ta và địch đã diễn ra vô cùng ác liệt, nhưng vì lực lượng vũ trang cách mạng còn quá ít, vũ khí thô sơ, trình độ tác chiến còn non kém nên phải tạm thời rút lui để giữ gìn lực lượng và chuẩn bị điều kiện tiến hành kháng chiến lâu dài. Bước vào cuộc kháng chiến, cán bộ, chiến sĩ còn nhiều lúng túng, ngỡ ngàng chưa có kinh nghiệm, nhưng nhờ có đường lối chủ trương đúng đắn của Đảng, lại có sự chỉ đạo trực tiếp của cấp trên nên những hạn chế đó dần dần được khắc phục, từng bước đề ra những chủ trương, nhiệm vụ và biện pháp công tác thích hợp.

Là chiến trường chính của Cục Nam, nhiệm vụ chủ yếu của Lâm Đồng là xây dựng cơ sở chính trị trong quần chúng, đẩy mạnh các hoạt động để kìm chế địch, phối hợp với các chiến trường. Trong quá trình kháng chiến nhiều cán bộ, chiến sĩ đã kiên trì bám địa bàn, phát động phong trào cách mạng của quần chúng. Ở thị xã Đà Lạt và các làng người Kinh dọc các đường giao thông phong trào cách mạng có lúc lên cao, sôi nổi rầm rộ, lôi cuốn cả tầng lớp trên, những người lưng chừng và trong hàng ngũ địch tham gia hoạt động diệt tề trừ gian của đội cảm tử và các đội Vũ trang tuyên truyền đã gây cho địch nhiều khó khăn khốn đốn, thị xã Đà Lạt không còn là nơi an toàn của chúng.

Đề chuẩn bị cho cuộc kháng chiến lâu dài, tỉnh Đồng Nai Thượng đã sớm ổn định các cơ quan cấp Tỉnh; xây dựng các khu tản cư trở thành căn cứ, thành lập các đội Vũ trang tuyên truyền tiến về nội địa hoạt động. Tuy gặp nhiều khó khăn, thiếu thốn nhưng lãnh đạo

đã kịp thời đề ra chủ trương và biện pháp để đẩy mạnh tăng gia sản xuất, phát hành tín phiếu, mở các lớp bình dân học vụ, tổ chức các hoạt động tuyên truyền văn hóa văn nghệ có nhiều kết quả. Hoạt động trong vùng đồng bào dân tộc ít người, các đội Vũ trang tuyên truyền đã tổ chức được hàng ngàn cơ sở chính trị và xây dựng chính quyền cách mạng trong gần 100 buôn, đưa trên 30 thanh thiếu niên xuống Bình Thuận (vùng căn cứ) bồi dưỡng văn hóa, đào tạo để trở thành cán bộ địa phương. Xây dựng hai xã Mang Yệu, Chi Lai Thành khu du kích và đã có tác dụng tích cực. Nhìn lại phong trào cách mạng của Đồng Nai Thượng tuy chưa đều khắp, nhưng đã góp phần làm thất bại âm mưu chia rẽ, mua chuộc đồng bào các dân tộc ít người của thực dân Pháp.

Trong quá trình lãnh đạo cách mạng, tổ chức Đảng ở địa phương không ngừng được củng cố và phát triển. Từ chỗ chỉ có một số đồng chí là đảng viên hoạt động phân tán đến tháng 4 năm 1949 mỗi tỉnh đều có Ban cán sự, sau khi hợp nhất Đảng bộ Lâm Đồng (tháng 10 năm 1950) đã có hàng trăm đảng viên, trong đó có nhiều đảng viên là dân tộc ít người. Đội ngũ cán bộ đảng viên xứng đáng với lòng tin cậy của nhân dân để lại trong nhân dân niềm tự hào, sự kính yêu và lòng mến phục, đã hoàn thành nhiệm vụ của Đảng. Đó là phân tố cơ bản để phong trào cách mạng địa phương từng bước lớn mạnh và góp phần vào thắng lợi chung.

Bên cạnh những thành tích, tiến bộ là cơ bản, là chủ yếu nhưng lãnh đạo, chỉ đạo có lúc chưa thật quán triệt đường lối kháng chiến, phương châm vùng sau lưng địch, chủ trương chuyển mạnh sang giai đoạn mới của Trung ương Đảng và cấp trên, do đó đã hạn chế phong

trào cách mạng, thậm chí có nơi, có lúc bị tổn thất. Những ngày đầu của cuộc kháng chiến chưa dự kiến được diễn biến của tình hình, chưa nhận thức và có kế hoạch xây dựng căn cứ, chỗ đứng chân của Tỉnh để chỉ đạo nên đã bỏ địa bàn và phải chịu nhiều tổn thất khi trở về địa phương hoạt động. Trước tháng 10 năm 1950 Lâm Viên chưa chú trọng xây dựng vùng bàn đạp ở nông thôn và vùng đồng bào dân tộc ít người; Đồng Nai thượng chưa tập trung sức xây dựng phong trào đô thị và công nhân đồn điền. Công tác vận động đồng bào dân tộc ít người, nhiều cán bộ, chiến sĩ chưa chấp hành tốt chính sách dân tộc của Đảng. Dịch lợi dụng khuyết điểm này gây khó khăn thêm cho ta. Sau khi hợp nhất Lâm Đồng do chưa nắm vững phương châm hoạt động vùng tạm chiếm, lại thêm tư tưởng nôn nóng nên trong công tác diệt ác trừ gian đã gây một số tổn thất cho phong trào cách mạng địa phương. Bước vào cuộc kháng chiến Lâm Đồng chưa có tổ chức Đảng. Khi có ban cán sự thì số chi bộ và đảng viên còn ít về số lượng, và yếu về chất lượng, đã ảnh hưởng nhất định đến phong trào cách mạng của địa phương.

Nhân dân Lâm Đồng đã giành được thắng lợi trong 9 năm kháng chiến chống thực dân Pháp là do những yếu tố sau đây:

— Nhờ có đường lối, chủ trương đúng đắn, sáng suốt và nghệ thuật chỉ đạo chiến tranh của Trung ương Đảng và chủ tịch Hồ Chí Minh. Đảng đã tích lũy được những kinh nghiệm quý báu và kịp thời đề ra đường lối, chủ trương chính sách, phương châm về chiến tranh cách mạng, chiến tranh nhân dân phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh nước ta. Do vậy, nhân dân ta đã phát huy đầy đủ sức mạnh của mình, đưa cuộc kháng chiến chống thực

dân Pháp từng bước tiến lên, từ yếu đến mạnh, từ thắng lợi nhỏ đến thắng lợi lớn và dồn dập, cuối cùng đánh thắng thực dân Pháp và can thiệp Mỹ. Bên cạnh đó còn có sự quan tâm thường xuyên của Liên khu ủy 5 và Ban cán sự Cục Nam trực tiếp chỉ đạo, đã tăng cường cán bộ, chiến sĩ, cung cấp phương tiện tạo điều kiện cho Lâm Đồng đẩy mạnh các hoạt động; Sự chú ý của liên trung đoàn 812 đã góp phần bổ sung cán bộ, chiến sĩ góp phần xây dựng các đội Vũ trang tuyên truyền, các đội công tác và tổ chức phối hợp chiến đấu trên địa bàn Lâm Đồng.

Đảng bộ Lâm Đồng không ngừng được củng cố và phát triển trong quá trình kháng chiến, đã trở thành nhân tố quyết định đưa phong trào cách mạng địa phương ngày càng phát triển. Đồng thời Đảng bộ từng bước quán triệt đường lối, chủ trương của Đảng và vận dụng vào tình hình thực tế của địa phương sát hợp, do đó đã có nhiều đảng viên được các tầng lớp nhân dân tham gia kháng chiến. Đội ngũ cán bộ, đảng viên được rèn luyện thử thách trong đấu tranh cách mạng đã trưởng thành về mọi mặt, là những hạt nhân nòng cốt trong phong trào. Nhiều cán bộ, đảng viên như các đồng chí: Ngô Huy Diễn, Trương Văn Hoàn, Phan Như Thạch, Đinh Văn Hội, Lê Trần Thái đã anh dũng hy sinh cho sự nghiệp cách mạng của Tỉnh nhà, để lại trong nhân dân niềm tự hào và mến phục.

Thắng lợi này còn do Đảng bộ Lâm Đồng đã biết phát huy truyền thống đấu tranh cách mạng, tinh thần đoàn kết của nhân dân các dân tộc anh em trong Tỉnh. Là vùng tạm bị chiếm nằm sâu trong lòng địch suốt 9 năm, tuy địch tìm mọi cách mua chuộc, chia rẽ, khủng bố dã man, nhưng các tầng lớp nhân dân Kinh - Thượng

vấn tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, tích cực ủng hộ và tham gia kháng chiến. Nhân dân các dân tộc anh em đã từng chịu đựng mọi hy sinh gian khổ để nuôi dưỡng, che dấu cán bộ và tiếp tế cho chiến khu. Bằng nhiều hình thức đấu tranh thích hợp, từ những cuộc đấu tranh đòi quyền lợi về kinh tế, chống bắt xấu, bắt lính đến những cuộc biểu tình, bãi thị đã thu hút hàng ngàn người tham gia. Tiêu biểu cho phong trào cách mạng của quần chúng trong 9 năm kháng chiến là phong trào của các tầng lớp nhân dân Đà Lạt, đồng bào các dân tộc ít người của Di Linh, Blao, ở vùng Tây Bắc Đà Lạt, ở La Ba, Gia Thạnh.

Thành lợi này còn thể hiện tinh thần đoàn kết, hợp đồng chiến đấu trong một chiến trường, trên một địa bàn hoạt động giữa Lâm Viên với Ninh Thuận, giữa Đồng Nai Thượng với Bình Thuận từ những ngày bước vào cuộc kháng chiến cho đến khi kháng chiến thắng lợi. Sự giúp đỡ chí tình của hai Tỉnh Ninh Thuận và Bình Thuận, tạo điều kiện cho Lâm Đồng xây dựng khu căn cứ, vùng bàn đạp, đã tích cực san sẻ cán bộ, lực lượng, tài chính, lương thực để Lâm Đồng có điều kiện tiến hành cách mạng. Nhiều Đảng viên, cán bộ, chiến sĩ và cơ sở cách mạng của hai Tỉnh Ninh Thuận, Bình Thuận đã hy sinh tính mạng, tài sản cho sự nghiệp giải phóng nhân dân các dân tộc Lâm Đồng, càng tô đậm mối tình đoàn kết, gắn bó keo sơn, chết sống có nhau giữa Đảng bộ và nhân dân hai Tỉnh Ninh Thuận, và Bình Thuận với Lâm Đồng. Sự giúp đỡ đó đã tạo điều kiện cho Lâm Đồng khắc phục mọi khó khăn góp phần đánh thắng thực dân pháp.

Qua thực tiễn đấu tranh cách mạng của Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Lâm Đồng trong chín năm kháng

chiến chống thực dân Pháp, có thể rút ra được những bài học kinh nghiệm về lãnh đạo, chỉ đạo hoạt động cách mạng ở địa phương như sau:

1) — Xác định vị trí, tính chất chiến trường để kịp thời đề ra những chủ trương đúng đắn:

Lâm Đồng nằm trên độ cao, khống chế các Tỉnh duyên hải Cực Nam Trung Lộ, lại là đầu mối giao thông quan trọng nối liền Sài Gòn và Nam Bộ với Tây Nguyên, nối liền đồng bằng Cực Nam Trung bộ với Lâm Đồng. Từ lâu Đà Lạt là nơi nghỉ mát nên là hậu phương tương đối an toàn của thực dân Pháp, chúng có ý đồ xây dựng Đà Lạt từng bước thành trung tâm chính trị ở Nam Đông Dương. Do đó chiếm được các Tỉnh Nam bộ, quân Pháp phải đánh chiếm vùng Cao Nguyên này để từ đó tiếp tục đánh chiếm các Tỉnh Cực Nam Trung bộ. Các mối chiếm đóng, địch tập trung lực lượng và dùng mọi biện pháp kiểm soát gắt gao ở nội thị Đà Lạt, còn ngoài ô và các vùng xa có nhiều sơ hở. Mặt khác, chúng tìm mọi cách để ổn định tình hình, tiếp tục xây dựng bộ máy ngụy quyền, từng bước nong ra đánh vùng ven thị xã, tại trấn, càn quét các vùng bản đap và ra sức lôi dân, bắt lính, lập các ổ vũ trang (Gum) trong vùng lòng báo dân tộc ít người hòng tiêu diệt lực lượng kháng chiến, ngăn chặn các đội Vũ trang tuyên truyền về hoạt động. Đi đôi với hành động đàn áp, khủng bố, tàn sát nhân dân, tiêu diệt chiến sĩ và cán bộ cách mạng, chúng còn dùng mọi thủ đoạn về chính trị, kinh tế để mua chuộc, dụ dỗ nhân dân nhất là đối với đồng bào dân tộc ít người, nhằm ly gián chia rẽ giữa các tầng lớp nhân dân, đặc biệt là giữa người Kinh với người Thượng. Bị thất bại nặng nề ở biên giới, chiến trường vùng đia Bắc bộ, Thượng Lào, thực dân Pháp ra sức

xây dựng Lâm Đồng trong căn cứ Tây nguyên thành nơi cố thủ cuối cùng ở Nam Đông Dương.

Trong quá trình kháng chiến, Đảng bộ Lâm Đồng đã được sự chỉ đạo của Trung ương Đảng và Chính phủ, có chỉ thị kháng chiến, kiến quốc, chỉ thị về đường lối kháng chiến toàn dân, toàn diện, lâu dài, được các phái đoàn của Chính Phủ, Bộ Tổng tư lệnh đến kiểm tra, thăm mặt trận và chỉ đạo cụ thể, được sự chỉ đạo của Phân Ban cán sự Cực Nam (sau này là Ban cán sự Cực Nam) và Liên khu ủy V; do vậy những ngày đầu của cuộc kháng chiến, chính quyền Cách mạng ở Lâm Đồng đã tích cực chuẩn bị về mọi mặt để chiến đấu. Sau khi chủ động rút lui đã tích cực xây dựng khu tản cư thành khu căn cứ để làm chỗ đứng chân, xây dựng bàn đạp, tổ chức cơ sở trên các trục đường giao thông để trở về địa phương đẩy mạnh các hoạt động cách mạng.

Hợp nhất Tỉnh, Ban cán sự Lâm Đồng đã từng bước quán triệt tư tưởng kháng chiến lâu dài, quan điểm kiên trì vận động cách mạng cho Đảng bộ; xác định vị trí tính chất chiến trường từng vùng trong Tỉnh và tập trung sự chỉ đạo; đã tổ chức thị ủy Đà Lạt, Phân thị, Phân Ban cán sự Tây Bắc Lâm Đồng, các đội Vũ trang tuyên truyền và Đại đội miền Bắc Lâm Đồng, xây dựng cơ sở chính trị và đẩy mạnh các hoạt động cách mạng đạt nhiều thành tích.

Thế nhưng, những năm đầu kháng chiến, các đồng chí lãnh đạo ở địa phương sau này là Ban cán sự Tỉnh chưa nhận rõ âm mưu, hành động của địch, chưa thấy hết tầm quan trọng có ý nghĩa chiến lược về vị trí của Lâm Đồng đối với Cực Nam Trung bộ, đối với Tây Nguyên và Nam Đông Dương, hoặc có nhận thức nhưng chưa

có biện pháp tích cực để thực hiện. Do đó, khi địch đánh vỡ các phòng tuyến (tháng 1 năm 1948) do chưa dự kiến được tình hình để kịp thời chủ động xây dựng khu căn cứ hoặc chỗ đứng chân cho bộ phận tiền phương ở trong vùng đồng bào dân tộc ít người bám lại để chỉ đạo, lại rút xuống Ninh Thuận, Bình Thuận. Sau khi hợp nhất Lâm Đồng (tháng 10 năm 1950) Ban cán sự Tỉnh cũng chưa quán triệt phương châm, phương thức hoạt động vùng sau lưng địch, có lúc đã chủ trương, biện pháp đấu tranh cách mạng chưa phù hợp.

Quá trình tiến hành và qua thực tiễn chín năm kháng chiến chống thực dân Pháp ở Lâm Đồng, bài học thứ nhất cần rút ra đó là từ nhận thức vị trí, tính chất chiến trường, nắm vững phương châm hoạt động và quán triệt các chủ trương của Đảng, đối với chiến trường, đồng thời tìm hiểu các âm mưu chiến lược, biện pháp chủ yếu và những hoạt động của địch để biết chỗ mạnh, chỗ yếu của kẻ thù trên phạm vi cả nước và tại địa phương, dự kiến những âm mưu, thủ đoạn, biện pháp đánh phá của địch để có chủ trương, nhiệm vụ công tác, phương châm, phương thức đấu tranh phù hợp. Đó là xác định cách mạng Lâm Đồng có mối quan hệ với các chiến trường Cực Nam Trung bộ, Đông Nam bộ, Tây Nguyên và Nam Đông Dương, xác định trách nhiệm của Đảng bộ địa phương chẳng những đối với sự nghiệp cách mạng trong Tỉnh mà còn đối với sự nghiệp chung của cả nước. Nhưng vấn đề cấp thiết trước tiên là xác định sự thống nhất chiến trường và địa bàn hoạt động giữa Lâm Viên với Ninh Thuận, giữa Đồng Nai Thượng với Bình Thuận có mối quan hệ mật thiết, tác động lẫn nhau và yêu cầu chính trị, về hoạt động quán sự... Trong những ngày đầu của cuộc kháng chiến, Lâm Viên

và Đồng Nai Thượng phải dựa vào Ninh Thuận và Bình Thuận để xây dựng hậu cứ, chỗ đứng chân để tiến về địa phương hoạt động, cũng như cần sự chi viện về mọi mặt của hai Tỉnh bạn. Vấn đề xây dựng hậu cứ, vùng bàn đạp cho cơ quan lãnh đạo và lực lượng vũ trang để làm chỗ đứng chân có ý nghĩa quyết định đối với cuộc kháng chiến. Do đó, các cấp ủy Đảng cần chú ý đến việc xây dựng lực lượng chính trị, xây dựng tiềm lực kinh tế, tổ chức lực lượng dân quân du kích và bố phòng chiến đấu, tổ chức cuộc sống cho cán bộ, chiến sĩ và nhân dân về vật chất, tinh thần đỡ bớt khó khăn và ngày càng tiến bộ. Đây là những vấn đề cốt lõi để xây dựng hậu cứ, xây dựng vùng bàn đạp ngày càng vững mạnh và phát huy tác dụng. Ngoài ra, cần có sự liên hệ chặt chẽ và kế hoạch phối hợp với Đảng bộ, lực lượng vũ trang, nhân dân địa phương, cũng như việc tổ chức và giữ vững đường dây liên lạc để chỉ đạo các đội Vũ trang tuyên truyền, các tổ chức cách mạng đang hoạt động ở Tỉnh nhà.

Đó là nghiên cứu vị trí, tính chất chiến trường này đối với địch có ý nghĩa chiến lược về quân sự, kinh tế, chính trị, xã hội trong thời bình cũng như thời chiến. Không phải ngẫu nhiên sau khi phát hiện vùng đất Lâm Viên và Đà Lạt, thực dân Pháp đã ra sức xây dựng, nhất là sau chiến tranh thế giới lần thứ nhất, khi đường giao thông về nước Pháp có nhiều trở ngại. Nhiều tên cáo già của thực dân Pháp đã từng tuyên bố: « Ai nắm được Cao Nguyên, người đó sẽ thắng ở Đông Dương ». Trở lại xâm lược Việt Nam, khi bị chặn đứng ở phòng tuyến Bắc Biên Hòa, quân Pháp không tiến quân ra Cực Nam Trung bộ mà phải quay sang đánh chiếm Đồng Nai Thượng, Lâm Viên để có điều kiện làm bàn đạp tiến đánh Ninh Thuận, Bình Thuận và Khánh Hòa. Sau khi

ký hiệp định sơ bộ 6-3, (Đắc-giăng-li-ơ-Dargenlieu) đã có chủ trương xây dựng nước « Tây Kỳ » tách khỏi nước Việt Nam. Bị thất bại ở Biên giới, đồng bằng Bắc bộ (sau năm 1951), địch đã có ý xây dựng Tây Nguyên làm nơi cố thủ cuối cùng.

Như vậy vị trí của Lâm Đồng chẳng những có ý nghĩa chiến lược nằm trong các tỉnh Tây Nguyên, mà còn đối với Cực Nam Trung bộ, miền Đông Nam bộ. Mặt khác, tuy Lâm Đồng là một tỉnh của Tây Nguyên nhưng đặc điểm về vị trí quân sự, về chính trị, xã hội. Là một tỉnh miền núi nhưng lại chịu nhiều ảnh hưởng về kinh tế, dư luận chính trị và các nguồn tin tức từ thành phố Sài Gòn và các Tỉnh đồng bằng của miền Trung Trung bộ. Từ nhận thức đó đề dự kiến những âm mưu, thủ đoạn, hành động của địch trên các lĩnh vực, nhất là thủ đoạn chia rẽ dân tộc và lừa mị của chúng. Xác định đúng những yêu cầu cơ bản của ta và địch, cách mạng và phản cách mạng, cuộc đấu tranh ở đây sẽ diễn ra gay go quyết liệt, phức tạp thì mới có kế hoạch chuẩn bị cán bộ, chiến sĩ bám địa bàn, bám nhân dân để chiến đấu và hoạt động, chuẩn bị yêu cầu, nội dung biện pháp về công tác tổ chức và đấu tranh phù hợp với chủ trương, phương châm, phương thức từng vùng, nhất là vấn đề xây dựng căn cứ trong vùng đồng bào dân tộc ít người, chống lại âm mưu chia rẽ dân tộc của địch. Điều này có ý nghĩa cực kỳ quan trọng với một Đảng bộ và trách nhiệm của người lãnh đạo, có quan hệ với sự nghiệp cách mạng thắng hay bại ở địa phương, góp phần nhiều hay ít, thậm chí làm trở ngại cho sự nghiệp chung. Những vấn đề này Đảng bộ Lâm Đồng có dự kiến nhưng chưa đầy đủ về những tình huống như Pháp dùng quân Nhật đánh chiếm Lâm Đồng tháng 11 năm 1945, quân Pháp lần công đánh vỡ phòng tuyến tháng 1 năm 1946,

âm mưu và hành động xảo quyệt của Pháp ký hiệp định sơ bộ địa phương và các thủ đoạn chính trị, kinh tế, quân sự sau này. Do đó, có lúc có nơi cách mạng gặp nhiều khó khăn, tổn thất. Dĩ nhiên với trình độ và xu thế diễn biến phức tạp của tình hình khó có thể nhận định đúng đắn và đầy đủ được. Nhưng trên cơ sở ban đầu với dự kiến gần đúng thực tế, chúng ta sẽ bám sát diễn biến của tình hình, nhất là trong quá trình chỉ đạo và trực tiếp đấu tranh để bổ sung và hoàn chỉnh những chủ trương và biện pháp phù hợp. Liên hệ bài học thứ nhất trong cuộc kháng chiến chống Đế quốc Mỹ cũng như hai nhiệm vụ chiến lược hiện nay là xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa thì vị trí của **Lâm Đồng** càng có ý nghĩa quan trọng về hậu cứ chiến lược đối với cả nước. Do đó, chúng ta cần tiếp tục nghiên cứu để vận dụng bài học này vào thực tiễn cách mạng hiện nay.

2) Vận dụng phương châm, phương thức hoạt động phù hợp với tình hình thực tế từng vùng là vấn đề có ý nghĩa quan trọng:

Sau khi có đường lối chủ trương kháng chiến của Đảng, khi đã xác định đúng vị trí, tính chất chiến trường và có chủ trương của địa phương phù hợp thì việc định rõ phương châm, phương thức hoạt động từng vùng, từng lúc và phương pháp công tác là điều kiện cần thiết để đưa phong trào cách mạng phát triển thuận lợi.

Lâm Đồng là chiến trường địch chiếm đóng suốt chín năm kháng chiến, lại xa sự chỉ đạo của Trung ương Đảng, và Liên khu ủy V. Mở đầu cuộc chiến đấu, Tỉnh chưa xây dựng được khu căn cứ ở nội địa, lực lượng Vũ trang các đội Vũ trang tuyên truyền đã gặp nhiều khó khăn, tổn thất

lúc trở về Tỉnh nhà hoạt động. Sau đó với phương thức hoạt động là đội Vũ trang tuyên truyền, ban Xung phong và đại đội Độc lập, sau năm 1951 là đội Vũ trang công tác, đã thống nhất chỉ đạo các lực lượng quân dân chính Đảng trong công tác gây cơ sở ở vùng địch trong đội Vũ trang tuyên truyền nên đã đạt được thành tích. Từ chỗ không có cơ sở phong trào cách mạng đã tổ chức hàng ngàn cơ sở chính trị, các đoàn thể quần chúng và chính quyền cách mạng trong hàng trăm buôn ấp, xã thôn, dân quân du kích được thành lập để chiến đấu và bảo vệ chính quyền cách mạng ở cơ sở. Qua sự lớn mạnh của lực lượng và phong trào cách mạng đã lôi kéo, tranh thủ phân hóa lực lượng kẻ thù, có nơi đã thành cơ sở chính trị hoặc cảm tình với kháng chiến kể cả các ở vũ trang trong đồng bào dân tộc ít người. Phong trào cách mạng ở vùng dân tộc ít người gặp khó khăn, đội công tác đã dùng cơ sở, bàn đạp vùng người Kinh để xây dựng cơ sở chính trị vùng dân tộc. Quá trình kháng chiến, càng về sau này thì nhận thức chủ trương và biện pháp xây dựng vùng bàn đạp, vùng căn cứ trong vùng đồng bào dân tộc ít người, ở vùng nông thôn ngày càng được quán triệt, đã chú ý xây dựng tổ chức, đẩy mạnh các hoạt động cách mạng ở thị xã, thị trấn, nhất là xây dựng hai xã Mang Yeu, Chi Lai thành khu du kích. Mặt khác, sau chuyển hướng phương châm, phương thức và địa bàn hoạt động năm 1952 đã xác định tư tưởng kháng chiến lâu dài, quan điểm kiên trì vận động cách mạng. Về hình thái chiến trường đã hình thành hai vùng: tạm bị chiếm và du kích. Tuy quy mô khu du kích còn nhỏ nhưng đối với Lâm Đồng có ý nghĩa rất quan trọng. Việc vận dụng phương châm kết hợp công tác công khai hợp pháp với công tác bất hợp pháp và bí mật đã có những

kết quả như sử dụng các hội ái hữu, phổ hiếu, hoặc dùng lực lượng quần chúng đấu tranh với địch để thăm viếng các thương bệnh binh, chôn cất các liệt sĩ...

Vận dụng phương châm, phương thức trong quá trình kháng chiến ở Lâm Đồng có nhiều diễn biến phong phú, đa dạng, phức tạp và đã thu được thắng lợi, nhưng vẫn còn nhiều khuyết điểm, nhược điểm. Lúc đầu kháng chiến chưa xác định được vùng nào là vùng căn cứ, vùng bàn đạp căn tích cực xây dựng chỗ đứng chân cho cơ quan và lực lượng vũ trang, vùng nào địch chưa có lực lượng, hoặc chưa tập trung xây dựng, đề từ đó có chủ trương xây dựng và định yêu cầu chỉ đạo. Đến khi có Nghị quyết Trung ương lần thứ II về nhiệm vụ và phương châm công tác vùng tạm chiếm và vùng du kích (tháng 9 năm 1951) nhưng vẫn chưa quán triệt. Điều này thể hiện lúc phòng tuyến bị vỡ đã bỏ địa bàn rút xuống Ninh Thuận và Bình Thuận, chưa có chủ trương bố trí lực lượng ở lại, xây dựng căn cứ trong tỉnh để hoạt động. Thể hiện trong chủ trương «Làm cho Hồ Đà Lạt nổi sóng» và diệt ác trừ gian trong những tháng đầu năm 1951, chưa kết hợp công tác diệt ác trừ gian với xây dựng và giữ gìn cơ sở chính trị, có lúc chỉ chú trọng hoạt động quân sự với tư tưởng nôn nóng để chuyển sang giai đoạn mới. Thể hiện trong công tác tổ chức, lãnh đạo đấu tranh còn bộc lộ lực lượng; xây dựng cơ sở chính trị tổ chức chính quyền cách mạng còn nặng hình thức chạy theo số lượng, nhẹ củng cố và đảm bảo chất lượng, nhất là cán bộ và cơ sở chính trị ở vùng bàn đạp và vùng đồng bào dân tộc ít người. Trong khi chuyển hướng phương châm, phương thức (1952) một số cán bộ có khuynh hướng sợ bộc lộ lực lượng, ngại hoạt động vũ trang đánh địch... Những khuyết điểm này

Đã hạn chế sự phát triển và trưởng thành của phong trào cách mạng ở địa phương, thậm chí có lúc còn bị tổn thất nặng nề.

Những khuyết nhược điểm này là do trình độ của tổ chức Đảng và cán bộ còn nhiều hạn chế trong việc quán triệt và vận dụng các Nghị quyết, chủ trương, đường lối của Đảng và sự chỉ đạo của cấp trên.

Mặt khác, trước những thất bại nặng nề trên các chiến trường nhất là từ sau chiến dịch Biên giới, địch ra sức đánh phá làm cho « Phong trào trong vùng tạm bị chiếm và vùng du kích đang trải qua thời kỳ khó khăn hơn » ⁽¹⁾. Nhưng khó khăn về mặt chủ quan như Nghị quyết đã nêu « Khó khăn đó không phải chỉ vì địch tăng cường lực lượng, dùng những thủ đoạn tàn nhẫn hơn, được Mỹ tích cực giúp đỡ hơn, mà cũng là vì chúng ta phạm nhiều khuyết điểm... » ⁽²⁾ về nhiệm vụ phương châm công tác vùng tạm bị chiếm và vùng du kích, nghị quyết Trung ương đã chỉ rõ thế nào là vùng bị tạm chiếm và vùng du kích và đã đề ra phương châm: nhiệm vụ chung, đồng thời Nghị quyết cũng đã lưu ý cho các cấp ủy khi « Áp dụng phương châm và thực hiện nhiệm vụ cần phải linh hoạt, không máy móc. Vùng du kích và vùng tạm bị chiếm không phải có ranh giới rạch ròi. TráI lại giới hạn của hai vùng thường không rõ rệt và thay đổi luôn theo sự phát triển của cuộc đấu tranh giữa hai bên. Ngay trong một vùng du kích hay một vùng

(1) Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ II về nhiệm vụ và phương châm, công tác trong vùng tạm bị chiếm và vùng du kích. Văn kiện Đảng quyển 1 tập 3 Ban NCLSB TƯ xuất bản 1980, trang 74-75.

(2) Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ hai về nhiệm vụ và phương châm công tác trong vùng bị tạm chiếm và vùng du kích. Sách đã dẫn trang 53, trang 76, 81, 82.

tạm bị chiếm tình hình không phải dần dần và lúc nào cũng giống nhau cả»⁽¹⁾.

Theo tinh thần và nội dung của Nghị quyết trung ương Đảng qua thực tiễn đấu tranh cách mạng của đảng bộ Lâm Đồng cần rút ra bài học vận dụng phương châm, phương thức theo từng vùng. Vì vậy việc xác định vị trí, thực lực của ta và định theo từng vùng, từng giai đoạn theo yêu cầu của cuộc kháng chiến mà đề ra phương châm, phương thức hoạt động cho thích hợp là điều kiện rất quan trọng, nhất là quá trình chỉ đạo phải uốn nắn kịp thời để chuyển lên hay chuyển xuống theo phương châm vùng du kích hay vùng tạm bị chiếm, định yêu cầu đấu tranh vũ trang hay đấu tranh chính trị là chính, đồng thời sự có chỉ đạo để phối hợp, hỗ trợ giữa lực lượng và hình thức đấu tranh chính trị hay đấu tranh vũ trang và giữa các vùng với nhau. Nhìn lại 9 năm kháng chiến, Lâm Đồng đã sớm xây dựng 3 khu căn cứ thành 3 khu căn cứ và xây dựng 2 xã Mang Yệu và Chi Lai thành vùng du kích đã phát huy tác dụng để đánh địch và tiến về Tỉnh nhà để hoạt động. Tại thị xã Đà Lạt, trục giao thông quốc lộ 11 và vùng La Ba, Gia Thạnh, Trại Mát những ngày đầu kháng chiến đã có hai vùng rõ rệt. Thế nhưng, chưa xác định phương châm, phương thức hoạt động cho từng vùng, trong lãnh đạo, chỉ đạo có lúc chưa có kế hoạch phối hợp và hỗ trợ giữa hoạt động vũ trang và diệt ác trừ gian với xây dựng cơ sở và phong trào chính trị, giữa việc hoạt động và đưa phong trào thị xã, thị trấn với nông thôn và vùng căn cứ, vùng bàn đạp. Hơn nữa Lâm Đồng là tỉnh mà đồng bào

(1) Nghị quyết Trung ương lần thứ 2 về nhiệm vụ và phương châm công tác trong vùng tạm bị chiếm và vùng du kích. Sách đã dẫn trang 81 — 82

dân tộc ít người ở hầu hết các địa bàn, có nơi chiếm đa số cho nên vận dụng và thực hiện phương châm, phương thức hoạt động ở vùng tạm bị chiếm và vùng du kích có liên quan đến chính sách dân tộc, đến công tác vận động đồng bào dân tộc ít người. Vì vậy, công tác vận động đồng bào dân tộc ít người làm cách mạng có kết quả nhiều hay ít, thành công hay tạm thời thất bại có liên hệ mật thiết đến việc xây dựng và hoạt động của vùng tạm bị chiếm và vùng du kích càng quan trọng đối với công tác xây dựng vùng bàn đạp và hậu cứ. Đây là nghệ thuật, là sự kết hợp giữa tính cách mạng và tính khoa học trong sự chỉ đạo phong trào cách mạng ở địa phương phù hợp với phương châm, phương thức và tương quan ta địch ở từng vùng. Về vấn đề này trong kháng chiến chống Mỹ, Đảng ta đã phát triển thành phương châm 3 vùng chiến lược và phương châm 5 vùng chiến thuật một cách sáng tạo và tài tình, đã có tác dụng thúc đẩy cuộc kháng chiến phát triển thuận lợi.

Ngoài ra, cần giải quyết đúng đắn mối quan hệ trong quá trình vận dụng và chỉ đạo thực hiện phương châm, phương thức. Đó là kết hợp chặt chẽ với tinh thần tấn công cách mạng với chủ động rút lui để giữ gìn lực lượng trong thời kỳ đầu kháng chiến. Rút lui nhưng phải có kế hoạch bố trí, xây dựng lực lượng cán bộ ở lại hoạt động.

Kết hợp giữa tấn công và xây dựng trong công tác diệt ác trừ gian với tổ chức cơ sở chính trị, đoàn thể quần chúng, chính quyền cách mạng và lực lượng dân quân du kích ở cơ sở. Trong xây dựng lực lượng vũ trang cũng phải thực hiện đúng đắn mối quan hệ vừa chiến đấu vừa xây dựng lực lượng chiến đấu phải chú ý về số lượng và chất lượng, kể cả bộ đội địa phương, dân quân du kích, du kích mật và tự vệ mật.

Kết hợp giữa công tác bí mật, bất hợp pháp với công khai hợp pháp về mặt tổ chức lực lượng, về yêu cầu phải đạt được trong đấu tranh. Do đó, tổ chức bí mật cần tinh gọn, chú trọng chất lượng. Tổ chức công khai, hợp pháp phải rộng rãi, phù hợp với trình độ đa số quần chúng và có điều kiện để đấu tranh với địch, đồng thời là «cái vỏ» bao che cho tổ chức, lực lượng bí mật, bất hợp pháp.

3—*Phát huy ý chí cách mạng và tinh thần đoàn kết của nhân dân các dân tộc trong Tỉnh là nguồn sức mạnh của kháng chiến:*

Dân cư Lâm Đồng trước năm 1900 chỉ có đồng bào dân tộc ít người, sau đó người Kinh đến sinh sống và dần dần chiếm đa số. Đồng bào dân tộc ít người ở vùng rừng núi, xa xôi hẻo lánh, chỉ có một số ít ở gần trục lộ giao thông, đồn điền, thị trấn, thị xã. Dân tộc Châu Mạ, K'Ho có truyền thống đấu tranh cách mạng. Đồng bào Châu Mạ có phong trào «bất hợp tác» với địch ngay từ khi thực dân Pháp đến xâm lược. Đồng bào K'Ho đã kế tục truyền thống đấu tranh chống thực dân Pháp của Ama Trang Long ở Nam Tây Nguyên, phong trào «Mộ Cọ» tại huyện Di Linh (1937 — 1938) đã thu hút hàng vạn người tham gia. Tuy nhiên vẫn còn nhiều bộ tộc ở chung quanh Đà Lạt, ở Tây Bắc Lâm Viên bị địch đầu độc bằng các hình thức tôn giáo, do đó tinh thần chống Pháp chưa được phát huy. Đồng bào Kinh tập trung sinh sống ở thị xã, thị trấn, các vùng ven, dọc theo đường giao thông. Từ các tỉnh trong nước hợp lại họ mang theo truyền thống cách mạng ở địa phương. Địch tìm mọi cách để chia rẽ dân tộc, chia rẽ địa phương, nhưng các dân tộc anh em vẫn sống chan hòa, đã đoàn kết và cùng nhau tham gia cách mạng.

Bau tháng lợi tháng 8 năm 1945, các tầng lớp nhân dân Kinh — Thượng đã hiểu thế nào là người dân được sống độc lập, tự do và trách nhiệm xây dựng đất nước. Do đó đã quyết tâm theo Đảng làm cách mạng, tiến hành kháng chiến chống ngoại xâm, bảo vệ chính quyền, bảo vệ Tổ quốc. Điều này đã thể hiện khi thể đánh Nhật ngày 3 tháng 10 năm 1945, thể hiện trong việc thực hiện các chủ trương tản cư, không hợp tác với địch, tiêu dùng tín phiếu, hăng hái gia nhập tự vệ, bộ đội, tham gia xây dựng phòng tuyến và chiến đấu (tháng 11 năm 1945, tháng 1 năm 1946). Trở lại chiếm đóng, địch đã thực hiện chính sách cổ hủ là chia rẽ Kinh — Thượng, ly gián và gây hấn thù dân tộc, nhưng nhân dân các dân tộc đã đoàn kết chiến đấu bên nhau. Cán bộ Kinh — Thượng ở lại hoạt động trong những ngày đầu kháng chiến hầu hết đã anh dũng hy sinh, trong đó có Ông K'Klu là người dân tộc K'Ho, hay ông Tạ Tion Đôn dân tộc Chu ru khi đứt liên lạc với tổ chức, đã tìm mọi cách hoạt động cách mạng. Đồng bào Kinh cũng như Thượng ở vùng địch tạm kiểm soát đều tham gia cách mạng, đã tiếp tế nuôi dưỡng cán bộ, bộ đội, đào hầm bí mật để che giấu cán bộ, gia nhập các đoàn thể quần chúng, rải truyền đơn, làm liên lạc, trực tiếp đấu tranh chống địch và thoát ly kháng chiến. Phong trào công nhân nhà máy điện, nha địa dư, ngành xe lửa, phong trào chị em phụ nữ chợ Đà Lạt, những người làm vườn chung quanh Đà Lạt đã có nhiều thành tích đóng góp cho cách mạng. Đồng bào dân tộc ít người trên tuyến đường 8 không hợp tác với thực dân Pháp khi chúng mới chiếm đóng và tham gia nhiều công tác góp phần đẩy mạnh kháng chiến. Trong đó có hai xã Mang Yệu, Chi Lai xây dựng thành khu du kích, bắn đập đề về nội

địa. Tuy vậy, sự giác ngộ và hành động cách mạng của các tầng lớp nhân dân chưa đều, nhất là ở các vùng xa, vùng đồng bào dân tộc ít người vì hưởng độc lập tự do thật sự không mấy ngày.

Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng nhưng vai trò của quần chúng được phát huy đầy đủ chỉ khi nào có Đảng tuyên truyền phát động tổ chức và lãnh đạo đấu tranh bằng nhiều hình thức thích hợp mới giành được thắng lợi. Trên cơ sở nâng cao trình độ giác ngộ của quần chúng và qua thực tiễn đấu tranh cách mạng rút kinh nghiệm để lãnh đạo, chỉ đạo thì phong trào cách mạng mới phát triển đều khắp, rộng rãi và liên tục. Đây là nguyên lý về công tác vận động quần chúng làm cách mạng, nhưng qua thực tiễn công tác ở Lâm Đồng cần phân tích những đặc điểm về quần chúng và yêu cầu, nội dung, phương pháp công tác vận động quần chúng để rút ra bài học. Đó là vận động quần chúng ở Lâm Đồng làm cách mạng có hai khối người Thượng và người Kinh, cư trú trên các địa bàn khác nhau, trình độ không đều nhau, từ đó liên quan đến công tác xây dựng căn cứ, xây dựng vùng bàn đạp, chỗ đứng chân để tiến về Tỉnh nhà và vào đô thị hoạt động. Như vậy đây mạnh phong trào cách mạng ở thị xã, thị trấn có quan hệ đến công tác vận động quần chúng người Kinh và xây dựng vùng căn cứ, vùng bàn đạp có quan hệ đến công tác vận động đồng bào dân tộc ít người. Do đó, công tác vận động quần chúng ở Lâm Đồng cần gắn với việc nhận thức và thực hiện phương châm, phương thức hoạt động từng vùng như bài học thứ 2 đã nêu. Vì vậy, cần giải quyết đúng đắn các mối quan hệ và sự tác động giữa việc thực hiện phương châm, phương thức với việc vận động các đối tượng

quần chúng làm cách mạng. Nếu các tầng lớp nhân dân chưa được phát động, chưa vào các tổ chức, chưa sẵn sàng công tác và đấu tranh với địch thì phương châm, phương thức đúng dẫn đến đâu cũng không có tác dụng thiết thực. Để công tác vận động quần chúng có kết quả, cần hiểu rõ đặc điểm dân cư, truyền thống cách mạng của quần chúng Kinh — Thượng, của các tầng lớp nhân dân mà có yêu cầu, nội dung và biện pháp thích hợp. Vận động quần chúng làm cách mạng, tổ chức đảng và cán bộ phải chú ý đến tính chất đặc thù của các đối tượng như đồng bào Kinh hay Thượng, đô thị hay nông thôn, lớp trên hay quần chúng cơ bản, buôn bán hay làm vườn, đồng bào các tôn giáo khác nhau được ảnh hưởng cách mạng nhiều hay ít, thậm chí chưa có hoặc chống đối... Hoạt động của đội công tác Chiến Thắng trong đồng bào dân tộc ít người kể cả quần chúng cơ bản và lớp trên, đội công tác ở Tổng Lạch tranh thủ tổ chức Gum đã có nhiều kết quả và những kinh nghiệm. Đây cũng là kết quả vận dụng 5 bước công tác (điều tra, tuyên truyền, tổ chức, huấn luyện và đấu tranh) của các đội công tác, nhất là ở thị xã Đà Lạt đã nhiều lần phát động được phong trào công khai, hợp pháp một cách rộng rãi để đấu tranh với địch trong vụ thảm sát ở Cam Ly và tổ chức đám tang của các liệt sĩ Lê Trần Thái, Nguyễn Lại, Hoàng Xuân Sinh và bà Su Nguyên. Phát động được phong trào hành động cách mạng trong quần chúng chẳng những đẩy mạnh công cuộc kháng chiến, mà còn làm thất bại âm mưu chia rẽ các dân tộc, nhất là âm mưu tổ chức các đả vũ trang (Gum) của địch.

Đi đôi với việc thực hiện các vấn đề trên cần xây

đưng tình đoàn kết chiến đấu giữa các dân tộc anh em với việc thực hiện chính sách bình đẳng, đoàn kết dân tộc của Đảng, chăm lo đời sống và tôn trọng phong tục tập quán của đồng bào. Ngoài ra, cán bộ đi sát bám quần chúng (trong đồng bào dân tộc thực hiện 4 cùng: cùng ăn, cùng ở, cùng làm, cùng tiếng nói) để tuyên truyền, giáo dục, tổ chức và lãnh đạo đấu tranh. Đây là những vấn đề có tính nguyên tắc và cũng là thực tiễn sinh động trong công tác vận động đồng bào dân tộc ít người làm cách mạng có kết quả.

Muốn quán triệt những điều trên, cán bộ, đảng viên cần nắm vững quan điểm giai cấp để phân tích và vận động quần chúng Kinh — Thượng làm cách mạng, nghiên cứu học tập đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng. Một vấn đề nữa cần lưu ý là muốn có phong trào, có hoạt động cách mạng trong quần chúng phải có cán bộ tại chỗ, nhất là có đảng viên và tổ chức đảng. Do vậy, cần nhanh chóng đào tạo bồi dưỡng cán bộ địa phương, cán bộ dân tộc ít người, đồng thời có kế hoạch xây dựng các tổ chức quần chúng, chính quyền cách mạng thì phong trào cách mạng mới duy trì và phát triển vững chắc. Những nơi chưa có phong trào cách mạng, hoặc còn yếu kém là do đảng chưa có cán bộ, hoặc có cán bộ nhưng chưa bám được quần chúng, chưa có nội dung, hình thức để tuyên truyền và tổ chức phù hợp. Đối với vùng dân tộc ít người chưa chú ý giáo dục cán bộ, chiến sĩ tôn trọng phong tục tập quán để vận động đồng bào dân tộc ít người làm cách mạng. Đó là những vấn đề cơ bản và thiết thực trong công tác vận động nhân dân các dân tộc ở Lâm Đồng hoạt động cách mạng mà các cấp ủy, cán bộ, đảng viên, chiến sĩ cần lưu ý vận dụng.

4. Xây dựng tổ chức Đảng và chủ trọng công tác phát triển đảng viên là nhân tố quyết định mọi thắng lợi:

Tổ chức Đảng ở Lâm Đồng ra đời sớm (tháng 4 năm 1930) đã xác lập được vai trò lãnh đạo của Đảng trong thời kỳ 1930 — 1945, nhưng bước vào cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp mặc dù ở Lâm Viên có đảng viên nhưng chưa phát huy đầy đủ vai trò lãnh đạo của Đảng vì những đồng chí đảng viên đó tuy đã nêu cao tính tiên phong gương mẫu nhưng do nội bộ thiếu đoàn kết nhất trí nên chậm chần chỉnh lại tổ chức Đảng để lãnh đạo kháng chiến. Còn ở Đồng Nai Thượng chưa có Đảng, Ủy ban Việt Minh và Ủy ban Nhân dân Lâm thời đã giữ vai trò lãnh đạo. Từ vài đảng viên ở Lâm Viên và 1 đảng viên kết nạp tháng 1 năm 1947 ở Đồng Nai Thượng tiến tới có chi bộ, có Ban cán sự Tỉnh, hình thành chi bộ các huyện, đảng bộ Đà Lạt, chi bộ các đội Vũ trang tuyên truyền, chi bộ các ban ngành cấp Tỉnh. Ở Đồng Nai Thượng, công tác phát triển Đảng càng về sau càng được chú ý trong các đội công tác, đội Vũ trang tuyên truyền, các đại đội Độc lập, trong cán bộ nhất là cán bộ tại chỗ trong đồng bào dân tộc ít người. Đảng viên của Đảng bộ Lâm Đồng là từ nhiều nơi, nhiều nguồn, số đảng viên phát triển người tại chỗ quá ít, kể cả cán bộ Kinh và cán bộ dân tộc ít người, trình độ lại không đều nhau. Về thành phần giai cấp xuất thân của đảng viên thì những đảng viên là cán bộ lãnh đạo hầu hết là giai cấp tiểu tư sản, tỷ lệ giai cấp công nhân còn quá thấp, hơn nữa không đủ đảng viên bố trí ở các địa bàn và cơ quan để lãnh đạo, nhất là ở các vị trí quan trọng. Tuy đã có Nghị quyết về công tác giáo dục, rèn luyện

học tập cho đảng viên, giữ vững nền nếp sinh hoạt chỉ bộ, thực hiện đấu tranh tự phê bình, phê bình có kết quả, nhưng việc làm này chưa được thường xuyên, chưa có yêu cầu, nội dung phù hợp từng loại đảng viên. Nhìn lại quá trình xây dựng Đảng bộ Lâm Đồng trong 9 năm kháng chiến chống Pháp thì diễn biến không thuận lợi, tổ chức - đảng hình thành chậm, số lượng đảng viên không ổn định, lên xuống bất thường, số đảng viên sau năm 1953 ít hơn những tháng đầu năm 1951, vì một số hy sinh, bị địch bắt, một số thay đổi công tác, sắp xếp bố trí lại địa bàn hoạt động.

Qua thực tiễn cách mạng và công tác xây dựng Đảng ở Lâm Đồng đã chứng tỏ: « Năng lực lãnh đạo của một Đảng bộ chẳng những cần có số lượng đảng viên nhất định mà còn phụ thuộc vào chất lượng, đội ngũ cán bộ đảng viên » (1). Đây là nguyên tắc chung trong công tác xây dựng và lãnh đạo của Đảng. Thế nhưng, Đảng bộ Lâm Đồng có những nét riêng cần phân tích để rút kinh nghiệm trong công tác xây dựng Đảng về tổ chức, về chính trị và tư tưởng.

Xây dựng Đảng về tổ chức cần đặc biệt quan tâm công tác phát triển đảng viên, nhất là người tại chỗ để làm nòng cốt và lãnh đạo phong trào cách mạng địa phương. Đi đôi với công tác phát triển Đảng, khẩn trương hình thành tổ chức lãnh đạo, từ chi bộ đến Ban cán sự hay các cấp ủy Đảng để lãnh đạo phong trào cách mạng. Cần có kế hoạch và chủ ý phát triển đảng viên, nhất là trong thành phần giai cấp công nhân, xây dựng tổ chức Đảng ở những vùng có vị trí chiến lược, các cơ

(1) Hồ Chí Minh « Công tác xây dựng Đảng » Nhà xuất bản Sự thật. →
Hà Nội trang 209.

quan trọng của địch, cũng như theo yêu cầu nhiệm vụ chính trị và tình hình cụ thể ở địa phương theo từng thời kỳ để định những tổ chức thành lập như việc thành lập Phan thị Đà Lạt, Ban cán sự Tây Bắc Lâm Đồng. Công tác xây dựng chi bộ phải có kế hoạch và được tăng cường chỉ đạo, thường xuyên sơ kết, tổng kết rất kinh nghiệm để làm tròn tổ chức cơ sở của Đảng. Công tác phát triển đảng viên và xây dựng chi bộ có mối quan hệ chặt chẽ, tác động lẫn nhau như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ rõ: « Để lãnh đạo cách mạng, Đảng phải mạnh, Đảng mạnh là do chi bộ tốt, chi bộ tốt là do đảng viên tốt » (1). Do đó, xây dựng Đảng về mặt tổ chức cần có kế hoạch toàn diện từ phát triển, giáo dục rèn luyện đảng viên, xây dựng chi bộ đến việc xây dựng, củng cố các cấp ủy đảng và toàn Đảng bộ. Dĩ nhiên kế hoạch và sự chỉ đạo phải có bước đi và trọng tâm theo dọc chiều tình hình theo khả năng cán bộ chỉ đạo và yêu cầu nhiệm vụ chính trị, kể cả sự viện trợ cán bộ, đảng viên của Tỉnh bạn và sự chỉ đạo trực tiếp của cấp trên. Đối với vùng dân tộc, nhất thiết phải phát triển cơ đảng viên người dân tộc mới đảm bảo phong trào cách mạng vùng dân tộc vững chắc được.

Xây dựng về mặt chính trị, tư tưởng cần đặc biệt chú ý dọc chiều của Lâm Đồng là chiến trường năm sáu trong vùng địch, bị chiếm đóng sớm, là nơi có nhiều khó khăn, gian khổ. Do vậy, đội ngũ đảng viên, cán bộ, chiến sĩ phải quán triệt đường lối, chủ trương, phương châm, chính sách của Đảng và Chính phủ, tình hình nhiệm vụ chung và địa phương, nhất là tinh thần tự lực, tự cường tìm cách giải quyết mọi khó khăn, thiếu

(1) Hồ Chí Minh « Công tác xây dựng Đảng » Nhà xuất bản sự thật Hà Nội trang 209.

thốn của đơn vị, địa phương là vấn đề hết sức cấp bách và có ý nghĩa quyết định đến thắng lợi của cách mạng; đồng thời giải quyết kịp thời những băn khoăn, thắc mắc về nhận thức, tư tưởng để củng cố niềm tin, nhất là trong những bước ngoặt của phong trào cách mạng ở địa phương. Kịp thời phát hành những tờ tin, tờ báo tổ chức những cuộc họp để phổ biến tình hình, chủ trương là một vấn đề không thể thiếu được. Qua thực tiễn của Đồng Nai Thượng và Đà Lạt trong tình hình hết sức khó khăn, địch thường xuyên đánh phá, nhờ có tờ báo, tờ tin và tổ chức các lớp huấn luyện nên đã giải quyết được nhiều vấn đề về nhận thức và tư tưởng cho cán bộ, quần chúng.

Ngoài ra, cần chú ý việc rèn luyện phẩm chất, đạo đức cách mạng, giáo dục mục tiêu lý tưởng của Đảng nhưng phải tùy theo từng đối tượng và trình độ để có yêu cầu, nội dung, biện pháp giáo dục phù hợp. Điều kiện chiến trường có nhiều ác liệt, khó khăn, trong việc mở lớp học tập thì chú trọng đến việc sinh hoạt thực hiện tự phê bình và phê bình, cán bộ lãnh đạo cần đi sát nhắc nhở, tâm tình chỉ bảo là biện pháp có hiệu quả nhất. Cùng với những việc làm này thì vấn đề khen thưởng, kỷ luật kịp thời là điều không thể thiếu được. Đối với đảng viên từ các nơi đến cần giáo dục tinh thần quyết tâm bám chiến trường, yêu mến nhân dân, yên tâm công tác. Đối với đảng viên mới phát triển, nhất là đảng viên là người tại chỗ và đảng viên người dân tộc cần chú ý nâng cao trình độ giác ngộ cách mạng, hiểu biết tình hình nhiệm vụ ở địa phương và rèn luyện tinh thần quyết tâm làm cách mạng dù phải hy sinh tính mạng và tài sản. Trong công tác xây dựng đội ngũ cán bộ quần chúng cần quan tâm giáo dục vấn

đề đoàn kết nhất trí, tinh thần tương thân tương trợ, chia ngọt sẻ bùi trong chiến đấu và công tác, trong cuộc sống gian khổ giữa những cán bộ đảng viên và chiến sĩ, tinh thần bình đẳng, giúp đỡ lẫn nhau cùng tiến bộ giữa cán bộ Kinh và cán bộ dân tộc.

Tình hình Đảng bộ, cơ cấu đội ngũ cán bộ đảng viên ở Lâm Đồng trong thời kỳ chống Pháp so với thời kỳ kháng chiến chống Mỹ và hiện nay có những đặc điểm chủ yếu về cơ bản giống nhau. Đó là đội ngũ cán bộ, đảng viên từ nhiều nơi, nhiều nguồn hợp lại, cán bộ đảng viên là người tại chỗ, nhất là cán bộ, đảng viên người dân tộc ít người thì quá ít. Do đó bài học xây dựng tổ chức Đảng ở các cấp, công tác phát triển đảng viên nhất là người tại chỗ, cũng như công tác cán bộ, công tác giáo dục chính trị lãnh đạo tư tưởng cho phù hợp với các đối tượng cán bộ, đảng viên, cần phải đặc biệt chú ý tổng kết và rút kinh nghiệm để vận dụng vào Đảng bộ địa phương. Có như vậy mới thực hiện đầy đủ nguyên lý « Đảng là nhân tố quyết định của mọi thắng lợi ».

oOo

Đây là những bài học kinh nghiệm rút ra từ nguyên tắc về công tác xây dựng Đảng, tư đường lối chủ trương kháng chiến, phương châm, phương thức công tác; từ thực tiễn cách mạng sinh động ở Lâm Đồng qua 9 năm kháng chiến chống thực dân Pháp, để chúng ta tiếp tục nghiên cứu, bổ sung và làm phong phú thêm kinh nghiệm lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng bộ Lâm Đồng trong những thời kỳ cách mạng tiếp theo.

MỤC LỤC

	Trang
— LỜI NÓI ĐẦU	5
— PHẦN THỨ NHẤT	
Lâm Viên và Đồng Nai Thượng trước khi bước vào cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.	7
— PHẦN THỨ HAI	
Đảng bộ Lâm Đồng lãnh đạo nhân dân các dân tộc tiến hành kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (từ tháng 10-1945 đến tháng 7-1951).	19
● <i>Chương I</i> : Lâm Viên, Đồng Nai Thượng chuẩn bị và tiến hành kháng chiến chống Pháp (từ 10-1945 đến 10-1951).	20
● <i>Chương II</i> : Thành lập tỉnh Lâm Đồng, đẩy mạnh cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (từ 10-1950 đến 7-1954).	81
— PHẦN THỨ BA	
Kết luận	139

Chịu trách nhiệm xuất bản.

NGUYỄN XUÂN KÝ

Biên tập:

NGUYỄN XUÂN KÝ

NGÔ XUÂN TRƯỜNG

Sửa bản in:

NGUYỄN CÔNG LÝ

HUỲNH BÍCH ĐÀO

In 1.000 cuốn khổ 13 × 19 tại Xí nghiệp In quốc doanh Lâm Đồng.

Xong ngày 31-12-1984. Nộp lưu chiều tháng 12-1984.

DC212
S460T

CỘNG SẢN VIỆT NAM

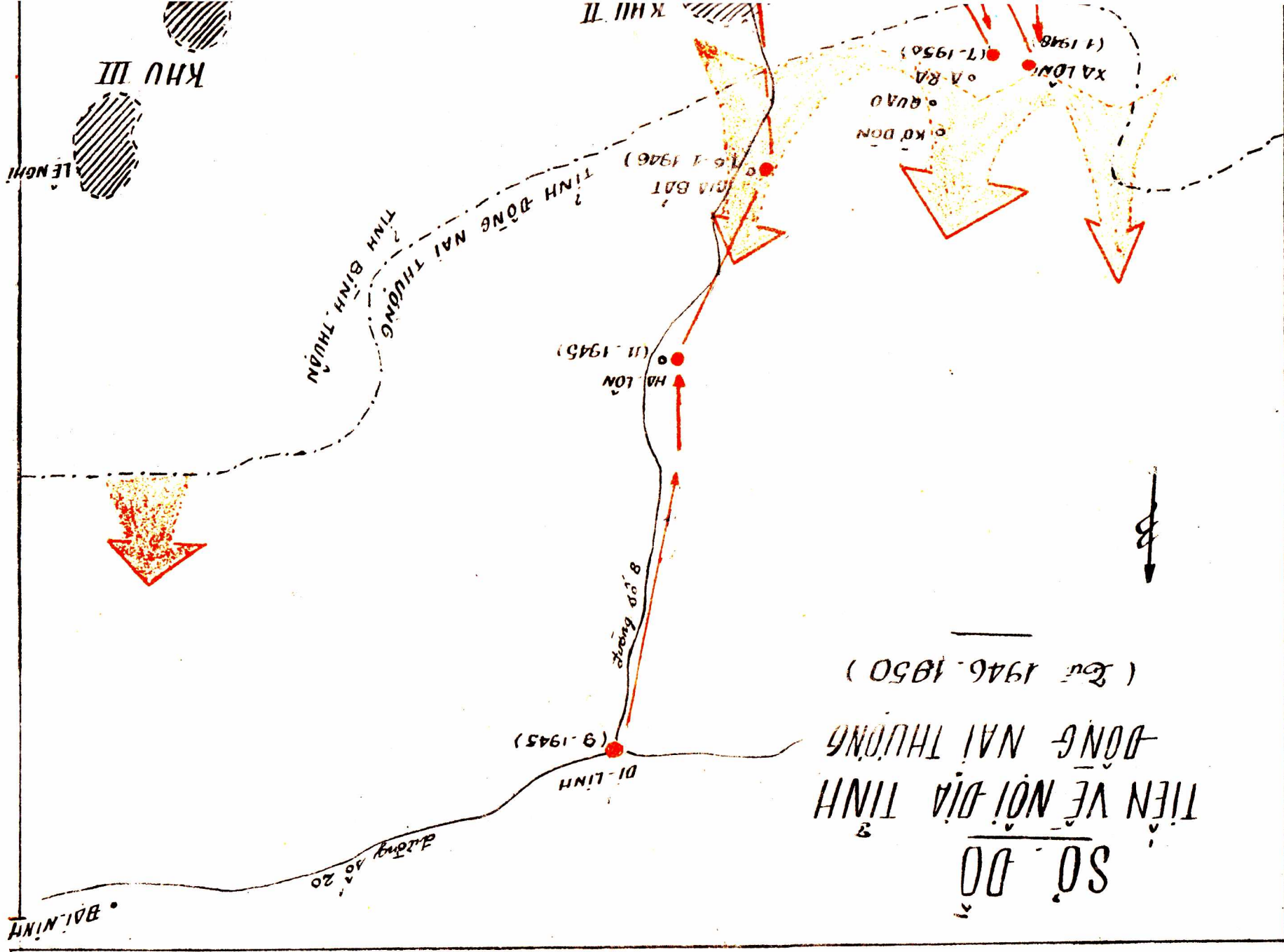
SƠ THẢO
**LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ
TỈNH LÂM ĐỒNG**
(1945 - 1954)

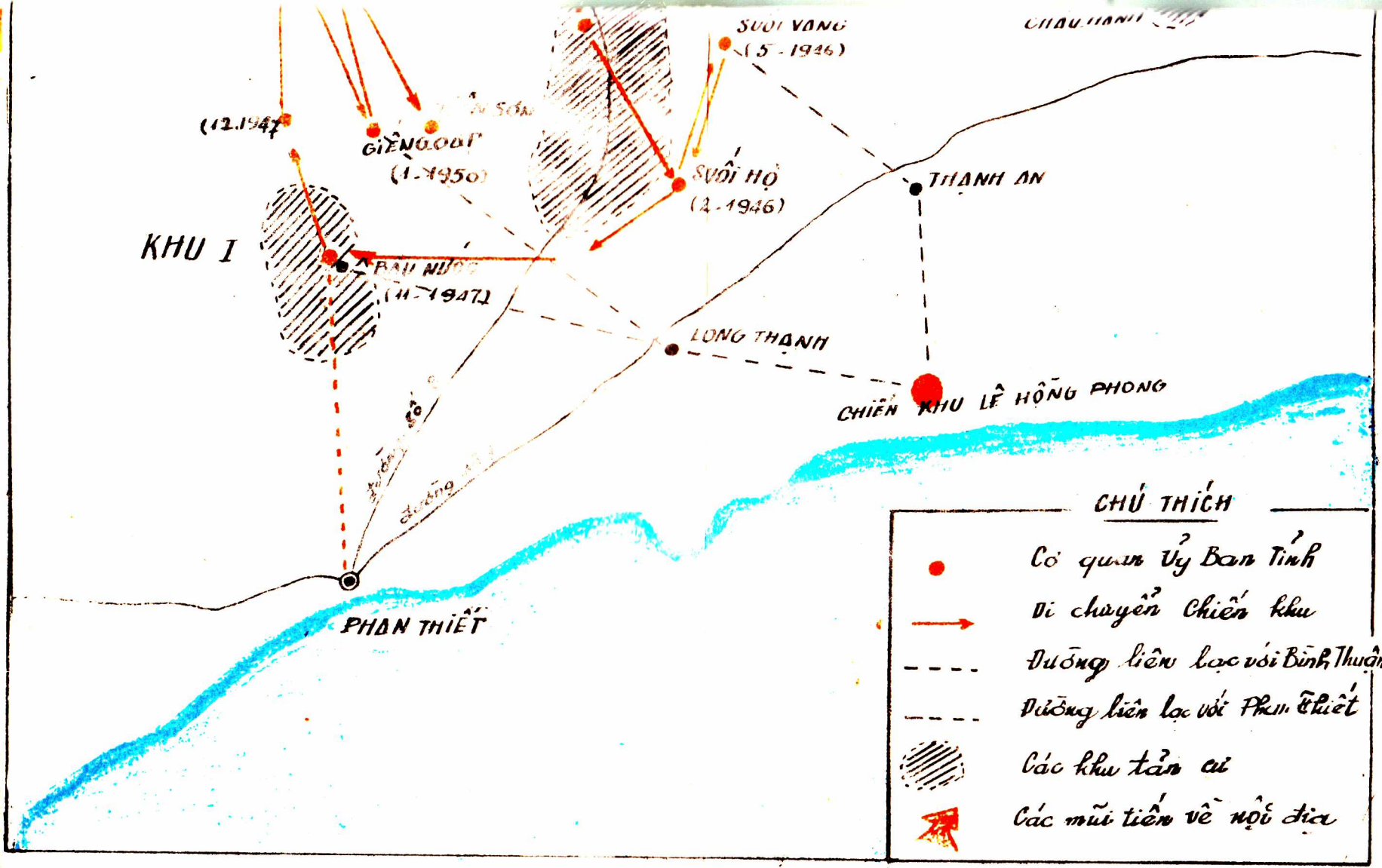
BAN NGHIÊN CỨU LỊCH SỬ ĐẢNG TỈNH LÂM ĐỒNG
— XUẤT BẢN NĂM 1984 —

SƠ ĐỒ

TIỆN VỆ NỘI ĐỊA TỈNH
ĐÔNG NAI THƯỢNG

(2 từ 1946 - 1950)





80' ĐÔ CÁC HƯỚNG TIỀN QUÂN VÀ RÚT LUI

